

BÁCH KHOA

SỐ 28 - NGÀY 1-3-1958

Trong số này :

- | | |
|------------------|--|
| VƯƠNG-HÒA-ĐỨC | Thị trường tổ hợp Âu Châu. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Chế độ dân chủ cộng hòa. |
| TIỂU-DẪN | Hai vấn đề quan yếu của thế giới năm 1958 (tiếp theo). |
| NGUYỄN-NGU-Í | Nguyễn-Huệ, hay là giấc mộng lớn chưa thành. |
| NGUYỄN-VĂN-XUNG | Một nhận định về văn học Việt-Nam. |
| PHẠM-ĐÌNH-TÂN | Gửi Thi - st Á - Nam Trần-Khoai. |
| PHẠM-HOÀNG-HỘ | Nguồn gốc loài người. |
| VŨ-QUYNH-BANG | Xuân-ý (thơ). |
| VI-HUYỀN-ĐẮC | Cây tôi. |
| MẠC-LY-CHÂU | Đêm Tokyo (thơ). |
| VŨ PHIẾN | Về một xóm quê. |
| YÃ HẠC | Tiết phụ Ngâm (thơ dịch). |
| HƯ CHU | Tình số, Ngộ Ngộ. |
| LÂM NGŨ ĐƯƠNG | Khởi lữ kinh thành. |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40 và 50°
— Rượu Tàu "*Lào Mạnh Tử*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ Tử*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 60° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES ***DE L'INDOCHINE***



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

& NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

& TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 15	}	mỗi thứ bảy
về tới Saigon 19 g 30		

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La ociété Urbain Foncière

(S. U. F. O.)

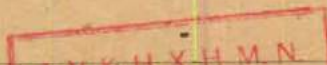
18, BEN BACH DANG — SAIGON



BÁCH-KHOA

Số 28 — Ngày 1-3-1958

- VƯƠNG-HÓA-ĐỨC. *Thị trường tổ hợp Âu Châu.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ dân chủ cổ điển.*
- TIÊU-DÂN *Hai vấn đề quan yếu của thế giới năm 1958. (tiếp theo)*
- NGUYỄN-NGU-Ĩ *Nguyễn-Huệ, hay là giấc mộng lớn chưa thành.*
- NGUYỄN-VĂN-XUNG *Một nhận định về văn học Việt-Nam.*
- PHẠM-ĐÌNH-TÂN *Gửi Thi-sĩ Á-Nam Trần-tuấn Khải.*
- PHẠM-HOÀNG-HỘ *Nguồn gốc loài người.*
- VŨ-QUỲNH-BANG *Xuân-Ý (thơ).*
- VI-HUYỀN-ĐẮC *Cậu tôi.*
- MẠC-LY-CHÂU *Đêm Tokyo (thơ).*
- VÕ-PHIẾN *Về một xóm quê.*
- YÃ-HẠC *Tiết phụ Ngâm (thơ dịch).*
- HU-CHU *Tình-sử : Ngó Nữ.*
- LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG *Khói lửa kinh thành.*



BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|-----------------------|---|---|
| HUỖNH-VĂN-LANG | : | Tôi thăm viếng Hòa Lan. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | Tổng Thống Hiệp-Chúng-Quốc. |
| THỰC-TRINH | : | Tự cung tài bản (autofinancement). |
| TRẦN-HÀ | : | Tam-Tạng thịnh-kinh Đông-độ. |
| QUANG-HUẤN | : | Giai-đoạn mới. |
| TIÊU-DÂN (dịch thuật) | : | Hoa kỳ tự vấn. |
| G. B TRẦN-ĐỨC-HUYỀN | : | Đạo Không với óc Khoa-Học. |
| VŨ-KỶ (dịch thuật) | : | Xem thần thuật ở nhà (Ký ức của một người điên). |
| ĐẶNG-VĂN-NHÂM | : | Ảnh hưởng Ấn-Độ và Trung-Hoa đối với các Tháp, Chùa Việt-Nam. |
| VÕ-PHIỄN | : | Nghĩ về Chàng và Nàng. |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC | : | Cho tay này lấy tay kia. |
| NGUYỄN-PHÚC | : | Cô đơn. |
| HƯ-CHU | : | Tình sử. |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 - 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo - SAIGON

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

Hộp thư 339 - SAIGON

THỊ - TRƯỜNG TỔ - HỢP ÂU - CHÂU

(*Le Marché commun européen*)

VƯƠNG-HÒA-ĐỨC

MỘT hình thức kinh tế mới vừa được thành lập trong vòng năm 1957, và sẽ được đem áp dụng kể từ đầu năm 1958, mở thêm cho ngành Kinh tế Quốc tế (*International Economics*) một chương mục mới, mà các nhà kinh tế cần theo dõi để xem tình trạng kinh tế thế giới đang tiến về đâu, và những cố gắng của các nước có đem lại cho tương lai một sự quân bình kinh tế, như mọi người hằng mong đợi không ?

Hình thức kinh tế mới vừa nơi đây, là « Thị trường Tổ hợp Âu châu » (*Le Marché commun de l'Europe*) gồm có sáu nước : Pháp, Ý, Đức, Hòa-lan, Bỉ và Lục-xâm-bảo. Mục đích của tổ chức này là thực hiện một thị trường to rộng có thể tương sánh với các đơn vị kinh tế lớn, như Hoa-kỳ và khối Liên hiệp Anh, và đồng thời giảm bớt những sự hạn chế mậu dịch làm ngăn trở sự chuyển vận vật phẩm và dịch vụ giữa các nước.

« Thị trường Tổ hợp Âu-châu » chủ trương thực hiện chế độ tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ và tư bản giữa các nước bằng cách hủy bỏ hàng rào quan thuế trong khối, đặt chánh sách quan thuế chung cho toàn khối đối với các nước bên ngoài, hủy bỏ những sự hạn chế lượng số xuất nhập cảng hàng hóa, cho phép nhân công được tự do lưu thông và cư trú, và tư bản được di chuyển dễ dàng không bị ngăn trở bởi một chính sách hạn chế nào.

Muốn thực hiện một chế độ lý tưởng như vậy, các nước trong khối tổ hợp đã dự trù một thời gian chuyển tiếp dài từ 12 đến 17 năm. Trong thời gian này, các sự hạn chế được lần lần giảm bớt, cho đến khi không còn có sự hạn chế nào nữa.

Thị trường Tổ hợp Âu-châu được thành lập như thế nào ?

Từ khi chiến tranh kết liễu đến giờ, các nước trong khối « Liên hiệp Âu châu về than và thép » hằng mong muốn đi đến một sự tổ hợp kinh tế, bằng cách hủy bỏ hàng rào quan thuế giữa các nước.

THỊ TRƯỜNG TỔ HỢP ÂU-CHÂU

Trong kỳ Hội nghị tại Messine (Sicile Ý) tháng Sáu 1955, các Bộ Trưởng trong khối « Liên hiệp Than và Thép » đã chấp thuận nguyên tắc thành lập khối « Tổ hợp kinh tế Âu-châu ».

Một dự thảo Hiệp ước đã được nghiên cứu trong hai kỳ Hội nghị tại Venise (Ý) ngày 29-5-1956, và tại Bruxelles (Bỉ) ngày 26-6-1956, để thành lập thị trường Tổ hợp Âu-châu.

Các điều khoản trong bản hiệp ước được chấp thuận ngày 20-2-1957, và Chính văn Hiệp ước được Quốc Trưởng và Bộ Trưởng Ngoại giao các nước Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Hòa Lan và Lục-xâm-bảo ký kết, tại Rome (Ý) ngày 25-3-1957. Các nước đã dự liệu bắt đầu thi hành hiệp ước này vào ngày 1 tháng giêng 1958, sau khi được Quốc hội các nước phê chuẩn.

Cơ cấu tổ chức.—

Cơ cấu tổ chức Thị Trường Tổ Hợp Âu-Châu gồm có 4 cơ quan : Hội đồng Bộ Trưởng ; Ủy ban Âu-châu ; Pháp viện tài phán và Đại Hội Nghị.

(1) *Hội đồng Bộ Trưởng*, gồm có 6 vị Bộ Trưởng của 6 nước trong tổ chức. Hội đồng này có nhiệm vụ phối hợp chính sách kinh tế của các quốc gia hội viên, trong phạm vi chính sách chung của toàn khối. Hội đồng nhóm họp khi vị Chủ tịch triệu tập, hoặc do tự ý của ông, hay do lời yêu cầu của Ủy ban hay của các ông Bộ Trưởng khác. Hội đồng có quyền quyết định mọi vấn đề, với đa số-tuyệt đối, hoặc với toàn thể chấp thuận, tùy theo trường hợp. Khi cần quyết định theo đa số, và cho một vài vấn đề quan trọng, mỗi ông Bộ Trưởng có một số thăm nhiều ít tùy theo sự quan trọng

của quốc gia ông ấy đại diện : ông Bộ Trưởng nước Đức, có 4 thăm, Pháp 4 thăm, Ý 4 thăm, Bỉ 2 thăm, Hòa-lan 2 thăm, và Lục-xâm-bảo 1 thăm. Nên chú ý, chức chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng là một chức vụ luân phiên: mỗi ông Bộ Trưởng giữ chức Chủ tịch một lần, trong 6 tháng cứ tuần tự thay đổi theo thứ tự mẫu tự, đứng đầu tên mỗi quốc gia.

(2) *Ủy ban Âu-châu*. — là một uỷ ban gồm đại biểu do các nước giới thiệu. Số uỷ viên trong uỷ ban Âu-châu chỉ có 9 người, do Hội đồng Bộ Trưởng đồng thanh chọn cử. Ủy ban là một cơ quan thừa hành, có nhiệm vụ điều động công việc của Tổ chức, thi hành hiệp ước và các luật lệ chung của toàn khối. Mỗi năm, uỷ ban còn có nhiệm vụ ấn hành một quyền báo cáo về mọi hoạt động của Tổ chức.

(3) *Pháp viện tài phán Âu-châu*. — Gồm có 7 vị thẩm phán, do các chính phủ trong tổ chức đồng thanh chọn cử, tuyển trong hàng các pháp gia danh vọng trong các quốc gia hội viên. Trong khi làm thẩm phán trong pháp viện tài phán Âu-châu, các vị này phải hoàn toàn vô tư và không liên hệ gì đến xứ sở của họ nữa. Các thẩm phán được giữ nhiệm kỳ trong 6 năm, và có thẩm quyền nghị phán về các việc tranh chấp, chiếu theo Hiệp ước và luật lệ chung của Tổ chức.

(4) *Đại hội nghị Âu-châu*, gồm có 142 hội viên đại diện các nước. Về thành phần trong Đại hội nghị, thì nước Pháp có 36 đại biểu ; Đức có 36 ; Ý 36 ; Bỉ 14 ; Hòa-lan 14 ; Lục-xâm-bảo 6 đại biểu. Các đại biểu này do Quốc hội các nước chọn cử theo thủ tục bầu cử của mỗi nước. Các vị đại biểu này có nhiệm vụ như một Nghị viện (Parlement) của một nước đơn thuần, nghĩa

là có quyền kiểm soát cuối cùng và chuẩn phê mọi hoạt động của Tổ chức. Đại Hội nghị nhóm họp mỗi năm một lần, vào ngày thứ ba hạ tuần tháng Mười, và có thể nhóm họp bất thường nếu có công việc khẩn cấp. Đại Hội Nghị quyết định theo đa số thăm được phát biểu.

Ngoài 4 cơ quan kể trên, Tổ chức Thị trường tổ hợp còn có một cơ quan tư vấn, gọi là « Ủy ban tư vấn kinh tế » (Comité économique consultatif) gồm có đại biểu các ngành sản xuất, canh nông, chuyên chở, đại biểu công nhân, đại biểu các ngành tự do, và đại biểu các ngành công ích v.v. Số ủy viên được ấn định là 101 người, trong đó Pháp có 24 đại biểu ; Đức 24 ; Ý 24 ; Bỉ 12 ; Hòa-lan 12 và Lục-xâm-bảo có 5 đại biểu. Các đại biểu này do Hội Đồng Bộ Trưởng bổ dụng, theo bản danh sách do mỗi Quốc gia hội viên đề nghị.

Các hình thức hoạt động.

« Thị trường tổ hợp Âu châu » là một tổ chức chủ trương : hủy phá hàng rào quan thuế và chế độ hạn chế số lượng, đồng thời lập một chế độ quan thuế chung cho toàn khối đối với các nước bên ngoài.

I.— *Hủy phá hàng rào quan thuế.*— Mục đích của Thị trường tổ hợp Âu châu là làm cho hàng hóa được lưu thông tự do giữa các xứ hội viên, bằng cách hủy phá hàng rào quan thuế. Một chính sách như vậy, nếu đem áp dụng ngay, có thể làm đảo lộn tình hình kinh tế các nước trong khối. Muốn tránh các hậu quả có thể tai hại cho sự quân bình thương mại và kinh tế, các nước đã chủ trương đi từng giai đoạn, từng thời kỳ. Hiệp ước dự định thành lập Thị trường Tổ hợp có ấn định

một giai đoạn giao thời dài từ 12 đến 17 năm, sau thời gian ấy, tất cả mọi sự hạn chế đều được bãi bỏ một cách hoàn toàn.

Trong giai đoạn giao thời, các nước sẽ thỏa thuận nhau đi từng thời kỳ một. Trong thời kỳ thứ nhất, từ 4 đến 6 năm, thuế biểu của các xứ hội viên phải giảm đi 30% ; trong thời kỳ thứ hai, 4 đến 6 năm sẽ giảm thêm 30% nữa ; đến thời kỳ chót, nghĩa là sau 17 năm, hàng hóa lưu thông giữa các nước sẽ không còn bị đóng một số quan thuế nào nữa. Đi xa hơn nữa, các nước đã giao kết, trong năm đầu, tức là trong năm 1958, các nước trong khối phải giảm 10% cho tất cả các loại hàng hóa thuộc canh nông và kỹ nghệ. Từ đó về sau, cứ 18 tháng phải giảm một lần, lấy số trung bình là 10% tính chung cho các loại hàng hóa, song có quyền bảo vệ một vài thứ hàng hóa bằng cách giảm thuế ít hơn cho từng thuế hàng, miễn là số thuế giảm cho thứ hàng ấy không dưới 50%.

Sau khi giai đoạn giao thời chấm dứt, Thị trường Tổ hợp Âu châu sẽ trở thành một đơn vị kinh tế đơn thuần, hàng hóa được lưu thông dễ dàng như trong ranh giới của một nước thống nhất. Chừng ấy, có lẽ sẽ không còn có sự phân biệt hàng Đức, hàng Pháp, hàng Ý, mà chỉ có hàng hóa Âu châu, chế tạo ở vùng này hay vùng khác mà thôi.

2.— *Hủy bỏ chế độ hạn chế số lượng xuất nhập cảng.*— Hiện nay, các nước thường áp dụng chính sách ấn định số lượng hàng hóa xuất cảng hay nhập cảng. Các nhà xuất cảng, nhập cảng hàng hóa trong nước không được vượt quá số ấy. Kết quả của chính sách này là làm mậu dịch quốc tế bị ngưng trệ. Một nước A

muốn mua hàng của một nước B, không thể mua quá số lượng nước B cho phép bán ra. Đồng thời, một nước A cũng không thể bán hàng cho nước B quá số mà thương gia nước B được phép mua vào. Thị trường thế giới vì thế mà bị lũng đoạn : có nhiều nước có thừa hàng hóa không có nơi tiêu thụ, không bán được, chịu nạn ối đọng : có nơi lại thiếu hàng hóa để tiêu thụ, không mua được, chịu nạn khan hiếm làm cho đời sống dân chúng khổ cực lắm than. Tình trạng ấy cũng có hại cho nền kinh tế các nước không ít.

Vì vậy, các nước trong Thị trường Âu châu chủ trương thỏa hiệp dùng những biện pháp thích ứng để đi đến sự hủy bỏ chế độ hạn chế số lượng xuất nhập cảng nói trên. Trong năm bắt đầu thực hành chế độ Thị trường Tổ hợp, các nước sẽ áp dụng chính sách hạn chế lượng số tổng quát, nghĩa là, số lượng xuất nhập cảng cao nhất do những hiệp ước song phương giữa hai nước, ấn định sẽ được áp dụng cho tất cả các nước khác trong khối. Đồng thời, số lượng ấy sẽ được gia tăng lần lần, ít nhất 10% mỗi năm. Như thế các nước lần lần sẽ bán được nhiều hơn trước, và cũng mua được nhiều hơn. Sự hạn chế sẽ càng ngày càng bớt cho đến khi nào sự hạn chế ấy không còn cần thiết nữa. Chính sách giải tỏa thương mại này có thể thực hiện dễ dàng, vì các nước trong Tổ hợp sẵn sàng thỏa thuận dung hòa quyền lợi lẫn nhau để thực hiện quyền lợi chung.

3.— *Giá biểu quan thuế chung.*— Đây là biện pháp thứ ba để thực hiện tổ hợp kinh tế Âu-châu Thị-trường Tổ-hợp Âu-châu sẽ là một đơn vị kinh tế đơn thuần,

có hàng rào quan thuế chung đối với các nước bên ngoài. Điều này đã làm cho nước Anh lo ngại, vì sợ các nước trong khối tổ hợp có thể dùng hàng rào quan thuế này để ngăn cản hàng hóa của Anh nhập cảng vào, và như thế, nước Anh sẽ mất một thị trường quan trọng, nếu nước Anh đứng ngoài vòng Thị trường Tổ hợp. Bằng trái ngược lại, nước Anh định gia nhập khối Thị-trường Âu-châu, thì tức nhiên sẽ không hưởng được chế độ ưu đãi của khối Liên-hiệp-Anh. Để tránh trường hợp lưỡng nan ấy, nước Anh đã đề nghị thành lập, trong phạm vi Tổ chức hợp tác kinh tế Âu-châu (O.E.C.E.), một tổ chức khác gọi là « khu vực mậu dịch tự do » (zone de libre échange) gồm có tất cả 17 nước Âu-châu, kể cả 6 nước Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hòa-lan và Lục-xâm-bảo. Lê dĩ nhiên, trong khu vực mậu dịch tự do, các nước này vẫn được gia nhập, nhưng với tư cách toàn khối của Thị-trường Tổ-hợp, được xem như là một đơn vị kinh tế, như một nước đơn thuần.

Thực ra, giữa hai tổ chức — Thị trường Tổ hợp và khu vực mậu dịch tự do — không có gì xung khắc nhau. Đó là hai thể chế của một sự cố gắng chung. Cả hai đều theo mục đích giải tỏa nền thương mại thế giới để cho hàng hóa được tự do lưu thông. Nhưng, Thị-trường Tổ-hợp khác với Khu-vực Mậu-dịch Tự-do chỉ vì trong khu vực mậu dịch tự do, không có hàng rào quan thuế chung : hàng hóa được tự do lưu thông từ nước này đến nước nọ, nhưng mỗi nước có quyền áp dụng giá biểu quan thuế riêng, một chế độ cổ điển mà nền kinh tế tự do đã áp dụng. Với hình thức khu vực mậu dịch tự do, nước Anh có lợi vẫn được

hưởng thuế biểu ưu đãi của các nước trong Liên-hiệp-Anh, mà đồng thời vẫn buôn bán được với các nước trong khối Thị trường Tò-hợp.

Về giá biểu quan thuế chung của Thị trường Tò-hợp, việc ấn định sẽ theo nguyên tắc nào ? Bản Hiệp-uớc đã nói rõ là giá biểu chung sẽ được ấn định căn cứ theo giá biểu trung bình của các thuế xuất hiện hành ở các nước. Như thế, đối với một vài món hàng xuất, nhập cảng, có thể giá biểu sẽ cao hơn giá biểu đã áp dụng trước khi có Thị-trường Tò-hợp ; nhưng đối với một vài thứ hàng hóa khác, giá biểu có thể thấp hơn. Các quốc gia bên ngoài Thị-trường Tò-hợp sẽ chịu ảnh hưởng của sự thay đổi ấy.

Nói tóm lại, nếu 6 nước Âu châu thành công trong kế hoạch tò hợp thành một thị trường lớn, lịch sử kinh tế sẽ chứng kiến một sự kiện mới. Người ta sẽ thấy thực hiện một Liên bang kinh tế, vô cùng quan trọng, có thể ví sánh với hình thức liên bang Hiệp-chúng-quốc. Đó là viễn vọng của các chính khách chủ trương thực hiện một khối Âu-châu thống nhất.

Những biện pháp khác.—

Ngoài các biện pháp áp dụng đề mở rộng thị trường, như hủy bỏ hàng rào quan thuế giữa sáu nước Âu-châu, hủy bỏ chế độ hạn chế lượng số xuất nhập cảng, lập giá biểu quan thuế chung, các nước trong Thị trường Tò hợp còn dùng nhiều biện pháp có mục đích gây sự bình đẳng về điều kiện cạnh tranh.

Biện pháp thứ nhất, mà nước Pháp quan tâm nhất, là bình đẳng hóa chế độ đảm phụ xã hội. Hiện nay, Pháp là một nước có chế độ xã hội rộng rãi nhất, nhất là chế

độ thù lao giờ làm việc phụ trội, và chế độ bình đẳng lương bổng giữa hai giới nam, nữ công nhân. Theo chế độ, lao động Pháp, công nhân làm việc theo tuần lễ 40 giờ. Nếu công nhân làm việc 41 giờ trở lên, thì số lương mỗi giờ phải tăng lên 25% ; Nếu làm việc trên 48 giờ, thì phải tăng lên 50%. Ở các nước khác, chế độ lương bổng công nhân không được ưu đãi như thế. Ngoài ra, nước Pháp còn áp dụng chính sách bình đẳng lương bổng giữa nam, nữ công nhân. Nếu các nước khác trong khối Thị trường Tò hợp không áp dụng một chế độ lao động như nước Pháp, hàng hóa ở các xứ ấy sẽ rẻ hơn hàng hóa Pháp, làm cho điều kiện cạnh tranh không đồng đều. Vì vậy, các nước đã thỏa thuận, trong vòng 4 năm, phải áp dụng chính sách bình đẳng hóa chế độ đảm phụ xã hội. Sau thời kỳ ấy, nếu có một nước nào còn có chế độ rộng rãi hơn các nước khác, thì nước ấy có quyền dùng chính sách bảo vệ kinh tế, để khỏi bị thiệt trong sự cạnh tranh, và thời kỳ thứ nhất về quan thuế sẽ được triển hạn thêm một năm, tức là sự thực hiện Thị trường Tò hợp bị hoãn lại một năm. Đó là một cách bảo đảm bắt buộc các nước phải cải tổ chế độ xã hội theo trình độ biệt đãi nhất, nếu các nước ấy có thiện chí muốn sớm thực hiện Thị trường Tò hợp Âu-châu.

Biện pháp thứ hai đã được 6 nước Âu-châu chấp thuận, là sự tự do trao đổi nhân công giữa các nước, để thực hiện một chính sách tò hợp nhân lực. Nhân công sẽ được tự do lưu thông giữa các nước trong khối. Như thế, số nhân công thừa thãi ở một nước, sẽ được sử dụng ở nước khác ; nhân công thừa thãi ở một ngành sẽ được chuyển sang ngành khác. Một « Quý hướng nghiệp »

và phù dụng nhân công » (Fonds pour la formation professionnelle et la mobilité des travailleurs) được thành lập. Quỹ này có thể trợ cấp đến 50% phí tổn chuyên dụng và huấn luyện nhân công, phần còn lại sẽ do chính phủ thu dụng nhân công đài thọ.

Biện pháp thứ ba là chính sách tổ hợp tư bản. Tư bản các nước cũng được tự do lưu thông trong khối. Một nước này có thể đem vốn đầu tư tại một nước khác. Ngoài ra, một « Ngân hàng đầu tư Âu-châu » (Banque Européenne d'investissements) được thành lập, với số vốn là một tỷ Mỹ kim, đơn vị kế mục, được phân chia như sau : Pháp, 300 triệu ; Đức, 300 triệu ; Ý, 240 triệu ; Bỉ, 86 triệu 500 ngàn ; Hòa-lan, 71 triệu 500 ngàn ; Lục-xâm-Bảo, 2 triệu. Ngân hàng có quyền phát hành trái phiếu. Ngân hàng sẽ tham gia công cuộc cải biến các xí nghiệp Âu-châu ; công cuộc khuếch trương các vùng Âu-châu còn kém mở mang ; tham dự các chương trình to tát quá sức tài trợ của một quốc gia đơn độc.

Ngoài ra, các nước còn dự liệu các biện pháp để dung hòa chính sách canh nông để tránh những sự cạnh tranh do điều kiện đặc biệt của các nước ấy gây ra như là điều kiện năng xuất, điều kiện sản xuất phí v.v. Một hội nghị canh nông sẽ được triệu tập trong vòng 2 năm, để thống kê tài nguyên và nhu cầu của 6 nước về phương diện canh nông, tổ chức thị trường chung, và ấn định chính sách sản xuất của toàn khối tổ hợp.

Sự tham gia của các lãnh thổ hải ngoại.—

Lúc ban đầu, Thị trường Tổ hợp Âu châu chỉ gồm có 6 quốc gia Âu châu. Trong lúc thảo luận chưa ai nghĩ đến các

lãnh thổ hải ngoại. Đến khi Hội nghị cấp Bộ Trưởng họp tại Venise vào tháng 5-1956, nước Pháp mới đưa ra ý kiến cho các lãnh thổ hải ngoại tham gia thị trường tổ hợp. Ý kiến này được nước Bỉ ủng hộ và Hội nghị các Quốc trưởng chấp thuận, trong bản Hiệp ước ký tại Rome ngày 25-3-1957.

Như thế, Thị trường Tổ hợp Âu châu còn được nói rộng đến các xứ thuộc địa và các lãnh thổ hải ngoại của các nước : Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Hòa lan, Lục-xâm-bảo. Các xứ hải ngoại tham gia Thị trường Tổ hợp được kê trong một bản kê khai, đính theo Bản Hiệp ước, gồm có : Tây Phi thuộc Pháp (Sénégal, Soudan, Guinée, Côte d'Ivoire, Dahomey, Mauritanie, Niger, Haute Volta) ; Xích đạo Phi thuộc Pháp (Trung Congo, Oubangui Chari, Tchad, Gabon) ; Saint Pierre — Miquelon ; quần đảo Comores ; Madagas-cas ; miền duyên hải Somali thuộc Pháp ; Tân Calédonie ; các lãnh địa Pháp tại Úc châu ; xứ Cộng hòa tự trị Congo ; lãnh thổ ủy trị Cameroun ; xứ Congo thuộc Bỉ ; xứ Ruanda - Uoundi vùng Somali đặt dưới quyền ủy trị của Ý ; xứ Tân Guinée thuộc Hòa lan — (Bản kê khai dài dòng này có mục đích giúp sự nghiên cứu thị trường với các lãnh thổ hải ngoại của các xứ Âu châu hội viện của Tổ chức Thị trường Tổ hợp, mỗi khi cần đến).

Vì các xứ ấy có những thể chế chính trị khác nhau, và trình độ pháp triển kinh tế cũng khác nhau, các nước Âu châu đã chủ trương áp dụng một chính sách mềm dẻo để cho các xứ ấy có thể phát triển một cách tự do. Đại thể, sự tham gia các lãnh thổ hải ngoại sẽ không có sự ràng buộc về

chính trị đối với chính quốc. Ngoài ra, các xứ hải ngoại có thể bảo vệ một vài sản phẩm nội hóa chống lại hàng của 6 nước Âu châu, miễn là sự bảo vệ không có tính cách riêng tư đối với một nước nào.

Sự gia nhập của các lãnh thổ hải ngoại có mục đích chính yếu là mở rộng thị trường. Hàng hóa Âu-châu có thể xuất cảng không những đến các xứ liên kết mà còn gởi sang các vùng xa xôi thuộc các xứ ấy. Thí dụ : hàng hóa của 5 nước Bỉ, Đức, Ý, Hòa-lan, Lục-xâm-bảo có thể bán sang các thuộc địa Pháp. Nước Pháp không còn giữ độc quyền thương mại với Thuộc-địa của mình nữa. Các nước Âu-châu sẽ có lợi, vì có thị-trường rộng lớn để cung cấp hàng hóa, có thể tăng gia sản xuất và khuếch trương kỹ-nghệ. Các lãnh thổ hải-ngoại cũng được lợi, vì có thể chọn hàng hóa giá rẻ, phẩm tốt, không bị bắt buộc phải khư khư mua hàng của chính quốc, mặc dầu có thứ hàng rất kém, mà lại đắt.

Đối lại hàng hóa các xứ hải ngoại nhập cảng vào các nước Âu-châu trong Thị-trường Tò-hợp, được lợi có thị-trường rộng lớn hơn trước, lúc chỉ buôn bán với chính quốc ; được bán với giá cạnh tranh, chứ không phải giá do chính quốc ấn-dịnh; được hưởng thuế suất hạ lần cho đến lúc không còn có hàng rào quan thuế; được hưởng chế độ gia tăng số lượng nhập cảng cho đến không còn có sự hạn chế về số lượng nữa. Ngoài ra, ở trong khu vực giá biểu chung, hàng hóa các xứ hải ngoại còn được hàng rào quan thuế bảo vệ chống lại hàng hóa tương đương của các xứ bên ngoài.

Để khuếch-trương kinh-tế các xứ hải-ngoại, hầu các xứ này có đủ hàng hóa cung cấp cho khối Thị-trường Tò-hợp và

đồng thời có đủ mồi lực để tiêu thụ hàng hóa của các nước Âu-châu, 6 nước trong Khối đã đồng quan diêm chấp thuận thành lập một « *Quỹ đầu-tư chung* » (Fonds commun d'investissements), dự định là 581 triệu 250 ngàn Mỹ-kim. Mỹ-kim được dùng làm đơn-vị kế-mục (unité de compte). Mỗi xứ sẽ đóng góp phần hùn như sau : Pháp, 200 triệu ; Đức, 200 triệu ; Bỉ, 70 triệu ; Hòa lan, 70 triệu ; Ý, 40 triệu và Lục-xâm-bảo, 1 triệu 250 ngàn Mỹ-kim. Số tiền này dự định dùng trong 5 năm, để khuếch-trương các cơ sở kinh-tế và xã-hội của các xứ hải ngoại. Để tiêu dùng số tiền, mỗi xứ đề nghị chương-trình khuếch trương, và Hội-dồng Bộ-trưởng của Tổ-chức sẽ cứu xét và quyết định có thể tài trợ với số tiền của Quỹ chung không. Đại thể, những chương trình do Quỹ chung tài trợ phải có tính cách công ích, mà bình thường do công quỹ các nước đài thọ đó là các chương trình công tác kiến thiết hạ tầng cơ sở (Infra Structure) hay trang bị xã hội (équipement Social) Những chương trình có mục đích thu lợi sẽ bị từ khước và không thể xung đương vào Quỹ đầu tư chung được.

Kế hoạch lập « *Quỹ đầu tư chung* » rất có lợi cho Pháp, vì lúc phân chia thành phần số vốn đầu tư, Pháp đã hưởng được 511 triệu 250 ngàn Mỹ kim, trong lúc Hòa lan chỉ được 35 triệu ; Bỉ, 30 triệu ; Ý, 5 triệu. Nếu trừ đi số đóng góp (200 triệu). Pháp được các nước khác cung cấp 311, 25 triệu Mỹ kim, (độ chừng 110 tỷ phật lạng) dùng vào việc trang bị các lãnh thổ hải ngoại thuộc Pháp. Đây là để bù vào sự Pháp bị thiệt trong khi mất độc quyền thương mại với các lãnh thổ hải ngoại của mình.

Việt Nam và Thị trường Tổ hợp Âu-châu.-

Muốn biết thị trường tổ hợp Âu châu có ảnh hưởng gì đến nền kinh tế Việt Nam, cần tìm xem Việt-Nam đã có liên lạc thương mại với 6 nước trong khối ấy như thế nào.

Căn cứ theo tài liệu nói về kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 1957, Việt Nam đã xuất cảng qua các nước trong khối Thị trường Tổ hợp, một số hàng hóa quan trọng trị giá như sau :

Pháp.	556.572.000	VN \$
Liên hiệp Pháp	216.063.000	—
Đức.	17.582.000	—
Ý.	1.875.000	—
Hòa lan. . . .	1.913.000	—
Tổng cộng	794.005.000	—

tức là một tỷ số bằng 63 % tổng số xuất cảng của Việt Nam. Riêng nước Pháp và L.H.P. đã mua của Việt Nam đến 21.335 tấn cao su trị giá 473.533.000 VN \$ và một số gạo trị giá đến 272.400.000 VN \$

Đối lại trong thời gian ấy, Việt Nam đã nhập cảng của các nước trong khối Thị trường Tổ hợp :

Pháp.	1.235.055.000	VN \$
L.H.P.	43.140.000	—
Đức.	214.562.000	—
Hòa lan. . . .	14.277.000	—
Ý.	68.222.000	—
Tổng cộng	1.575.256.000	—

tức là 35 % tổng số nhập cảng của Việt Nam.

Khi Thị trường Tổ hợp Âu-châu bắt đầu hoạt động, giá biểu quan thuế giữa các nước trong khối, sẽ lần lần giảm bớt, cho đến khi tất cả hàng rào quan thuế sẽ bị

hủy bỏ khi giai đoạn giao thời chấm dứt. Như thế, hàng hóa nhập cảng vào trong một xứ có thể tự do lưu thông sang các nước khác, mà không bị ngăn trở bởi một hàng rào quan thuế có tánh cách bảo vệ, thị trường sẽ mở rộng thêm.

Đồng thời, lần lần Khối Thị trường Tổ hợp sẽ đi đến sự áp dụng một thuế biểu chung đối với hàng hóa ở các xứ bên ngoài tổ hợp. Một ngày kia, Việt Nam sẽ buôn bán, không những với Pháp, với Đức, với Ý, mà sẽ buôn bán với toàn thể Khối tổ hợp Âu châu. Tất cả các nước sẽ dành cho hàng hóa Việt Nam hay hàng hóa bán sang Việt Nam một sự đối đãi giống nhau. Hàng của ta bán sang Pháp, hay sang Ý, đều chịu một thuế biểu như nhau, các hàng hóa các nước ấy xuất cảng qua cũng sẽ chịu số phận như vậy.

Đó là những sự nhận xét mà các thương gia xứ ta cần lưu tâm theo dõi. Hiệp ước thành Khối thị trường tổ hợp sẽ được thi hành vào đầu năm 1958, như đã dự định trước. Ta cần chờ xem có sự thay đổi nào có liên hệ đến nền kinh tế Việt Nam không?

Phần kết luận

Thị - trường Tổ - hợp Âu - châu là một sự thành công rất lớn của các chính khách có mộng thực hiện một khối Âu-châu thống nhất. Ngày xưa, các đại đế như Jules César, Nã-phá-luân đã thất bại trong chương trình thống nhất Âu-châu bằng võ lực. Ngày nay nối gót, Jean Monnet đã lập được kỳ công trong việc tổ chức « Khối Cộng-đồng Âu-châu về than và thép », Paul Henri Spaak, Bộ trưởng Ngoại giao nước Bỉ, đã thành công trong việc thành lập « Khối Âu-châu và nguyên-tử-lực » (Euratom) và « Thị-trường Tổ-hợp Âu-châu » (Marché com-

mun européen). Cái mộng tổ hợp Âu-châu đã thành tựu được một phần. Các nước Âu-châu đã hợp nhau kiểm soát hai yếu tố chính của nền kinh tế là than và thép, sẽ cùng nhau cộng tác trong ngành khoa học để chung sức kiến tạo chung một cơ sở nguyên tử năng phụng sự hòa bình. Thị-trường Tổ-hợp Âu-châu lại đi xa hơn, để thực hiện một sự tổ hợp về kinh tế. Chỉ còn có một triển vọng chót của các nước Âu-châu và thực hiện một sự tổ hợp về chính trị. Về điểm quan trọng này, có một điều đáng chú ý nhứt, là hai kẻ thù truyền kiếp Pháp và Đức, đã bắt tay nhau trong một hệ thống kinh tế có tính cách liên bang, biết đâu chẳng là một bước đầu của nền liên bang vĩnh cửu về chính trị. Hiềm như thế, ta không còn lấy gì làm lạ khi nghe Tổng thống Adenauer tuyên bố một cách vui mừng rằng: « Thị-trường Tổ-hợp Âu-châu là một biến cố quan trọng nhứt trong thời hậu chiến », (the most important post war event).

Sự quan trọng của Thị-trường Tổ-hợp Âu-châu là một điều khó phủ nhận, nếu biết rằng nó gồm một thị trường rộng 1.165.100 cây số vuông và 162 triệu 800 ngàn dân chúng (nếu kể thêm các lãnh thổ hải ngoại, thị trường còn to hơn gấp mấy lần). Trong năm 1956, các nước trong Tổ-hợp đã sản xuất sản phẩm và dịch-vụ trị giá 133 tỷ Mỹ kim, gần một phần ba số sản xuất của Mỹ, bảy phần tám số sản xuất của Nga. Khối Tổ hợp đã sản

xuất một phần tám diện tích, của thế giới một phần bảy than đá, một phần năm thép. Về thương mại quốc tế, khối Thị trường đã đứng đầu cả thế giới với tổng số mậu dịch bằng 7 lần số mậu dịch của Nga, 40% nhiều hơn số mậu dịch của Mỹ. Đây là một lực lượng kinh tế vô cùng quan trọng cho thế giới hiện tại với sự tổ hợp, có lẽ những con số trên sẽ tăng gia thêm.

Đối với khối dân chủ tự do, một sự tổ hợp Âu châu như thế, với sự chung sức về kinh tế và kỹ thuật, có thể là một yếu tố quan trọng cho sự tăng cường lực lượng, để đối đầu với khối độc tài Nga-sô, hầu duy trì nền hòa bình thế giới.

Tuy nhiên về phương diện kinh tế và thương mại, các nước ở ngoài khối, như Việt-Nam, Nhật bản, Ấn độ v.v.. cũng cần phải chú trọng đến những hậu quả của một tổ chức như thế, vì nó có thể đem lại, những điều kiện cạnh tranh mới, cho các sản phẩm bán sang các xứ trong Thị trường Tổ hợp, hay nhập cảng từ các xứ ấy. Hàng rào quan thuế chung cho toàn khối, kể cả các lãnh thổ hải ngoại sẽ là một yếu tố quan trọng có thể thay đổi chiều hướng thương mại thế giới. Nhiều xứ đã tỏ vẻ lo ngại rồi, mặc dầu ảnh hưởng vẫn còn là viễn vọng ở tương lai. Thị trường Tổ hợp Âu châu không phải là một hiện tượng có thể thực hiện ngay: nó là một công việc tiệm tiến lâu dài. Chúng ta còn chờ xem.

VƯƠNG-HÒA-ĐỨC

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN :

Hiệp-Chúng-Quốc Mỹ-Châu

Hoàng-minh-Tuynb

Chế độ lập hiến Hiệp-Chúng-Quốc

SAU khi đã trình bày về nguồn gốc và sự tiến hóa của chế độ lập hiến Hiệp-Chúng Quốc và, cũng theo thể thức trình bày chế độ lập hiến Anh Quốc trong một số báo trước đây, chúng tôi xin đứng trên phương diện luật thực tại hiện hành mà xét toàn diện định chế chính trị Hiệp-Chúng-Quốc ngày nay.

A. — Nhà nước Liên Bang và Nhà nước Tiểu Bang.

1) Cũng như mọi chế độ liên bang, chế độ Liên bang Mỹ-châu có một đặc điểm đáng lưu ý là trên cùng một lãnh thổ và một dân số, có hai thẩm quyền chống lên nhau : thẩm quyền của Liên bang và thẩm quyền của tiểu bang liên hiệp hay hội viên. Có Hiến pháp, pháp chế, hành chính và tư pháp liên bang, đồng thời lại có Hiến pháp, pháp chế, hành chính và tư pháp tiểu bang.

Trên nguyên tắc, thẩm quyền của Liên bang cao hơn thẩm quyền của tiểu bang. Tuy nhiên các cơ quan liên bang chỉ có thể hoạt động trong phạm vi quyền hạn của mình và không được lấn sang quyền hạn của các tiểu bang ; nhất là « những quyền mà Hiến Pháp không ủy nhiệm cho nhà nước liên bang hay không chỉ thị rõ rệt là thuộc quyền nhà nước liên bang » đều thuộc quyền các tiểu bang liên hệ (tu chính án thứ 10).

2) Còn tổ chức chính trị tại các tiểu bang, thì cổ nhiên là tùy theo Hiến pháp của mỗi tiểu bang, có khác nhau ít nhiều. Tuy nhiên, những nét đại quan đều giống nhau như xin kê dưới đây :

a) Không kể trường hợp tiểu bang Nebraska, mỗi tiểu bang đều có hai viện lập pháp.

b) Quyền hành pháp do một vị thống đốc nắm giữ. Vị thống đốc dân cử theo thể thức phổ thông đầu phiếu. Song trái với tổng thống Liên bang có toàn quyền lựa chọn bộ trưởng, vị thống đốc không được quyền lựa chọn các cộng sự viên và các vị này đều được bầu lên, đề phụ tá vị thống đốc và gọi là « executive officers ».

c) Tò chức tư pháp của mỗi tiểu bang thường gồm một số thẩm phán hòa giải một số tòa án địa phương dân cử theo thể thức đầu phiếu phổ thông trong 3/4 các tiểu bang và một Tối Cao pháp viện dân cử (khác với Tối Cao pháp viện liên bang).

d) Tại một vài tiểu bang, có những định chế thiết lập theo thể chế dân chủ bán trực tiếp : như sáng quyền pháp luật của dân chúng (nghĩa là dân chúng được quyền đưa ra những đề nghị chế luật), thể thức trưng cầu dân ý, quyền cử tri được bãi truất các vị dân biểu.

B. — Hiến pháp Liên bang và việc kiểm sát hiến tính luật pháp

So sánh Hiến pháp Hiệp-Chúng-Quốc và Hiến pháp Anh quốc, ta thấy rõ hai điểm khác nhau : về hình thức, một bên là Hiến pháp thành văn, một bên là Hiến pháp bất thành văn và về hiệu lực, một bên là Hiến pháp cứng rắn, một bên là Hiến pháp mềm dẻo :

1) *Hiến pháp Hiệp chúng quốc mỗi khi muốn sửa đổi, phải theo một thủ tục hết sức đặc biệt.*

Mỗi tu chính án đều phải biểu quyết theo thủ tục khác hẳn với thủ tục áp dụng cho một đạo luật thường. Thủ tục này dựa trên nguyên tắc : Hiến pháp là một minh ước ký kết giữa các tiểu bang nên chỉ có thể sửa đổi khi một số lớn các tiểu bang chấp thuận. Và việc sửa đổi phân ra làm hai giai đoạn :

a) Giai đoạn đề nghị. Có hai trường hợp cần phải phân biệt :

Hoặc Quốc hội Liên bang (nghĩa là hai viện liên bang) đưa ra sáng kiến sửa đổi. Trong trường hợp này, mỗi viện liên bang phải chấp thuận với đa số 2/3.

Hoặc viện lập pháp của các tiểu bang đưa ra đề nghị sửa đổi. Trong trường hợp này, đề nghị phải được 2/3 các tiểu bang chấp thuận và việc sửa đổi Hiến pháp không giao cho Quốc Hội liên bang phụ trách mà giao cho một Hội nghị ước pháp bầu lên để lo việc này.

b) Giai đoạn thông qua. Tu chính án có thể do các viện lập pháp của các tiểu bang hay do các Hội nghị ước pháp đã bầu lên, thông qua. Quốc Hội được quyền chọn lựa một trong hai thể thức

trên. Tu chính án có hiệu lực khi được 3/4 các tiểu bang thông qua. Thủ tục hiệu đính Hiến pháp khác hẳn với thủ tục chế định luật pháp liên bang thông thường, vì luật pháp này chỉ cần biểu quyết với đa số phiếu tại hai viện Liên bang, không cần có sự can thiệp của các tiểu bang. Điều đó chứng tỏ sự khác nhau giữa Hiến pháp và luật pháp thông thường và cũng chứng tỏ tính chất cứng rắn của Hiến pháp Hiệp-Chúng-Quốc.

2) Việc kiểm sát hiến tính có mục đích bảo đảm cho Hiến pháp là luật pháp tối cao, ở trên mọi qui tắc pháp lý khác.

Mỗi khi có đạo luật hay hiến pháp tiểu bang nào trái nghịch với Hiến pháp Liên bang thì lý ưng đạo luật hay hiến pháp tiểu bang phải nhường bước cho Hiến pháp Liên bang. Tuy nhiên không có điều khoản nào trong Hiến pháp Liên bang qui định điều đó.

Như chúng tôi đã có lần nói (B. K. số 24, trang 13, c/) phải đợi mãi khi Tối Cao pháp viện Liên bang nhân xét xử một án vụ năm 1803, định rằng các Toà án Liên bang và riêng Tối Cao Pháp viện có quyền từ chối áp dụng một điều khoản trái nghịch với Hiến pháp Liên bang. Và từ đây các toà án được đóng vai trò kiểm sát hiến tính của luật pháp. Cố nhiên về phương diện pháp lý, các toà án không thể hủy bỏ

điều khoản trái nghịch với Hiến pháp, nhưng có thể làm tê liệt và mất hiệu lực đi. Như vậy trên phương diện thực tế, tưởng cũng là đã có đủ bảo đảm lắm vậy.

C. — Quốc Hội và cơ quan hành pháp.

Quốc hội Liên bang gồm hai Viện lập pháp Liên bang : Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

1) Thẻ thức bầu cử nghị viên Quốc Hội.

Tại Hạ nghị viện, các tiểu bang được cử nghị viên tùy theo tầm quan trọng nhiều, ít ; còn tại Thượng nghị viện, mỗi tiểu bang chỉ được quyền cử hai nghị viên mà thôi. — Cách bầu cử trong Liên bang đều theo lối phổ thông đầu phiếu và đầu phiếu theo đa số, chứ không theo tỷ lệ đại diện các đảng phái.

Các đại biểu Hạ nghị viện phải đủ 26 tuổi và các đại biểu Thượng nghị viện phải đủ 30. — Hạ nghị viện được bầu trong 2 năm và cứ 2 năm lại cải tân toàn thể. — Thượng nghị viện được bầu trong 6 năm và Thượng nghị viện cứ 2 năm cải tân một phần ba.

2) — Khóa hội và tề chức nội bộ

a) Khóa hội là thời gian trong đó, quốc hội chính thức nhóm họp ; và không nên lầm với buổi hội là những phiên nhóm rải rác trong suốt một khóa hội.

Quốc hội phải họp một khóa hội thường kỳ, ngày họp do Hiến pháp ấn định (tu

chính án 20), tuy nhiên vị chủ tịch có thể triệu tập Quốc hội họp khóa hội bất thường.

b/ Mỗi Viện đều có vị chủ tịch. — Chủ tịch Hạ nghị viện gọi là speaker; còn Phó Tổng Thống Hiệp chúng quốc làm chủ tịch Thượng nghị viện.

2) Chức chương của Quốc Hội

a) *Chức chương lập pháp.* — Lập pháp là chức chương chính của Quốc Hội — Theo nguyên tắc chỉ nghị viện mới có quyền đề xuất luật pháp, vị Tổng Thống, về lý thuyết, chỉ có quyền lưu ý Quốc Hội về những biện pháp cần thiết mà thôi. — Trừ các vấn đề liên quan đến tài chính Hạ nghị viện được quyền ưu tiên, các đề án luật có thể do Hạ hay Thượng nghị viện đề xuất. Đề án luật đề xuất ở viện nào thì viện ấy nghiên cứu và biểu quyết trước, rồi mới đưa qua viện kia. Viện sau này có thể chấp thuận, bác bỏ hay sửa đổi — Nếu hai viện bất đồng ý kiến, sẽ có cuộc hội đàm hỗn hợp giữa một số Thượng, Hạ nghị viện để tìm biện pháp thỏa hiệp. — Đề án luật, chỉ khi đã được cả hai viện thông qua mới được chấp thuận. Khi đó, chỉ còn cần có Tổng Thống Hiệp-Chúng-Quốc chuẩn y là đem thi hành, nhưng vị Tổng Thống có thể dùng quyền phủ quyết để phản đối như sẽ nói rõ về sau.

b) Những chức chương khác của Quốc Hội.

Những chức chương khác của Quốc Hội, một phần chúng tôi đã nói rõ trong những số trước, một phần chúng tôi sẽ bàn

trong số sau này. — Ở đây, chúng tôi chỉ xin lược kê sơ qua :

— Tu chính Hiến Pháp (x. *supra* B)

— Bầu Tổng Thống Hiệp chúng quốc, khi thể thức thông thường không đem lại kết quả (x. *infra* D).

— Tuyên chiến : tuyên chiến phải được hai Viện chấp thuận.

c) Những chức Chương đặc biệt của Thượng nghị viện.

Thượng nghị viện phải chuẩn y việc Tổng Thống đề cử các bộ trưởng và các công chức cao cấp.

Thượng nghị viện phải chuẩn y các hiệp ước quốc tế, do Hiệp-Chúng-Quốc ký kết với đa số 2/3.

d) Quốc Hội kiểm sát quyền hành chính

Một trong những đặc tính của chế độ Tổng Thống khác với chế độ nghị viện là quyền hành chính không chịu trách nhiệm với hai Viện về phương diện chính trị.

Nhưng có điều ta phải nhận định cho rõ. — Hiến Pháp tuy đã dự liệu một thủ tục gọi là impeachment. Các vị giữ quyền hành chính (như công chức, bộ trưởng, tổng thống) có thể bị Hạ nghị viện tố cáo và đưa ra xét xử tại Thượng nghị viện, nếu 2/3 nghị viện viện này chấp thuận, và tuy Thượng nghị viện có thể tuyên phạt bằng cách bãi chức, trách nhiệm

của các vị trên có tính chất thuộc về hình sự hơn là chính sự. Trái lại, trong một chế độ nghị viện, như chế độ nước Anh, các bộ trưởng được giữ chức vụ là do được Quốc Hội tín nhiệm. Trong chế độ Tổng thống, bởi việc đề cử tổng thống có tính chất phổ thông và bởi sự phân quyền có tính cách rõ rệt hơn, nên thủ tục impeachment vẫn giữ tính chất hình sự, không biến thành một lợi khí cho Quốc Hội dùng để kiểm sát thường trực quyền hành pháp.

Tuy nhiên, Quốc Hội có một phương tiện khác có thể ảnh hưởng gián tiếp đến Chính-phủ. Bởi nắm quyền lập pháp, Quốc Hội có thể chấp thuận hay từ khước mọi luật pháp và mọi tài nguyên cần thiết cho việc thi hành chính sách

của Chính-phủ. Luật và tiền đó là hai khí giới mạnh nhất của Quốc Hội. Khi Tổng Thống và đa số Quốc Hội có những lập trường chính trị khác nhau, Tổng Thống có thể vì lẽ trên mà phải đặt mình dưới quyền giám hộ khá chặt chẽ của Quốc Hội.

Ngoài ra, bởi việc Tổng Thống đề cử các bộ trưởng và công chức cao cấp cần phải có sự chấp thuận của Thượng nghị viện, nên Viện này cũng được một khí giới khá mãnh liệt để có thể chỉ phối Tổng Thống một phần nào.

HOÀNG-MINH-TUYNH (biên khảo)

Kỳ sau: Tổng Thống Hiệp-Chúng-Quốc

Danh ngôn, danh lý trong số này gồm những

« CÂU NÓI HIỀN NGANG »

đề cao « **nhân phẩm** »

★ Nuốt được cái cay đắng trong cái cay đắng mới làm được hạng người trên loài người.

LỤC-TÀI-TỬ

★ Khí tượng như chim phượng hoàng liệng trên mây xanh, thì những lợi hại cồn con không động được tâm nữa.

TRÌNH-DI

HAI VẤN - ĐỀ QUAN - YẾU

CỦA THẾ - GIỚI NĂM 1958

(tiếp theo)

của *Tiêu-Dân*

Hòa-bình thế-giới lâm-nguy!



Đây lại là một
tiếng chuông thứ
hai, một quan niệm
thứ hai, khác biệt,
trái ngược, với

những nhận định được giải bày ở phần
trên.

Những giới quốc tế nhận hiệu tình hình
như vậy dựa vào những yếu tố sau :

a) *Âm mưu của Nga-sô trong chiến
lược « sống chung hòa bình ».*

b) *Ảnh hưởng của những thành tích về
khoa học của Nga-Xô đối với việc thực hiện
âm mưu nói trên.*

d) *Sự chậm trễ của thế giới tự do trên
con đường tranh thủ ưu thế toàn diện, bảo
dảm Hòa bình, Độc-lập, Dân chủ cho
các dân tộc.*

Nhận rõ bản chất của chủ nghĩa, chế độ
Cộng-sản, người ta cho rằng dù khoác hình
thức nào, dù áp dụng chiến lược, chiến
thuật nào, Cộng-sản bao giờ cũng là Cộng
sản-nghĩa là Cộng-sản quốc tế không khi
nào từ bỏ chính sách cổ điển, lập trường

căn bản, là làm cách mạng vô sản thế giới,
đặt nhân loại dưới ách vô sản độc tài
thống trị.

Đưa ra chiến lược « sống chung hòa
bình » điều mà Nga-sô nhắm trước nhất là
tạo một « *tình trạng tâm lý hỗn loạn* »
(chaos psychologique), có lợi cho ảnh
hưởng Cộng-sản. Một số người có thể
lầm lạc, sinh ra nghi ngờ, tự hỏi : *Phải
chăng bây giờ Cộng-sản thật sự muốn
hòa bình ? Phải chăng hai chế độ Dân
chủ và Cộng-sản có thể song song tồn tại
trong điều kiện cùng cam kết không phá
hoại lẫn nhau ?* Gieo vào người ta những
ý tưởng ấy tức là Cộng-sản quốc tế giành
một phần ảnh hưởng chính trị, làm giảm
suy một phần lòng tin của nhân dân thế
giới đối với chế độ tự do.

Điều mà Nga-sô nhắm nữa là tạo một
« *sự buông lơi trong ý thức và hành động
chống Cộng* » mà hậu quả không thể tránh
được là sự suy yếu của phong tuyến chống
Cộng nhất là ở các vị trí xung yếu trên
thế giới.

Trong khi đó thì Cộng-sản quốc tế tích
cực lợi dụng sự sợ hãi về tinh thần và tư

tương đó đề tuyên truyền phát triển ảnh hưởng, dựa vào cán bộ Cộng-sản bản địa và vào những công cuộc giao thương, viện trợ kinh tế kỹ thuật.

Như vậy chiến lược « sống chung hòa bình » của Cộng-sản quốc-tế chỉ là một âm mưu mới của họ trên bước đường thi hành mưu đồ thống trị thế giới, tiêu diệt Độc lập, Dân-chủ của các dân tộc, không hơn không kém.

Việc Nga-sô tràn được ảnh hưởng vào Trung Đông, địa khu chiến lược quan trọng bậc nhất của thế giới hiện nay há chẳng phải là một bằng chứng hùng hồn về những mưu đồ của Cộng-sản quốc tế khi đưa ra chiến lược « sống chung hòa bình » hay sao ?

Với nội dung sâu độc của chiến lược « sống chung hòa bình » như thế, Nga-sô lại được một thuận lợi mới, gần đây, để tiến hành công cuộc tấn công hòa bình. Đó là những thành tích lớn lao của họ về khoa học thuần túy và khoa học quân sự.

Hầu hết các nhà bình luận trên thế giới đều tỏ sự lo âu trước những tiến bộ của Nga-sô về hỏa tiễn và vệ tinh nhân tạo.

Thật ra, không phải trình độ khoa học và khả năng về chiến tranh của Nga-sô hiện nay là những yếu tố chính gây nên sự lo âu đó. Vì, xét chung năng lực phòng thủ của thế giới tự do, người ta thấy rằng thế giới tự do vẫn đủ sức chặn đứng, đánh tan những cuộc tấn công vô trang của Cộng-sản, kể cả những cuộc tấn công bằng vũ khí hạch tâm.

Nhưng người ta lo âu về chỗ Nga-sô sẽ lợi dụng những thành công của họ để đẩy mạnh chiến lược « sống chung hòa bình »

hầu tăng cường ảnh hưởng chính trị Cộng-sản.

Một cựu đại sứ Hoa-kỳ đã nhận định một cách sáng suốt rằng những thành tích khoa học mà Nga-sô đạt được, nêu ra cho chúng ta vấn đề « *chế độ và con người* ». Chúng ta hiểu ý kiến trên theo ý nghĩa là Nga-sô sẽ lợi dụng những tiến bộ của mình về khoa học để tuyên truyền cho chủ nghĩa, chế độ Cộng-sản, chẳng hạn như bảo rằng chỉ ở dưới chế độ Cộng-sản con người mới lập được những thành tích như thế. (1)

Khi nghĩ rằng Nga-sô sẽ cố sức gắn liền việc phóng được vệ tinh với việc tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng-sản, người ta không thể không lo ngại về sự lầm lạc có thể xảy ra cho một số người.

Người ta lại thấy rằng Nga-sô chắc chắn sẽ lợi dụng cơ hội đầy mạnh chính sách giao thương, viện trợ kinh tế, kỹ thuật đối với các nước hậu tiến nhất là các nước Á-Phi, đồng thời với sự nỗ lực tuyên truyền vận động về đường lối hòa bình của họ. Vấn đề phức tạp, tinh vi, để cho sự nhận thức sai lầm. Vì rõ ràng là Nga đã đạt được những tiến bộ lớn lao về hỏa tiễn và vệ tinh nhân tạo mà cũng rõ ràng là Nga chỉ « *thiết tha nói chuyện hòa bình* ». « *Quý vương đội lốt thầy tu* » ở đây không dễ gì cho mọi người thường vạch mặt. Và do đó, người ta phải lo rằng Nga-sô sẽ cố gắng làm cho xu hướng trung

(1) Peter Kapitza, một nhà bác học Nga cũng đã tuyên bố :

« Chỉ 1 chế độ xã hội mới cung cấp cho khoa học những phương tiện để thực hiện được những thành quả ấy... ».

lập được phát triển sâu rộng hơn, đẩy thế giới tự do vào tình trạng chứng kiến lực lượng dân chủ quốc tế bị suy giảm, gở ra từng miếng, một tình trạng hiển nhiên thuận lợi cho sự xâm nhập của ảnh hưởng Cộng-sản.

Quay về soát xét lại thực lực của thế giới tự do thì người ta có nhiều lời than phiền cay đắng trước sự chậm trễ về khoa học thuần túy và khoa học quân sự, cũng như sự chậm trễ về việc thống nhất ý chí, hành động về chính trị, của thế giới tự do.

Về mặt khoa học, chỉ cần nhắc lại thế giới tự do đã có bom nguyên tử trước Nga-sô 4 năm, có bom khinh khí trước Nga-sô 11 tháng. Lý ung khoản xa cách về trình độ khoa học giữa hai khối còn được kéo dài hơn nữa.

Về mặt chính trị trong nội bộ thế giới tự do cũng còn một số vấn đề chưa được giải quyết thanh thỏa như chiến tranh An-giê-ri, việc đảo Síp đòi thống nhất với Hi-lạp, vấn đề Trung-Đông v. v...

Dư luận giới am hiểu thời cuộc cho rằng thế giới tự do phải có một thời gian nữa để chỉnh đốn thực lực và nắm giữ một ưu thế tuyệt đối trong mọi lãnh vực.

Thấy được sự sâu độc của Cộng-sản trong chiến lược « sống chung hòa bình », đoán được âm mưu của Cộng-sản lợi dụng những thành tích về khoa học để tuyên truyền phát triển ảnh hưởng, người ta quay lại kiểm điểm tình hình nội bộ và sinh ra lo lắng. Tình trạng « không có chiến tranh » bấy nay sẽ biến chuyển ra sao vào năm 1958 ? Làm thế nào ngăn ngừa hiệu quả những hoạt động mới của Cộng-

sản quốc tế, trong một tình hình tương đối thuận lợi cho Cộng-sản ? Làm thế nào, trong một thời gian ngắn cũng cố, phát triển thực lực của thế giới tự do, hầu tranh thủ một ưu thế toàn diện, bảo đảm cho hòa bình của nhân loại được vững bền ?

Bao nhiêu câu hỏi chưa được sự giải đáp dứt khoát.

Và với ý thức về hiểm họa Cộng-sản đe dọa nhân loại hơn cả bao giờ, người ta nhìn về năm 1958, lo lắng cho hòa bình thế giới.



Đến đây ta đã có cái nhìn khái quát về những sự kiện quan trọng của tình hình thế giới cuối 1957, ta đã ý niệm một cách giản yếu về hai nhận định khác biệt, trái ngược nữa, về tình hình ấy.

Một sự chọn lựa, phê phán trở nên cần thiết. Cần cho việc phán đoán về tình hình quốc tế năm 1958 vậy.

Nhận định nào đúng ? Nhân dân thế giới nên tin ở triển vọng tươi sáng của nền hòa bình hay phải lo về sự tăng triển của nguy cơ chiến tranh nóng hoặc lạnh ?

Theo chúng tôi, hai nhận định ấy tuy mâu thuẫn về đại thể, có những chỗ thống nhất với nhau về căn bản, hơn nữa, có giá trị bồi bổ cho nhau,

Người tin ở triển vọng tốt đẹp của hòa bình cũng như người lo lắng cho nền hòa bình đều :

— Chung một lập trường chiến đấu bảo vệ Độc lập, Dân chủ, Hòa bình cho các dân tộc.

— Chung một nhận thức rõ rệt và dứt khoát về bản chất của chế độ Cộng-Sản và âm mưu tấn công hòa bình của Cộng-Sản quốc tế.

Người trước nhìn vào thực lực đang đi lên của thế giới tự do, tự tin ở khả năng khai thác ý muốn không có chiến tranh của Cộng-sản quốc tế, tự tin ở hiệu lực của sự chủ động đấu tranh duy trì hòa bình, nên thấy vấn đề hòa bình có nhiều hứa hẹn. Như vậy không có nghĩa là không có nhận thức về nguy cơ Cộng-sản ngay trong khi Cộng-sản không muốn có chiến tranh.

Người sau nhìn vào bản chất chủ nghĩa, chế độ Cộng-sản nên thấy nguy cơ Cộng-sản đe dọa hòa bình thế giới ngay cả trong những đường lối hòa hoãn của Cộng-sản. Như vậy cũng không có nghĩa là không thừa nhận những cố gắng của thế giới tự do trong việc vận dụng yếu tố hòa hoãn của Cộng-sản, nhằm lợi ích của nền hòa bình.

Do đó, nhận định trước bồi bổ nhận định sau về ý thức chiến lược. Nhận định sau củng cố nhận định trước về tình thần cảnh giác.

Và ta có thể kết luận bằng một nhận định tổng quan về tình hình thế giới cuối 1957 :

— Những thành tích của Nga-sô về khoa học làm cho nguy cơ Cộng-sản thêm phần nghiêm trọng, đe dọa sự an toàn của các dân tộc.

Tuy nhiên, vì những điều kiện khủng hoảng nội bộ không kém nghiêm trọng, Nga-sô buộc lòng không muốn có chiến tranh.

Tính chất và chiều hướng nguy cơ Cộng-Sản nằm trong khuôn khổ chiến lược

« sống chung hòa bình » mà chắc chắn Nga-sô sẽ đầy mạnh, dựa vào những tiến bộ về khoa học.

— Thế giới tự do bắt đầu ý thức rõ rệt về trách nhiệm lịch sử của mình trước nhân loại, đối đầu với sự tăng cường của hiểm họa Cộng-sản, đã quyết định được những phương hướng nhận thức, đấu tranh thực tiễn, và hiệu quả đề duy trì, bảo vệ hòa bình thế giới. Hai thành quả quan trọng nhất về tinh thần là sự nhất trí của thế giới về việc thống nhất đường lối, chính sách, bảo đảm phát huy sức mạnh tất thắng của khối Dân chủ và quyết tâm của thế giới tự do tranh thủ chủ động đấu tranh phụng sự hòa bình.

— Triển vọng của nền hòa bình thế giới vào năm 1958, do đó, có nhiều hứa hẹn, trong điều kiện nỗ lực chiến đấu vì hòa bình của các dân tộc dân chủ, tự do.

Đấu tranh chính trị và đấu tranh khoa học

Nhận định tổng quan về tình hình quốc tế cuối 1957 như vậy cho ta ý niệm gì về những vấn đề chính yếu của nhân loại vào năm 1958 ?

Phần trên đã nêu lên những ý kiến phán đoán về tình hình hoạt động của hai phe trong năm mới :

— Nga-sô và Cộng-sản quốc-tế sẽ tích cực lợi dụng những tiến bộ về khoa học, tuyên truyền phát triển ảnh hưởng chính trị, trong khuôn khổ chiến lược hòa bình của họ.

— Thế giới tự do sẽ nỗ lực củng cố, tăng cường thực lực toàn diện và chủ động đấu tranh bảo vệ hòa bình cho các dân tộc.

Như vậy, cuộc đấu tranh giữa hai phe đối lập trên thế giới sẽ diễn ra trên hai địa hạt : chính trị và khoa học, (khoa học thuần túy và khoa học quân sự).

Và hai vấn đề quan yếu của thế giới năm 1958 sẽ là :

a) Tài giảm binh bị (trong khuôn khổ tăng cường tiếp xúc Đông, Tây).

b) Thi đua phát minh, chế tạo hỏa tiễn, vệ tinh nhân tạo để thám hiểm không trung và áp dụng phát minh khoa học vào đời sống loài người.

Ngay từ bây giờ, ở những ngày đầu năm 1958, nhân dân thế giới đã nhận thấy ở hai phe những hoạt động theo chiều hướng tiến triển của hai vấn đề ấy.

Các cường quốc dân chủ đang trao đổi ý kiến với nhau để phúc đáp bản thông điệp của Bun-ga-nin.

Ở Nga cũng như ở Mỹ, các nhà bác học gấp rút làm việc để thực hiện chương trình phóng vệ tinh nhân tạo lên cung trăng.

Trong khi đó các đại diện quốc gia thường trực tại Hội Đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương cũng đang bàn bạc với

nhau về điều kiện và thể thức xây dựng và sử dụng những căn cứ hỏa tiễn ở các nước trong Khối Minh Ước.

Tuy nhiên từ những lập trường chính trị khác nhau, hai phe Dân chủ và Cộng-sản chỉ có thể quan niệm những giải pháp khác nhau để thanh toán hai vấn đề quan yếu ấy.

Cho nên, để sự giải quyết được thuận lợi cho nền hòa bình chân chính mà nhân loại đòi hỏi, thế giới tự do sẽ phải nỗ lực đấu tranh rất mạnh mẽ.

Bảo đảm cho sự đấu tranh thắng lợi là sự thống nhất về đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, được quyết định tại Đại hội đồng Minh Ước Bắc Đại Tây Dương.

Và thúc đẩy ngày thắng lợi đến gần phải là sức đấu tranh của dân chúng bên này và bên kia tấm màn sắt vậy.

(còn nữa)

Ngày 6 tháng 1 năm 1958

TIÊU DÂN

Cần tin ở « đức » mình trước đã.

Khổng-tử bảo ông Tất-diêu-Khai ra làm quan.

Ông từ, nói :

— Tôi chưa tin ở đức mình.

Khổng-tử lấy làm vui dạ.

A. C. LANGLET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

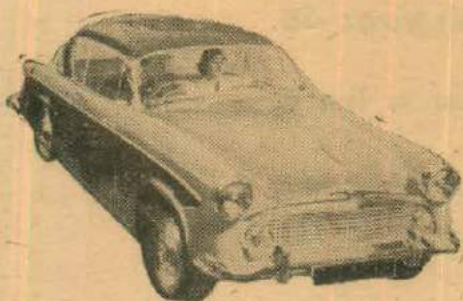
Export : Caoutchouc - Céréales
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIE

XE DU LỊCH

DANH TIẾNG KHẮP
HOÀN CẦU

ĐẸP BỀN



SUNBEAM RAPIER



SINGER *Gazelle*

do Hãng ROOTES Anh-cát-Lợi
sản xuất

ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT-NAM
HÃNG

VIỆT-HÀ

69, đường Tự-Do — SAIGON

Giấy nói : 23.070

NHÂN NGÀY GIỖ TRẦN ĐỒNG-ĐA:
MÙNG 5 THÁNG GIÊNG ÂM DƯƠNG LỊCH

NGUYỄN - HUỆ

(1752 - 1792)

HAY LÀ GIÁC MỘNG CHƯA THÀNH

NGUIỄN-NGU-I

Người của mùa Xuân

GOI người ấy là « *Người của mùa Xuân* », tưởng không có gì là quá đáng. Hễ mỗi lần « *nàng Xuân tung cánh trên hoa* », hễ mỗi độ năm tàn tháng lụn, là i như lòng người Việt xôn xao lên, vì một ngày, một ngày giỗ, một ngày giỗ chung, một ngày giỗ Trần,

Trần Đồng-Đa

Từ ngày con sông Bến-hải đóng lại vai trò chua xót của con sông Linh-giang, hai tiếng Đồng-da — đứng về địa lí mà nói — như cứ xa dần trong không gian. Song hai tiếng ấy, về mặt sử kí, lại càng gần ta hơn bao giờ hết.

Có những đồng bào vừa lìa đất Bắc đã hô hào trên giấy trắng mực đen : « *Tết sang năm, chúng ta trở về Thăng-long ăn Tết!* ».

Có những nghệ sĩ (mặc dầu đã có một thời bước vào đời mà nửa tỉnh nửa say, hay lắm lúc cùng mây vợ vờn) hùng dũng đòi,

« *Đòi trả huy hoàng cho cổ đô* ».

Lại có một nhà báo la to í chí mình bằng bút hiệu sắc như gươm : Bắc-Tiến, mà chẳng phải tiến ra Bắc — nghĩa là thống nhất giang san — bằng biện pháp hòa bình như một số người nào đó đã chủ trương, mà tiến nhanh, tiến dữ, tiến như vũ bão, tiến bằng vũ lực — Vũ-Bắc-Tiến — như hoàng đế Quang-Trung, hơn trăm rưởi năm về trước.

Một trăm sáu mươi chín năm qua, mà nhớ đến cái gò lịch sử ở gần Hà-nội ấy, thì miệng người Việt rộn lên theo điệu « *Thăng-long hành khúc* » :

... « *lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông...* ».

Và đó, đây, lòng người có tuổi cũng hăng lên khi ngắm lớp đầu xanh vừa ra điệu bộ vừa hát rập ràng :

« Lẳng lẳng mà nghe

« Quang-Trung dàn binh bố trận,

« Tại trận Đống-đà,

« Phá tan quân Thanh mười vạn ! » (1)

Tết rồi, quân đội cộng hòa Việt-Nam tặng đồng bào những tấm hình « Xuân Chiến thắng » với hai câu lục bát :

« Xuân xưa vang trống Hà-hồi,

Oai danh Nguyễn - Huệ muôn đời còn ghi.»

Và ngay trước Tết này, có hơn một tờ báo hằng ngày đã tặng quà Tết cho bạn đọc bức tranh lịch sử : « Quang-Trung đại phá quân Thanh » và hiến cho bạn đọc một cuộc giải trí... lành mạnh : tìm coi Tôn-Sĩ-Nghị trốn nơi mô ?

Ấy mới biết cuộc tiến ra đất Bắc để giải phóng miền này cùng trận chiến thắng quân thù phương Bắc nó chói ngời như một thái dương.

Người của Chiến thắng

Phải có bốn mươi lăm năm đăng đàn Nam, Bắc hai nhà thù với nghịch mà đến bảy lần đánh nhau dữ dội vô cùng, phải có an ninh chẳng có, đói lạnh liên miên, mạng người rẻ như rơm rác, phải có tang tóc, chia lìa, nhớ nhung, mong mỏi, tức tưởi, cuồng điên, phải có sự thối nát của nơi này, phải có sự kềm kẹp của nơi kia, phải có sự bất bình, uất hận đó đây, mới có lớp binh dũng mãnh ấy, mới có đám tướng tài ba ấy, mới có nhóm mưu sĩ lỗi lạc kia, mới có người anh hùng áo vải cò đào nọ.

Đề mà thực hiện hi vọng thiết tha

ngắm ngẫm của toàn dân : giang san gom về một mối ; đề mà nói lên chí bất khuất lưu truyền của giống nòi : đất nước Việt là của dân tộc Việt.

Vì thế mà Hồ-Thơ (2), Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Quang-Bình, kết tinh của bao đau xót, nhen ngào, mong ước, tài tình, vì thế mà kẻ một dòng máu với Hồ-Quý-Ly ấy, mang áo vải mà phất cờ đào, thì Đống-đà phải ngời hào quang Người của Chiến thắng, hình ảnh của dân tộc, trong một thời nào.

Nguyễn-Huệ học trong sách vở vừa tạm đủ, học ở thời thế khá nhiều, học ở mắt thấy, tai nghe, trí nghĩ, ở hành động không phải ít. Từ lúc theo hai anh mưu đồ việc lớn, cướp phá thôn này, đánh úp đồn kia, Huệ gặp bao dịp để học, để hành, để quyền, để biến. Càng thấy nghe nhiều, càng va chạm lắm, nổi bất bình đối với hai triều mục nát do ông thầy học — nạn nhân của kẻ gian thần lộng quyền — hun đúc lại càng cuộn cuộn. Nuôi chí có ngày làm một cái gì sáng ăm cho dân, rõ ràng cho nước, một đoạn như sau này (1787) gởi cho La-Sơn phu tử đủ cho ta thấy rõ :

(1) Đứng ra, hai mươi vạn.

(2) Trần-Trọng-Kim, trong « Việt-nam sử lược » viết : « Nguyên ông tổ bốn đời của Nguyễn-Nhạc là họ Hồ, cùng một tổ với Hồ-Quý-Ly ngày trước, người ở huyện Hưng-nguyên, đất Nghệ-an, gặp lúc chúa Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau, bị bắt đem vào ở ấp Tây-sơn, thuộc đất Qui-nhơn. Đến đời ông thân sinh là Hồ-Phi-Phúc dời nhà sang ở ấp Kiên-thành, nay làng Phú-lạc, huyện Tuy-viên (...) Anh em ông Nhạc muốn khởi loạn, mới lấy họ mẹ là Nguyễn để khởi sự cho dễ thu phục nhân tâm, vì rằng đất trong Nam vẫn là đất của chúa Nguyễn.

« Thiên hạ loạn thế này ! nhân dân làm than thế này ! Vậy mà nhà « Thày cũ năm cao không dậy, thì đối với thiên hạ, nhân dân ra sao ? »

Ấp Tây sơn, rồi đất Qui-nhơn, rồi từ đèo Hải-vân đến Thạch-bì-sơn, tài cầm quân của người anh hùng áo vải càng tỏ rạng như vầng thái dương buổi sáng. Đất dụng vô ngày càng mở rộng : từ bờ Hương-giang đến mũi Cà-mau ; chiến lược, chiến thuật, trên đất liền cũng như trên sông biển, ngày càng bén nhọn, đổi thay : mấy lần thành Gia-dinh biến tan cờ chúa Nguyễn, cửa Cần-giờ, sông Cửu-long, vịnh Tiêm-la, chiến thuyền của kẻ thù trong nước, của quân địch ngoại bang tới bờ như bướm con trong cơn đông tố hải hùng.

Hai vạn binh Xiêm trên ba trăm chiến thuyền với hai tướng Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương khắc cốt trận Rạch-gầm và những ai may sống sót sợ ai như cọp (1784)

Được Nguyễn - Hữu - Chinh, ngược đường Nam-tiến. Thế chẻ tre chém chuối nổi nhau.

Thành Thuận-hóa rời tay chúa Trịnh (1786). Bến Vị-hoàng thấm đậm vết dầu loang. Sơn-nam bị hạ. Thăng-long rộn rã tiếng « đảng trong ».

Một sự nghiệp chúa dài hai trăm mười năm (1576-1786) bị dứt tuyệt trong vòng một tháng lễ mấy ngày.

Lợi dụng thời, thế, cơ, quyết đoán mau lẹ, hành binh cấp tốc, khi dùng mưu, biết tìm mưu, lúc dùng sức, biết tung sức, chẳng vì thành công chớp nhoáng mà mù quáng kiêu căng, thiên tài quân sự, trên bộ như dưới thủy, sáng suốt ngoại giao, trong

trường như giữa triều đình, đã đi gần đến đỉnh.

Biết người biết ta, muốn xa muốn đẹp, dám nói dám làm, im lặng đợi chờ, con người áo vải ấy, Nam-phật, chúa Nguyễn như chiếc bách giữa dòng, Bắc-tiến, chúa Trịnh như cây khô bật gốc, con người cờ đào ấy chưa hề nếm mùi thất bại ở chốn sa trường, đáng được gọi, như Đinh-Tiên-hoàng, là : *người Vạn-Thắng*.

Và người Vạn-thắng, ba năm sau (1789), đề chân lên đất Thăng-long tại gò Đống-đa, khi nêu chưa hạ, thành người Toàn thắng.

...« *lũ quân chàng Tôn sập cầu trời đầy sông...* »



Napoléon và Nguyễn-Huệ

Nhắc đến Nguyễn-Huệ, chúng ta nhớ đến Napoléon, cả hai vốn người đồng thời, tuy kẻ Âu người Á, nhưng có lắm điểm giống nhau.

Cả hai cùng xuất thân trong dân chúng, sống trong thời rối, nát : nước tôi bời, dân đối lạnh, nạn ngoại xâm đe dọa, vụng về, thói nát, bó buộc... đầy đầy ; vận nước sập vô cùng đen thẳm.

Cả hai đều đem lại niềm tin cho dân tộc và đem lại vinh quang cho giống nòi, nhờ ở sức thông minh lỗi lạc, nhờ ở tài quân sự phi thường.

Nhưng sau, Napoléon đã phụ lòng dân Pháp, đoàn quân bách chiến đạo gần khắp kinh thành châu Âu, không phải để gieo rắc những « Tự do, Bình đẳng, Bác ái » của cuộc Cách-mạng Pháp, mà để thỏa lòng kiêu căng, ích kỉ, tham lam của một người, cần

những chiến thắng ở nước người để giữ vững địa vị ở nước mình... để rồi quê hương vì mình mà điêu linh, tủi nhục và thân mình tàn tạ trong kiếp tù binh đầy nơi hoang đảo.

Còn Nguyễn-Huệ thì dùng tài võ bị của mình để đánh tan một nổi bất bình, để thống nhất nước non nhà, để quét sạch quân cướp nước ào ào từ miền Bắc (3), và khi tất thảy, sự nghiệp vẫn vững bền, và để lại — từ ấy đến nay — rất nhiều kính phục cũng như lắm nỗi tiếc thương (4).

Ngoài ra, Napoléon chỉ giỏi dùng binh trên bộ, và hơn một lần, nếm mùi thất trận xót xa ; Nguyễn-Huệ giỏi cả bộ lẫn thủy, và đi từ chiến thắng này tới chiến thắng khác, chết mà chưa biết thua ai một trận nào.

Nhưng nhớ đến Nguyễn-Huệ, nhớ đến Napoléon, chúng ta không thể bỏ qua hai trận thắng mau lẹ, vẻ vang và ghi hai diêm son ngời trong lịch sử chiến tranh của người Pháp, của người Việt :

Austerlitz và Đống-đa

Chiến lược, chiến thuật của hai thiên tài quân sự này — trong hai trận nói trên giống nhau như chị cùng em. Sự gặp gỡ khá lạ lùng này tưởng cũng đáng nói đến. Nên trước khi nói kĩ đến trận Đống-đa, chúng tôi xin nhắc sơ qua trận Austerlitz (2-12-1805).

Cũng như Nguyễn-Huệ mười sáu năm trước, Napoléon đã hành quân cấp tốc, đã dùng chiến lược đại bao vây, và đã áp dụng chiến thuật trung ương đột phá.

Liên quân Áo-Nga cùng nhị vị hoàng đế của họ đóng ở trên đồi Pratzen (vùng Moravie, thuộc nước Tiệp-khắc bây giờ). Napoléon dàn quân dài ở dưới. Chờ

trung quân và tả quân Áo-Nga xuống đồi đánh mạnh vào cánh trái do tướng Davout chỉ huy với sứ mạng chống trả kịch liệt để cầm chân họ, Napoléon ra lệnh cho tướng Soult, liền đó tướng Bernadotte, rồi chính Napoléon với đoàn Ngự lâm quân nồng cốt rầm rộ tràn lên đồi do mặt giữa, do bên hông và làm chủ lấy ngọn đồi. Kị binh Nga liêu chết giành lại đồi, nhưng vô hiệu quả. Và sau bốn giờ chiến đấu ác liệt, quân Pháp đẩy lui hẳn đoàn kị binh này. Trong khi đó tướng Lannes và tướng Marat đuổi cánh mặt quân địch chạy trốn chết.

Thế là trong bốn giờ nổ súng, mười vạn quân Áo-Nga đại bại và một số chết dưới dưới hồ, đắm vì tranh giành nhau chạy. Tất cả mọi việc đều xảy ra như Napoléon tiên liệu.

Trận Austerlitz rõ ràng đến đồi vị hoàng đế nước Pháp tuyên bố với sĩ tốt : « Và chỉ cần các người nói : « Tôi đã dự trận Austerlitz, là đủ cho người ta trả lời : « Đó là một người anh dũng ! »

Trận Austerlitz hay ho đến nỗi các nhà quân sự xưa nay đều cho nó là một tuyệt phẩm về chiến thuật.

Phải chi họ mà biết trận Đống-đa thì chẳng biết họ dùng những tiếng gì để khen tặng.

Là vì trước khi súng nổ, Napoléon đã dư thì giờ quan sát trận địa, vị trí đóng

(3) Còn cái dự định đánh Trung-hoa để lấy lại phần đất Việt bị chữ láng giềng không lỗ thòn tính từ ngàn xưa : Quảng-đông, Quảng-tây, chúng tôi sẽ xin nói đến và tìm hiểu sau.

(4) Cũng có vài lời chê trách — của người ngày nay — mà chúng tôi sẽ có dịp nói rõ và góp ý kiến riêng.

quân của địch, ống dòm cầm tay, và bố trí, phân công cho các đạo quân cùng khích lệ ba quân trước giờ quyết liệt chẳng bao lâu.

Còn Nguyễn-Huệ thì đặt kế hoạch tấn công từ ngàn dặm, trước cuộc thư hùng hơn tháng, và phải giải quyết cùng đối phó với bao việc, bao điều : nào tìm cách điều động quân sĩ cho mau mà cho vui, cho khỏe, nào tuyền binh mới trên đường đón giặc, nào đắp đồn ở núi Bàn-sơn, làm lễ lên ngôi Hoàng-đế (25 tháng 11 năm mậu-thân 1788).

Cho nên những lời sau đây của nhà học giả Lê-văn-Hoè, trong tập nghiên cứu, phê bình sử học : « Tôn-sĩ-Nghị, Lê-Chiêu-Thống, Quang-Trung » không có chi là quá đáng :

« Trong một trận ngắn ngủi năm ngày trời mà phá tan hai mươi vạn quân giặc ! Chiến công chớp nhoáng đó chẳng những đáng ghi là chiến công oanh liệt đệ nhất lịch sử nước nhà, mà còn đáng liệt làm chiến công oanh liệt bậc nhất trong lịch sử quân sự thế giới.

« Chúng ta có quyền tự hào, dân tộc ta có quyền hãnh diện với hoàn cầu về chiến công của vua Quang-Trung ».

Vậy, nhân buổi đầu năm, chúng ta thử làm sống lại chiến công hiển hách ấy, mà kết thúc rõ ràng là trận

Đống-đa

Ngày 24 tháng 11 năm mậu-thân (1788), tướng Nguyễn-văn-Tuyệt bay ngựa đem tin chẳng lành đến Bắc-Bình-vương : quân Thanh mượn tiếng cứu nhà Lê đã làm chủ Thăng-long, quân Tây-sơn ở Bắc-hà phải

lui về đóng giữ ở núi Tam-diệp.

Người anh hùng áo vải Tây-sơn chỉ cười trước cái tin nguy cấp đó :

« Chúng nó sang lần này là để mua lấy cái chết đó thôi ! ».

Sau lời lịch sử ấy, là việc làm, việc làm dồn dập và quyết định.

Ngày kế là lễ tế Trời, Đất và Sông, Núi ở núi Bàn-sơn (4). Bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm ấy, niên hiệu Thái-Đức thứ XI ở Nam không còn, mà niên hiệu Chiêu-Thống thứ II cũng mất : niên hiệu Quang-Trung ghi vào thanh sử ? Dân tộc Việt đã có vị hoàng đế của mình.



Rồi cả bộ binh, thủy binh rầm rộ kéo cờ ra Bắc, sự đắc thắng như cầm chắc trong tay.

Ngày 29, Nghệ-an đón tiếp người hoàng đế kiêu hùng. Quân được nghỉ mười ngày, tướng có bốn phân lựa thêm lính, chọn thêm voi. Trong khi đó, người lãnh trách

(4) Tỉnh Thừa-thiên, phía Tây-Bắc huyện Hương-thủy, phía Nam núi Ngự-bình.

nhệm lịch sử trước dân tộc không quên thử lại bài toán của mình. Người cho vờ nhà ăn sĩ La-Sơn, hỏi:

« Quân Thanh kéo sang xâm lấn, ta nay làm tướng thân chinh, chước đánh, giữ và số được thua ra sao, nhà thầy thử nói cho ta nghe nào ? »

La-Sơn phụ tử đáp :

« Bây giờ trong nước rối không, lòng người tan nát. Quân Thanh từ xa kéo đến, không rõ tình hình khôe, yếu và phương thế đánh, giữ gì đâu. Chúa công ra chuyển này, chẳng qua mười ngày thì dẹp được giặc. »

Được lời như cời tắc lòng, nhà vua tươi như mùa xuân mới dậy. Rồi ba quân được cảm khích bằng những lời hiền dụ sau dây của vị Chỉ huy tối cao có đôi mắt sáng như luồng điện, có giọng nói sang sảng như chuông đồng.

«... Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hện đương chiếm cứ Thăng-long, các người đã hay tin ấy ?

« Trong vòng Trời, Đất chia theo phận sao Dực, Chấn ; Nam, Bắc vẫn riêng một non sông. Người nước Bắc không phải nời giống ta thì tất khác lòng khác dạ. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất đai ta : cá thịt nhân dân, vợ vèl của cải, nông nổi ấy thật khó chịu quá ! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.

« Đời Hán có Trưng-nữ-vương ; đời Tống có Lê-Đại-Hành ; đời Nguyên có Trần-Hưng-Đạo đời Minh có Lê-Thất-tổ. Các cụ không chịu bó tay ngồi nhìn quân ngoài làn bạo, nên phải thuận lòng người,

dấy quân nghĩa, đánh thắng rồi đuổi chúng về. Trong những khi ấy, Nam, Bắc đâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vạn nước lâu dài. Từ nhà Đinh tới nay, chúng ta không đến nỗi phải cái khờ Bắc-thuộc. Đó, lợi, hại, được, thua ; chuyện cũ rành rành là thế.

« Nay người Thanh không soi gương Tống, Nguyên, Minh, lại sang mưu chiếm nước Nam ta, đặt làm quận huyện ! Vậy ta phải vùng ra mà khu trừ đi !

« Các anh em, hạng người có trí thức, có tài năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn được nên, chớ dưng giờ thối nhệ tâm đó ! Hễ việc phản trắc lộ ra, thì ta quyết giết, không tha một ai. Bấy giờ dưng trách rằng không báo trước » (5).

Thế rồi hôm sau mở màn cuộc hành quân thần tốc.

Binh sĩ lại có thêm dịp kính phục và mến thương vì Chủ soái : đoàn quân Bắc tiến được chia từng tốp ba người, hai người thay phiên vồng một người, điệu hát trống quân lại hồi sinh để người mệt nằm thích thú mơ màng và người khiêng hăng vui càng lẹ bước. Lướt bụi băng rừng, ngày đi, đêm chẳng nghỉ, ngày 20 tháng chạp là vua Quang-Trung và toàn quân tới nơi giáp giới Bắc-Nam (6), tới miền núi non Tam-diệp, chỗ Ngô-Văn-Sở đã theo lời Ngô-Thì-Nhiệm lui quân về giữ, khi hai chục vạn quân Tàu chia làm ba đạo ; Quảng-dông, Quảng-tây, và Vân-nam — Quý-châu

(5) Hoa-Băng. — Quang-Trung Nguyễn-Huy, anh hùng dân tộc.

(6) Bắc, Nam thời ấy : ranh giới hai tỉnh Ninh-bình và Thanh-hóa.

tiến xuống Thăng-long do ba ngã : Lạng-son, Cao bằng, Tuyên-quang.

Chưa đánh trận mà đã rút lui, là phạm vào binh pháp. Song người cầm đầu sáng suốt ấy dự liệu vì sao những kẻ thay mặt mình ở Bắc-hà phải hành động thế.

«... Bắc-hà mới đẹp yên, lòng người chưa thật qui phục. Mà thành Thăng-long bốn mặt đều là chiến trường, không có chỗ nào hiểm trở có thể giữ vững được. Nghiệm ngay như năm xưa, ta ra lấy Bắc-hà, chúa Trịnh quả không chống nổi thì đủ biết. Các khanh đóng quân ở đây, ngoài thì giặc Thanh đến lấn, trong thì người Bắc làm nội công, các khanh còn biết xoay trở làm sao được !

« Các khanh chịu nhện, tạm tránh mũi gươm đang bén của giặc, rút quân chọn các nơi hiểm yếu đề, mặt trong, khêu mối căm tức của quân ta, mặt ngoài, tăng thêm cái khí kiêu căng của quân địch. Chước đó kẻ cũng phải dấy. Mới nghe, ta đã đoán ngay là mưu kế của Thi-Nhiệm, kịp hỏi Văn-Tuyệt, quả nhiên không sai ».

« Nay ta tới đây, thân đốc việc binh, chiến, thủ ra sao đã có phương lược định sẵn. Chỉ nội mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh. Song le, ta nghĩ : nước Tàu lớn hơn nước ta gấp mười lần, Tàu bị thua rồi, tất lấy làm thẹn, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa kéo dài, mãi không yên ổn, thật không phải là phúc nhân dân, lòng ta sao nở ? Nên chi, sau khi chiến thắng, ta nên khéo dùng lời thì mới dập tắt lửa chiến tranh. Việc này, ta sẽ nhờ Ngô-Thi-Nhiệm ».

Rồi tiệc khao quân được mở linh đình, và lời chủ tướng lại nung niềm phấn khởi :

« Ngày nay, (7) ta hãy ăn Tết Nguyên-đán trước. Sang xuân, ngày mừng bầy, ta sẽ vào thành Thăng-long, mở tiệc ăn tết khai hạ ».

Và cuộc hành quân bắt đầu :

Vua Quang-Trung chỉ huy đại quân ; đại tư mã Ngô-văn-Sở và nội hầu Phan-văn-Lân đi tiên phong ; Hô-hồ-hầu (8) ở hậu tập. Đại quân theo đường thiên lí tiến thẳng ra Thăng-Long.

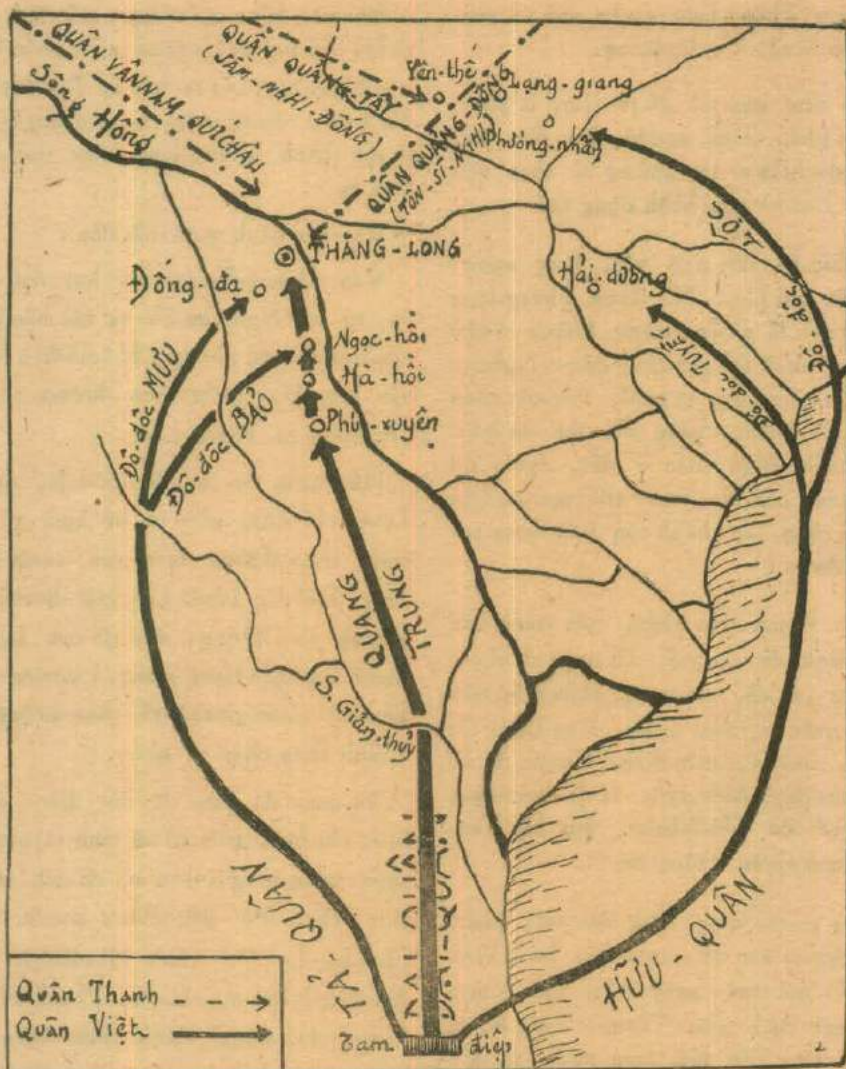
Hữu quân do đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết chỉ huy, gồm có bộ binh và thủy binh, theo đường biên vào sông Bạch-dằng. Đô đốc Tuyết giữ Hải-dương, tiếp ứng về phía Đông ; đại đô đốc Lộc tiến nhanh lên miền Lạng-giang, Phượng-nhơn, Yên-thế (Bắc-giang) để chặn đường quân Thanh thua chạy về nước.

Tả quân do đại đô đốc Bảo, đô đốc Mưu chỉ huy, gồm có bộ binh và binh voi ngựa, băng rừng xuyên núi đề tấn công về phía Tây. Đô đốc Mưu xuyên huyện Chương-dức (9) (tỉnh Hà-dông), thẳng đến làng Nhân-mục (huyện Thanh-trì, cũng ở tỉnh Hà-dông) đánh quân Sầm-Nghi Đồng đóng tại Đồng-da. Đại đô đốc Bảo thống suất đạo quân voi ngựa đồ ra làng Đại-áng (huyện Thanh-trì) để tiếp ứng cho cánh tả của đại quân.

(7) Tức ngày 20 tháng chạp.

(8) Tước, chứ chẳng phải tên họ.

(9) Nay là Chương-mĩ.



Lệnh xuất quân ra ngày cuối cùng của năm mậu-thân.

Trong khi quân Việt hùng hổ tiến ra Bắc theo ba ngõ, thì trước giờ thử lửa, người anh hùng áo vải Tây-sơn lại chẳng quên dùng mưu. Một phái đoàn đến dâng ba đạo biểu văn cho Tôn-Sĩ-Nghị cầu xin vị tổng

đốc Lương-Quảng này hãy đóng quân ở cửa ải để xét lại xem nhà Lê và Tây-sơn ai phải ai quấy, lại xin trả quân do thám Tàu mà Tây-Sơn bắt được; cốt ý là để tên Tổng chỉ huy này khinh miệt mình và kiêu căng, chẳng phòng bị; quả Sĩ-Nghị mắc kế. Một mặt dụ của nhà vua nhờ Nguyễn-Thiếp tìm cách gửi đến viên đề binh họ

Đình giữ lương thảo cho quân Thanh hãy làm nội ứng bằng cách lên đốt kho chứa khí giới trong đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 Tết để làm cho địch hốt hoảng và thiếu khí giới : họ Đình sẽ y theo kế.

Ấy đó, trong khi bên Việt, mưu kế, người, ngựa, thuyền, voi tung ra như thế, thì vua tôi nhà Lê lo hầu lo hạ kẻ bề tôi của vua Tàu, thì kẻ chỉ huy quân đội xâm lăng và hàng tướng tá của i lo rượu ngon, lo gái ngọc, còn binh sĩ Tàu thì cướp, giết, đốt, hiếp..., còn gì gì nữa để chứng minh rằng ta đây là lũ con Trời đến giải phóng nước non này khỏi nanh vuốt phỉ rợ « phiến loạn ».

Đại quân Tây-sơn qua sông Giản-thủy (thuộc tỉnh Ninh-bình) là đám nghĩa quân vua Lê tan rã.

Đến Phú-xuyên, tất cả quân do thám Tàu bị bắt trọn ; các đồn gần đó chẳng được tin gì.

Đồn Hà-hồi hoảng dậy giữa tối mùng ba : tiếng loa vang, tiếng quân la ó rùm trời, đã khiến quân Thanh dăng đồn dôi mạng.

Trận thắng đầu tiên, chẳng tốn một tên quân.

Mùng năm, sáng mờ mờ, Quang-Trung cho tập trung lương thực, ra lệnh đốt sạch, khác nào qua sông đốt thuyền, lên cao chặt thang, ăn xong lấp giếng đập nôi, để quân sĩ liều chết với giặc. Cho nên mặc lũy cấm chông sắt, mặc súng bắn như mưa, quân Việt cứ xông vào, lấy ván ghép lại phủ rơm tầm nước, để đỡ đạn : đồn Ngọc-hồi tan vỡ, tan vỡ luôn các đồn Văn-diên, Yên-quyết. Quân Tàu chết vô số, tướng Tàu đến nợ máu ngay trận tiền, có đề đốc Hứa-Thế-

Hanh, tiên phong Trương-Triều-Long, tả dực Thương-Duy-Thăng.

Đồn do Sầm-Nghị-Đổng giữ bị vây tứ phía, và bị công hãm khốc liệt. Quân tiếp viện không một tên, viên chỉ huy Tàu này đành thắt cổ trên một cây đa nào đó của cái gò lịch sử có tên là Đổng-da : đồ đốc Mưu đã làm xong phận sự.

Quân Thanh đang hốt hải tìm đường chạy thì gặp một toàn quân voi của đại đô đốc Páo từ làng Đại-áng đồ ra, chúng chết hàng vạn dưới chân voi.

Thành Thăng-Long như bỏ ngõ. Vua Quang-Trung cùng đại quân vào kinh đô nhà Lê mùng năm Tết (10), vào giờ thân (lối 4, 5 giờ chiều), đúng ngày hẹn trước với toàn quân : trước ngày nên hạ.

Cần Tôn-Sĩ-Nghị thì trước cơn thảm bại đã hoảng hốt chẳng kịp mặc áo giáp, chẳng kịp thắt yên ngựa vội vượt cầu phao sông Hồng chạy về mạn Bắc. Tướng sĩ như rắn không đầu giành nhau qua cầu nổi ấy, dề rồi :

«... sập cầu, trôi đầy sông...»

Riêng Tôn-Sĩ-Nghị chạy đến Phụng-nhơn thì khiếp đảm quăng tất cả ấn tín, sắc thư, cờ hiệu... để dễ bề thoát thân vì quân báo đại đô đốc Lộc từ phía đông đồ qua dễ chặn đường.

Thành ra đạo binh Vân-nam — Quý-châu mới đến Sơn-tây (tức Phú-thọ và Vĩnh-yên ngày nay) đã vội vã rút lui về nơi phát xuất.

Người Tàu sợ hãi đến đổi đất dúi công bằng nhau, vượt biên giới, sử chép rằng : « từ cửa ải về mé bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người

(10) Theo Hoa-Băng.

nào ! » Vua tôi nhà Lê cũng hốt hoảng chạy sang Tàu.

Dân chúng Thăng-Long mừng đón người anh hùng dân tộc ở tận miền Nam ra giải phóng miền non nước Bắc. Chiếc chiến bào đen cháy vì suốt mấy ngày xông pha trong lửa đạn như thêm hào quang cho người anh hùng dân tộc cờ đào...

Và dân chúng vui mừng vì thoát ách quân Tàu bao nhiêu thì quân Việt của Quang-Trung Nguyễn-Huệ cũng vui vẻ ăn Tết Khai-hạ tại Thăng-Long thành bấy nhiêu.

Và đến nay, một trăm sáu mươi chín năm qua, tại thủ đô mới của nước Việt cộng hòa, một nhà thơ, một nhà thơ họ Vũ, say sưa hạ bút gọi cho ai

Bài thơ bình Bắc (11)

*Người ra Bắc, oai thanh mờ nhạt nguyệt,
Khí thế kìa, làm rung động càn khôn.*

*Lệnh ban xuống lời lời tâm huyết,
Nẻo trường chinh ai dám bước chân chôn.*

Gươm thiêng cựa vổ :

Giặc không mờ chôn,

Voi thiêng chuyền vó :

Nát lũy tan đồn !

*Ôi : một khúc hành ca hể gào mây hét gió !
Mà ý tướng lòng quân hể bền sắt tươi son !*

*Nhớ trận Đống-đa hể thương mùa xuân tốt,
Sầu xuân vội vợi,
Xuân tứ nao nao...*

*Gấm vóc giang san hể còn đây một dải,
Thì rghiệp lớn vô vang,
Thì mộng lớn huy hoàng,
Vẫn ngàn thu còn mãi...*

Ôi ngàn thu người áo vải đất Qui-nhơn !

(còn nữa)

NGUYỄN-NGU-Í

(11) Vũ-Hoàng-Chương, nhật báo "Tự do", số Tết niên năm đinh-dậu (15-2-1958)

*Ai qua núi Ấn sông Trà,
Nghe chẳng tiếng gió mậu mà nhắc ai...*

Hiệu THIÊN-THAI

114, đại-lộ Quang-Trung, 114
thị-xã QUẢNG-NGÃI

XUỐNG SẢN-XUẤT HAI ĐẶC-PHẨM CỦA CÀM-THÀNH :

MẠCH - NHA và KẸO - GUƠNG

(bảo đảm chế-tạo đúng nguyên-chất và hợp vệ-sinh)



*Làm quà cho bà-con, người quen, bạn-hữu, hoặc cúng-kính
sêu tết, tưởng không còn gì bằng hai đặc-phẩm nói trên :*

đã ngon, lại bổ, (có nhiều sinh-tố) còn
khuyến-kích một tiểu-công-nghệ nước nhà.

THẾ-KỶ THỨ XIX

CÓ NÊN TRUY PHONG ⁽¹⁾

LÀ MỘT « ĐẠI THẾ-KỶ » ?

NGUYỄN-VĂN-XUNG

TRONG quyển « Luận đề về thế-kỷ thứ XIX », tập I, ông Nguyễn-sỹ Tế, một giáo sư, đã viết : « Với số tác giả đông đảo và lắm thiên tài, số tác phẩm phong phú và lắm kiệt tác, những tư tưởng tự do, mới mẻ, thực tiễn, xây dựng hay đả phá, với những khuynh hướng giàu mạnh, với văn thể dồi dào, văn từ Việt-Nam thuần túy, thế kỷ XIX thật đáng truy phong là đại thế kỷ văn chương của nước nhà ».

Trước khi phê phán về nhận định trên đây, chúng ta thử tìm nghĩa danh từ « Đại Thế kỷ » rồi xét xem thế kỷ XIX của văn học nước ta có thật xứng đáng với danh từ ấy không ?

« Đại Thế kỷ » là một danh từ mượn của Tây phương. Xét suốt lịch sử văn học các nước Tây phương, từ thượng cổ đến giờ, người ta chỉ ghi được có bốn « Đại Thế kỷ » ở bốn nước :

- 1) Thế kỷ Périclès (Hy Lạp) : Trung cổ
- 2) Thế kỷ Auguste (La mã) : Trung cổ
- 3) Thế kỷ Léon X (Ý) : thế kỷ thứ XVI
- 4) Thế kỷ Louis XIV (Pháp) : thế kỷ thứ XVII

Điều cần đề ý trước nhất là các « đại thế kỷ » trên đây không cần phải là một Thế kỷ lịch sử ngbĩa là phải có đủ 100 năm, chẳng hạn, thế kỷ vua Auguste chỉ có vào khoảng 50 năm và thế kỷ vua Léon X vốn vẹn trên 10 năm.

Sau nữa, những « đại thế kỷ » ấy không những là những « Thế kỷ » cực thịnh về văn học mà còn là những thời kỳ phát triển cực độ của quốc gia dân tộc nữa : Thế kỷ Léon X của Ý chẳng hạn, người ta còn gọi là thời kỳ « Phục Hưng văn hóa cổ La, Hy (2) » mà ảnh hưởng lan rộng ở khắp các nước Châu Âu.

Muốn dễ xét định, ta thử phân tích các tính chất chính của Thế kỷ Louis XIV của Pháp, gần ta hơn nên tương đối ta hiểu rõ hơn.

Người Pháp gọi Thế kỷ thứ XVII của họ là « Đại Thế kỷ », hay « Thế kỷ vua Louis XIV ». Thế kỷ thứ XVII tượng trưng cho sự phát triển cực độ của nền văn học Pháp, nói riêng, và của cả nền văn hóa và văn minh Pháp, nói chung.

Theo quan niệm của người Pháp, Thế kỷ thứ XVII có những đặc tính sau đây :

1) Nó đánh dấu một kỷ nguyên văn học mới bằng những tác phẩm bất hủ về mọi ngành có thể làm mẫu mực cho các đời sau.

2) Song song với sự phát triển văn học, các ngành văn hóa và mỹ thuật cũng phát triển đều đặn (triết học, khoa học, hội họa, âm nhạc, kiến trúc v.v...)

3) Nó tượng trưng cho cái đỉnh cao nhất của nền văn hóa Pháp không những riêng với nước Pháp, mà còn so với các nền văn hóa khác đương thời ở Âu châu : Kinh đô nước Pháp được gọi là « Kinh đô Ánh sáng » (3) và vua quan các nước khác đua nhau học tiếng Pháp, đọc sách Pháp, và ảnh hưởng nền văn hóa Pháp lan tràn cả Châu Âu.

4) Sau cùng, nó đánh dấu sự đi lên của dân tộc Pháp, sự hùng cường của quốc gia Pháp : nền văn minh của Pháp lãnh đạo cả Châu Âu và vua Louis XIV được gọi — người Pháp gọi, cố nhiên — là « Vua mặt Trời ». (4)

Những tính chất trên đây không làm cho chúng ta ngạc nhiên, bởi vì nền văn

học một nước bao giờ cũng phản ảnh sự sinh hoạt tinh thần và vật chất của dân tộc nước ấy.

Vậy, danh từ « đại Thế kỷ » phải được dùng để chỉ một « Thế kỷ » phát đạt về văn học phản ảnh sự lớn mạnh của một quốc gia dân tộc theo chiều hướng đi lên, cùng một nhịp với sự tiến triển chung của nền văn hóa và văn minh của quốc gia dân tộc ấy. Như thế, một quốc gia may mắn lắm mới có thể có được một « đại Thế kỷ » trong suốt lịch sử của mình. Và vì thế, người ta không thấy danh từ « đại Thế kỷ » gán cho các nước Đức, Anh, Mỹ, Nga chẳng hạn, mặc dù họ có những thời kỳ văn học cực thịnh.

Theo định nghĩa trên đây, họa chăng người Trung Hoa có thể gọi được đời Thịnh Đường của họ là một « Đại Thế kỷ ».

Trở về với văn học Thế kỷ thứ XIX của ta, ta nhận thấy nó có bao nhiêu là thiếu sót :

1) Nó không có ảnh hưởng rộng lớn trong dân chúng trong nước, cũng như không có vang dội ra nước ngoài (người đương thời chỉ có số ít được đọc các tác phẩm ấy, trái lại ở Pháp vào thế kỷ XVII sách vở và kịch rất phổ biến trong dân chúng).

2) Nó không có những tác phẩm làm mẫu mực cho đời sau (như Thơ đường luật bên Trung Hoa hay nguyên tắc tam phát trong kịch Pháp).

3) Nó không phát triển song song với các ngành văn hóa khác.

4) Nhất là nó không phản ảnh sự đi lên của dân tộc cùng biểu dương tinh thần

hùng cường của quốc gia (điều này rất dễ hiểu, vì sự thật, quốc gia dân tộc Việt-Nam thời ấy đang ở vào một trạng thái rất suy đốn : Chia cắt, tai biến, chiến tranh).

5) Hơn nữa, những người lãnh đạo văn học Thế kỷ XIX thuộc vào các giai cấp nho sĩ, quý tộc đang hồi nghiêng ngửa : một Nguyễn-Du đầu hàng triều Nguyễn, một Trần-tế-Xương bất mãn — vì bất lực — trước thời cuộc không thể mô tả cái gì khác hơn là sự xuống dốc của tinh thần minh. Do đó, văn chương Thế kỷ thứ XIX nhiễm đầy tính chất sầu bi, yếu thế, không có chút gì gọi là lành mạnh, xây dựng, yêu đời. Nó thiếu hẳn cái ánh sáng rạng rỡ của những thời đại hưng thịnh trọng lịch sử (hãy so sánh với : « Hịch Tướng sĩ văn » của Trần Hưng-Đạo, hay « Bình Ngô Đại Cáo » của Nguyễn Trãi).

Kết luận :

Thế kỷ thứ XIX Việt Nam là một thế kỷ văn học phong phú so với các thế kỷ

trước ; nó là thế kỷ toàn thịnh của văn học chữ nôm ; nó đã sản xuất một tác phẩm bất hủ của một thiên tài (5) : Đoạn trường Tân thanh của Nguyễn-Du. Những điều đó, không một ai dám phủ nhận. Nhưng từ đó kết luận rằng nó là một « đại thế kỷ » văn chương thì thật là đi quá xa và quá bạo. Trong lịch sử văn học Việt-Nam, một « Đại Thế kỷ » chưa hề có. Chúng ta chỉ có thể mong nó sẽ có trong nền tảng, tương lai, và cố gắng xây dựng những nền tảng, tạo điều kiện cho nó có thể có về sau này.

NGUYỄN-VĂN-XUNG

Giáo sư (Huế)

Chú :

- 1) Chữ dùng của ông Nguyễn-Sỹ-Tế.
- 2) La-Mã và Hy-Lạp
- 3) « Capitale de la Lumière »
- 4) Le « Roi-Soleil »
- 5) Nhưng « một thiên tài không làm nên một thế kỷ văn chương ».

★ TÀI trai nên đỉnh đạc đứng ở cõi đời.

NGÔ-DUNG-TRAI

★ Chúng ta sinh sau cồ nhân, nên làm con cháu cồ nhân, không nên làm tôi tớ cồ nhân.

NGUY-HY

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saïgon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



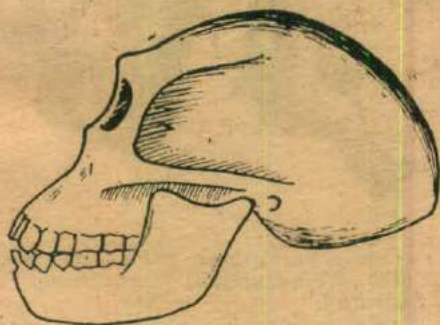
NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

(Tiếp theo kỳ trước)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

CON NGƯỜI Vượn Đứng thẳng *Pithecanthropus erectus*

Đó là một hóathạch đầu tiên về người khi mà người ta đào ra. Từ trước người ta chỉ có những hóathạch người Neandertal hay người thật Homo Sapiens. Nhưng các hóathạch ấy không khác gì người bây giờ mấy, và không lấp cái hố người khi được.



Pithecanthropus erectus phục hồi
(Dubois)

Con người vượn thì đứng « giữa đường » (Arambourg) tiến hóa từ khi đến người, và là một tài liệu vô giá cho tiến hóa thuyết.

Tìm ra năm 1891 — 1892 do bác sĩ EU-GENE DUBOIS ở Java (Nam dương) Nó gây ra một cuộc rối loạn ở dirluận các giới, vì tánh tình trung gian của nó. HAEC-KEL, đây nhiệt huyết cho tiến hóa thuyết làm lễ ăn mừng rất long trọng sự tìm được ấy!

« Đó là một sự tìm kiếm quí báu lạ lùng. Ấy là phần thiếu bấy lâu ta tìm kiếm để lấp vào những chỗ đứt của chuỗi dài khỉ người » (HAECKEL). Các cuộc tranh biện hết sức sôi nổi và sau rốt các nhà tiến hóa thuyết được thêm một chân đứng chắc chắn về nguồn gốc loài người.

Con người vượn là con người hần hời, không thể chối cãi ở chỗ nó biết dùng lửa và biết tiện dụng cụ để dùng.

DUBOIS tìm được 4 hóathạch, cái này cách cái kia vài tháng. Ban đầu là một cái răng, rồi cái sọ ở một thước cách đó, xương đùi cách 1,5 thước và một cái răng khác cách cái sọ 3 thước. Cũng vì sự tán lạc ấy mà người ta bàn cãi rất nhiều về chỗ nên xem các hóathạch đó như là của một người hay không.

Bộ răng cũng hỗn hợp như các hình thức trên. Vành răng trên hình chữ U, trái lại vầng hàm dưới hơi tròn, vì thế hai hàm không ăn khớp nhau, và làm cho ta tin rằng đó là ở hai người. Hàm kịch cộm không có cằm.

Về phần xương đùi, nó y hệt của loài « người ». Có lẽ là của một người thật, ở các lớp trên, do các cuộc chuyển động đem lại, dù sao, thật trọng hơn, chúng ta nên tạm bỏ nó đi (Arambourg).

Sọ của người vượn to hơn các con khi người trước nhiều. Cái của EUGENE DUBOIS tìm ra thạch cỡ 900 — 940 cm³ (bề ngang 130 ly bề dài 185 ly). Thạch của con khi to nhất là 600 cm³, của người bé nhất là 1200 cc, 1100cc, thì ra con người vượn ở « giữa đường » vậy.

Sọ ấy còn rất dài, tỷ lệ $\frac{\text{bề cao}}{\text{bề dài}} = d =$

51,4%

một cỡ với hể tích tinh 51,3%. Trong sự tiến hóa đi đến loài người sọ ngắn lại và cao lên thành ra d lớn hơn : ở người Neandertal từ 65 tới 70% và người hiện tại cao hơn 70%.

Vành chân mày rất kịch cộm, trán rất thấp. Khâu nổi mấn xương đỉnh (1) còn ngay như ở khi Góc mặt cỡ 52°.

Về cách sinh sống, con người vượn đã đứng thẳng nhiều rồi, nhưng chưa có bộ đứng như ta.

Tìm được nhiều mảnh đá tiện và xương mài mà người đã dùng. Con vượn người có ở Á, Âu ; ở Châu Phi, Arambourg gần đây tìm gặp con *Atlantropus* cũng là người vượn.

CON SINANTHROPUS PEKINENSIS

(Người vượn Bắc Kinh)

Con người vượn làm chúa ở các sơn nhàn tìm ra được cho đến năm 1921 thì nó mất phần vể vang, khi ANDERSON tìm ra dấu vết con *Sinanthropus* ở Choukoutien cách Bắc Kinh cỡ 50 cây số. Lăn lăn các hóa thạch được tìm ra rất nhiều. Cái sọ đầu tiên tìm được vào năm 1929.

Những thi hài (phần nhiều là sọ) tìm ra có lẽ là của hơn 40 người vượn khác nhau. Các hóa thạch đều để ở Viện địa chất học bên Tàu, có lẽ mất lúc chiến tranh.

Về tuổi tác thì người vượn ở Bắc Kinh có lẽ đồng thời với người vượn ở Java.



Con sinanthropus pekinensis phục hồi (theo Weidenreich, mượn trong T. D. Chardin).

Hàm rất kịch cộm và ngắn, vành răng hình parabol như của người thật, nhưng so với người thật thì hình parabol còn hẹp.

Tìm được hơn 150 cái răng. Răng đó một mớ tánh khi pha với một mớ tánh người, nhưng tánh người trội hơn : Răng

(1) $\frac{\text{Suture temporo-pariétal}}$

đều, nhất là răng chó không to, răng cối nửa người nửa khỉ. So với người vượn Pithecanthropus, Sinanthropus gần người hơn, nhưng nó cũng chưa có cằm.

Sọ thêlich cỡ 850 — 1125 cm³ trung bình cỡ 1.000 cm³ hơi cao hơn của con Pithecanthropus. Với thêlich 1225cm³ con Sinanthropus liên hệ sọ người Neandertal và sọ vài thứ người hiện tại.

Xương sọ còn giống con Pithecanthropus ở chỗ vành chân mày rất to, xương rất dày.

Gốc mặt hơi cao hơn người vượn Pithecanthropus 54°. Tỷ lệ d = từ 49,2 tới 53,4%, kém của ta nhiều nhưng đã hơn con Pithecanthropus.

Ốc ăy dù to, nhưng vẫn còn dấu vết khi : rất ít khúc cuộn. Sọ to nhất ở miết bàn tang (Khỉ) chó không phải ở cao (người).

Tứ chi mặc dù còn khác của chúng ta ở vài tính, nhưng tổng quát (nhất là xương đùi) thì của người hẳn hoi (Arambourg). Do đó mà độ, thì con Sinanthropus đã đứng thẳng và hai tay không còn dựa vào việc đi đứng nữa. Người ta phỏng con Sinanthropus cao cỡ 1 thước rưỡi.

Ở nơi tìm ra các hóathạch có rất nhiều mảnh đá bén giống như những đá người vượn Phíchâu. Breuil cho biết rằng có những dụng cụ làm bằng xương hay sừng nai.

Về lửa thì không chối cãi rằng đã có : xương cháy, tro và thân cây. « Còn ai là tác giả của mấy khúc và lửa ăy nếu không phải là của con Sinanthropus. Con sơn nhân ăy khôn đã không kém người Neandertal rồi » (Aron và Grassé).

Nhưng G. SALET và L. LAFONT trong quyển « Évolution regressive » cho rằng các dấu vết thông minh ăy không phải của con Sinanthropus mà là của loài người thật. Vì theo ý "các ông, các con Sinanthropus không phải ở động, mà mấy di hài ăy là do các người thật bấy giờ, theo các ông, đã có rồi, mang về để ăn.

Nhưng giăthuyết ăy đến nay chưa có gì chứng minh. Các nhà bách học như GLONG, BLACK, WEIDENREICH, BREUIL, PIVETEAU đều cho rằng đó là dấu vết của một sự thông minh mới bắt đầu năynở, ở một lữ khách 2/3 đường ăy.

Những mảnh vụn của Sinanthropus, bề gầy như các thú khác ở cùng chỗ, nhiều mảnh cũng bị đốt đó là những dấu vết của những buổi ăn và hẳn con người vượn ăy cũng ăn thịt đồng loại (Arambourg). Ý kiến ăy được làm nhiều tài liệu hiện tại làm tăng giá trị : nhiều sọ bị bỏ ra với mấy mảnh đá bén, có lẽ để bới óc ra. Ở người Neandertal cũng thế, có nhiều dấu vết chứng tỏ rằng người cổ ăy ăn thịt đồng loại.

Có nhiều tác giả như WEINDENREICH và VON KOENIGSWALD so sánh kỹ sọ con người vượn Bắc kinh và con người vượn Java, cho rằng đó là hai nòi của một loại. Cái đó không có gì là vô lý. Nhưng dường như các sự tìm tòi gần đây chứng tỏ rằng đó là hai loài riêng biệt (Aron và Grassé).

Đề cho đây đủ về các con người vượn chúng ta nên kể qua con Africanthropus ijarasensis tìm ra năm 1935 do KOHL LARSEN. Các tính đều giống của người

vượn Bắckinh và Java. Thế thì vào đầu thế kỷ thứ tư ở Á cũng như ở Phi đều có nhiều sinh vật nửa người nửa khỉ như thế cả (toàn sinh thuyết muốn xem đó là một bằng cứ của thuyết như ta đã thấy).

Ở Âu có lẽ cũng thế. Một hàm có tính cách người rõ rệt tìm ra năm 1907 ở Heidelberg. Ban đầu người ta cho là của một người họ hàng với người Neandertal, còn cổ lỗ hơn nên đặt tên là *Homo Heidelbergensis* (người Heidelberg). Nhưng có lý hơn là một họ với người vượn thì phải, như Arambourg nghĩ.

VỤ NGƯỜI PITDOWN

Đây là một vụ xáo trá to tát, nhưng may thay không lọt nôi lưới khoa học. Số là 1908 ở Pitdown (Anh) người ta tìm ra được một cái đầu, giống của người hiện tại, song rất kịch còm, dày. Nhưng cạnh cái đầu ấy người ta tìm ra được một cái hàm (1911) hàm này hoàn toàn khỉ.

Sự tìm tòi ấy do DAWSON, một người trạng sư ténh ưa tìm nầy nọ, nhất là cổ sinh học. Nên người ta đặt tên người vừa tìm được là *Eoanthropus Dawsoni*, đầu và hàm ấy là của một sinh vật nửa người nửa khỉ.

Nhưng nhiều nhà cổ sinh học không chịu theo thuyết ấy. Vì hàm hoàn toàn khỉ, « nếu gặp một cái hàm không như thế người ta sẽ không ngần ngại gì mà không cho nó là một hàm khỉ nhân hình. BOULE, PIVETEAU, WEIDENREICH, v. v... cũng chống thuyết trên.

Mấy nhà theo thuyết *Eoanthropus* không phải mờ quáng. Vì cổ sinh học cho thấy rằng thường trong sự tiến hóa của nhiều nhánh sinh vật mấy tính lăm khi tiến hóa

độc lập với nhau, tốc độ tiến hóa của các cơ quan không bằng nhau. Và cổ sinh vật luôn luôn cho ta thấy những sự hóa hợp không dè, những sự suy đoán do thuyết cơ quan liên hệ của Cuvier không phải luôn luôn bao giờ cũng áp dụng được. Vì thế nên cuộc tranh luận kéo dài mãi cho đến 1953. I.S. WEINER, K.P. OAKLY W. E. LE GROS CLARK áp dụng tất cả kỹ thuật mà cổ sinh học hiện tại có để giải quyết vấn đề này. Mấy ông chứng tỏ rằng :

a) Cái sọ thì do các sét sắt nhiễm điều và sáuxa chứng tỏ nó cổ. Trái lại cái hàm và răng bị nhiễm ở lớp ngoài thôi, nói trắng ra thì hàm và răng bị nhuộm mới đây với phen xanh (S04Cu) !

b) xương khi bị chôn dưới đất thì chất Fluor lẫn lán thấm vào và chồngthất ở trong xương. Thế số lượng của F1 trong xương có thể cho biết tuổi của nó. Sự phân tách chứng tỏ rằng đầu và hàm chứa một số lượng fluor rất khác nhau và « cái hàm hoàn toàn hiện tại », còn đầu già sau cánh tân (PIVETEAU 1955).

c) Cách mòn của răng ta và răng khỉ rất khác nhau, vì cách sinh sống khác. Nhưng cách ấy dù sao cũng không giống cách mòn của răng tìm ra.

Quansát kỹ răng của người Pitdown người ta thấy rằng nó bị mài ! Vả lại chân răng cho biết đó là một răng trẻ, răng trẻ mà bị mòn nhiều thế thì vô lý ! Các hóa thạch có vú « tìm ra cùng với người Pitdown cũng đều bị giả mạo cả.

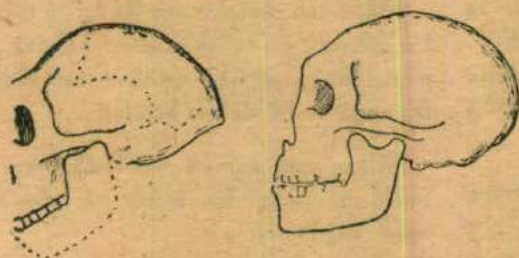
NGƯỜI RHODESIE (Pithecart)

Homo rhodesiensis hay *Ryphanthropus Rhodesiensis*. Đó là những hóa thạch tìm được ở Phíchâu năm 1921. Còn vành

chân mày rất to, trán rất lép, đầu còn bé, chòm ốt còn nhọn. Với mấy tính đó nó còn thô sơ cổ lỗ hơn người Neandertal. Nhưng vị trí của hóathạch⁹ gần cho người Rhodesie một tuổi non hơn, làm cho người ta có thể tưởng rằng đó là một nơi người Neandertal cư ngụ tại chỗ và tắt sau người Neandertal ở mấy nơi khác. Phíchâu có cách bảo toàn mại¹⁰ ai cũng biết, nhiều thú cổ lỗ được gởi rất lâu ở đây.

NGƯỜI NEANDERTAL (*Homo neandertalensis*)

Đến đây là ta tới loài người khác chúng ta một cách ít nhất



Người Rhodesie Người Néandertal (theo Boule)
và làm cho chuỗi dài tứ thủ thêm phần
điều hòa.

Nhưng dù gần chúng ta hơn các người
vượn trước, nhưng chúng ta gặp người có
lẽ chúng ta không nhìn ra được! SCHMIDT
viết :

« Ai mà trông thấy người Néandertal,
một lần, thì sẽ không bao giờ quên nét
mặt bộ dáng của người ấy nữa. Người có
cái gương mặt của một thứ người chưa có
sắc diện cao quý, thông minh, không có trán
cao và vồ, tiêu chuẩn của một bộ óc
tinh hoa nầy nỡ.

« Mặt to, chòm ra trước, trán hết sức
hẹp. Phía chòm ốt nhọn ra. Đó là mấy nét
người chưa hoàn thành và đương thời kỳ

nầy nỡ. Mắt sâu và trong lỗ mắt to tròn,
trên có vành chân mày kịch cộm, hai mắt còn
cách trán xa. Miệng lồi ra như mỏ, cằm
lép thành ra gương mặt còn đầy vẻ thú.
Môi không cử động, miệng rộng dưới một
mũi đẹp, to.

« Các giác quan : mắt, mũi, miệng đều
phải có một lỗ to, rộng.

« Các tính cổ lỗ ấy được một cái cổ rất
ngắn và to để chụm dựng cái đầu ấy. Thân
mình nặng, hai chân ngắn, có một bộ
dứng chòm tới về đây sống cộng về sau.
Người ấy chưa đứng thẳng ».

Nhưng, mặc dù còn về
thú, đó là một người không
còn hồng hì gì nữa.

Đầu to, thể tích óc trung
bình 1450cm³ (cái sọ ở
Chapelle - aux - Saints to cỡ
1600cm³). Thể thì cao hơn
của loài người hiện tại.

Nhưng không vì thế mà cho rằng người
khôn hơn ta. Vì nếu nhớ rằng trung bình
của ta tính theo một số rất đông, còn trung
bình của người Neandertal thì tính theo
một số bề nào cũng rất ít. Vả lại hình thức
của óc không bằng của ta, khúc cuộn còn
sơ sài, trán lép và phần trigiac cử động nầy
nỡ chứng tỏ một sự hoạt động sức lực nhiều
hơn tinh thần.

Góc mặt đã cao

người ở Spy I	58°
người ở Neandertal	62°
người ở Chapelle aux Saints	65°
người ở Spy II	67°
người ở Gibraltar	73° (gần như Homo Spiens)

Hàm chưa có cằm, hay có dấu vết mà thôi.

Răng hoàn toàn người.

Theo BOULE, hình như bộ xương và nhất là xương đùi chứng tỏ người đứng còn hơi khom, chưa thẳng. Nhưng theo PIVETEAU các tính ấy người hiện tại và cũng có và theo ông Neandertal hoàn toàn đứng thẳng rồi.

Hình thức tay chơn thì giống người, mặc dù còn vài tính khi.

Lẽ tất nhiên là lửa và đá tiện đã có rồi.

Người Neandertal ở Âu, Á, Phi. Quan trọng cho ta là người ở Ngandong tìm ra ở Rạch Sôô (Namdương) do Ông W.F.T. OPPONSORTH (hơn 11 cái). Tuổi tác thì vào cánh tân sau người vượn, có lẽ là tổ tiên của người ở Neandertal.

Ốc còn to hơn người ở Neandertal trung bình cỡ 1450cc. Đầu hơi tròn. Trán còn thấp và chòm ót còn nhọn. Bề ngang to nhất của sọ còn ở thấp, khâu nối bảng tang xương đỉnh ít cong : mấy tính cổ lỗ hơn người ở Neandertal.

Người ở Palestine quan trọng hơn vì người này đứng giữa người Neandertal và người hiện tại Homo Sapiens và lấp cái hố Neandertal — Sapiens.

Các hóa thạch này do cô GARROD, và ông Th. D. Mac. COWN đào ra năm 1931 — 1932.

Vành chân mày ít to như người ở Neandertal, chòm ót còn ít nhọn. Cằm đã có mặc dù chưa rõ rệt, trán đã vồ ra, khâu nối bảng tang xương đỉnh như người.

Song, với một cái cò ngắn, một xương hông của người Neandertal, người Palestine làm trung gian giữa ta và người ấy.



NGƯỜI HOMO SAPIENS

Đây là người thông thái, đây là chúng ta rồi vậy.

Đối với người Neandertal, thì người Homo sapiens có mấy đặc điểm khác sau này :

Ốc lẫn lộn ngắn lại và cao lên và bề mặt óc lẫn lộn có nhiều khúc cuộn. Trọng tâm óc lẫn lộn xê về phía trước : trán lẫn lộn vồ ra.

Mấy vành chân mày teo lẫn lộn và mất đi. Lỗ mắt xưa kia to và tròn nay không tròn nữa. Hai mắt xưa kia xa nhau, nay gần lại, tầm vóc vì thế mà thu hẹp lại.

Miệng xưa nay hô nay lẫn lộn thụt vào (móm đi) trong lúc ở một cái cằm càng ngày càng lồi ra.

Gương mặt xưa kia đầy vẻ thú, giống một cái mỏ, nay trở thành một gương mặt đầy thông minh rõ rệt (SCHMIDT).

Chúng ta chưa rõ người Homo Sapiens xuất hiện thế nào chúng ta chỉ biết rằng ba thứ người ấy lẫn lộn thế các người Neandertal.

Ba thứ người ấy sẽ cho ba màu da bây giờ người da trắng có lẽ do người ở Cromagnon, người da vàng do người ở Chancelade, người da đen do người ở Grimaldi (Monacco).

Người Cro Magnon to lớn, trán rộng mắt nhỏ, mũi có lẽ đã cao, nhưng còn rộng hơn người Âu, xương đùi đẹp. Cao cỡ 1,82 thước.

Những sự tìm kiếm gần đây chứng tỏ rằng mầm tín ngưỡng đã có. Người chết được chôn và quanh đầu được đề đá và đầu hướng về phía mặt trời mọc. Các khí cụ đá rất tinh xảo.

Diện tích sanh tồn rất to : Âu và Bắc phi.

Người Chancelade hoá thạch còn rất hiếm.

Vóc vát có lẽ nhỏ 1m5, nhưng những vết ở các xương chứng tỏ những bắp thịt rất nở nang.

Ốc rất to (1700 cm³) dài, trán vồ, vành chân mày không hơn người bây giờ. Lỗ mắt hơi vuông. Gò má lồi. Mặt rộng, mũi dài, không hô, hàm dưới nhỏ mạnh, cằm rõ rệt.

Xương đùi chắc, hơi cong và chân lại có một ngón cái cử động được (như người Giao chỉ ?)

« Mạnh dạn và khôn ngoan, có lẽ dường như sanh ra để chống chọi với khí hậu lạnh lẽo và đời sống hiềm nghèo của thời đại.

Và lại người còn là một nghệ sĩ vô địch : không những mấy món khí cụ tiện tuyệt đẹp

bằng đá hay bằng ngà chứng minh như thế mà lại còn những tác phẩm hội họa tuyệt tác mà người để lại, mấy tác phẩm này không kém mấy bức tranh lụa của các danh sĩ nào hiện tại cả.

« Đúng ra mỹ thuật đã có từ lúc có người Grimaldi vì người này để lại vài tượng, hình bằng ngà hay bằng đá, hình Venû với những nét hoạt kê và phong phú.

« Với các người Chancelade mỹ thuật được hoàn hảo và chắc chắn lạ, các nghệ sĩ đó đã biết quan sát và có một quan niệm rõ rệt về những cử động của các thú nên khi trong một hình vẽ ta không thể lộn một con vật nào với con khác cả. Người nắn các đất sét chạm nổi, chạm các đá mềm, cây, xương v. v... (Léon Moret).

Những người Chancelade và người CroMagnon có lẽ không khác nhau lắm. Có nhiều người Chancelade có lẽ là lúc xưa cùng một gốc lẫn lộn vì địa thế mà khu biệt ra từng nơi.

Người Grimaldi thì đầu còn rất dài, mũi to, hồ. Nhỏ con : 1 thước 6, răng còn rất to tựa các dân tộc ở Úc hiện tại.

(Còn tiếp)

Người thật « cương quyết »

Một hôm Khổng-Tử nói :

— Ta chưa thấy người nào thật cương quyết.

Có người đáp :

— Có Thân-Trần

Khổng-Tử đáp :

— Trần là người tham dục, làm sao cương quyết được.

★ Bực đại nhân cho cả thiên hạ làm một thân : nếu còn phân biệt của ta, của người một cách quá đáng thì tâm mình đã lệch lạc rồi, còn bình thiên hạ sao được ; cho nên muốn tu thân trước hết phải chỉnh tâm đã.

ĐUƠNG-PHỤC-SỞ

XUÂN - Ứ

Xuân đã về đây tự bữa mô,
Láng giềng vang tiếng trẻ cười nô,
Có đôi chim nhỏ bên hàng đậu,
Lén ngắm cô nàng mới điềm tồ.

Mây xám chiều qua lạc xứ nào,
Sáng nay trời biếc bỗng thêm cao
Vườn ai bướm lượn vòng hoa cải
Nắng rập rình trên mấy khóm đào.

Chờ đợi cảnh mai nở hết hoa,
Nửa đêm ông lão dậy pha trà,
Ý xuân thức động tình xuân cũ
Ông lão ngâm thơ dậy cả nhà.

Tiếng pháo giao thừa vọng xóm xa,
Vui xuân ông lão bỗng quên già,
Sờ râu lão tỉnh, e lắm tuổi,
Thằng cháu trên đùi vỗ nhịp ca.

VŨ-QUỲNH-BANG

(Quảng-ngãi một mùa xuân thanh bình)



Gửi Thi sĩ

Á - Nam Trần - Tuấn - Khải

(nhân đọc bài thơ dịch « Điền gia Xuân Vọng »
của Cao-Thích đăng trong báo Bách-Khoa số Xuân Mậu-Tuất).

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

*Xuân về, ai dịch người xưa,
Mấy vần gửi ý bấy giờ nhân ai ?
Ly-Thương xưa gặp hiền tài,
Thời nay ai biết được ai « tửu đồ » ? !
Xem thơ, người đọc ngẩn ngơ,
Nửa thông cảm khách, nửa mơ phận mình !
Nữ-Oa từng vá trời xanh, (1)
Dã tràng xé cát cũng tình công không !
Thôi thôi non nước mệnh mỏng,
Mệnh ta, ta biết, đôi lòng ta hay.
Cuộc đời vắn chuyền con quay
Con tầm rút ruột đến ngày kén xong !
Bao la trời đất mịt mùng
Một Chung-Kỳ đủ thỏa lòng Bá-Nha !*

Xuân MẬU-TUẤT

(1) Thi-sĩ Trần-Tuấn-Khải có làm bài thơ « Gánh nước đêm » trong đó có hai câu :

*Bà Nữ-Oa dệt đá vá trời
Con dã tràng lấp bề biết đời nào xong !*

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoan

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS • TOURANE • CHOLON • DALAT • CANTHO • VIENTIANE

HONGKONG • TANANARIVE • TAMATAVE • ABIDJAN • DOUALA



Dùng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

CẬU TÔI

Vi-Huyền-Đắc thuật

TRƯỚC đây, vào khoảng dăm chục năm, bên họ ngoại của tôi ở trên quê, vẫn có một cô lệ, là hàng năm, vào đầu xuân, có cuộc tế tồ. Con cháu và tất cả người trong họ đều tề tựu ở nhà từ đường để, trước là cúng tế tồ tiên, sau là để cùng nhau nhận họ, vì họ thì to mà mỗi người ở một nơi, có khi chẳng bao giờ giáp mặt được.

Năm ấy, tôi về dự cuộc xuân tế, và tôi đi thăm cậu tôi, vì từ khi cậu tôi về hưu rồi bị lừa, tôi chưa được gặp.

Cậu tôi đã ngoài sáu mươi, nhưng vẫn còn mạnh. Có lẽ vì đọc sách nhiều quá mà cậu tôi mang tật. Hai con mắt vẫn nguyên lành, nhưng hình như dây thần kinh của nhãn giác bị hư liệt, nên cậu tôi không còn nhìn thấy một tia ánh sáng nào hết.

Tuy là một nhà nho, cậu tôi không gàn, không hủ. Mỗi lần, các ông bạn thân thiện là chữ Hán đã đi tới bước suy vong, cậu tôi phản đối kịch liệt. Cậu tôi cãi: « Chữ không bao giờ có tội! Những tên tội khôi là các ông. Các ông chỉ bo bo giữ chặt lấy cái

học cử nghiệp và một mớ những thứ tiêu xào, tầm chương, trích cú. Rồi, kiêu căng, gàn dở, các ông chỉ nhớ vanh vách lấy chữ sách, đề, bất cứ dịp nào, cũng cố lôi ra đề lờ kẻ ngu dốt. Các ông lặp lại những lời của thánh hiền mà các ông ngang nhiên tự cho mình là thánh hiền. Các ông hãy mở mắt mà nhìn về phía trời Bắc và Đông, sáu bảy trăm triệu dân Trung hoa, dân Nhật, họ cũng chỉ dùng có cái thứ chữ « suy vong » đó thôi, sao họ vẫn tiến. Rồi đây, họ sẽ đuổi kịp người Âu Mỹ trên con đường tiến hóa, cho các ông xem! ».

Những lời kết tội gắt gao đó làm cho các ông ấy tắc kỳ ngôn lộ, nhưng các ông ấy không có can đảm đi tìm, đi chuốc tân thư về mà đọc vì, hình như, các ông ấy dụt dè, e sợ, không dám đứng được bước ra ngoài cái lĩnh vực « hú nút » của các ông ấy.

Trái với các bạn đồng thời, đồng cảnh, cậu tôi ra công đọc sách Tàu, sách Nhật, cho nên, tất cả cái gì là lạ, tất cả học thuyết và tư tưởng của Âu tây, cậu tôi đều am tường. Bất cứ môn gì, cậu tôi cũng

tìm kiếm đề học hỏi. Ngay tới cả toán học và hình học cậu tôi cũng biết một cách rành rẽ. Chẳng có thể mà, khi cậu tôi ngồi ở tỉnh Hà Nam, người ta đã giao cho cậu tôi trông nom và kiểm điểm việc đạc lại các đất ruộng của toàn tỉnh, cậu tôi đã thành tựu việc đó một cách cực kỳ chu đáo. Như vậy, khoa tam giác học nhất định đã không phải là một môn xa lạ gì cho cậu tôi.

Cuộc xuân tế bắt đầu từ lúc sáng tinh mơ, nên khi mặt trời còn ở dưới ngọn tre, tôi đã được rảnh để đi thăm cậu tôi.

Ngay từ ngoài cổng tre, tôi đã nhận thấy cái cảnh thư thái, dật lạc của một người lão nho.

Bước qua cổng, hai hàng lão mai rạch thành một đường hoa kính, đưa khách tới một bồn cảnh xinh xinh. Trong bồn có lơ thơ vài khóm trúc quân tử, cảnh lá dương la đà và rì rào trước gió, với một bụi hồng đào, hoa dương thịnh phóng để đón chào tân xuân. Gần ấy hoa, lá, vây quanh một hòn giả sơn đầy rêu phong kín. Một giàn thiên lý đem bóng mát lại cho một cái hiên, trên có cái biển đề ba chữ « Thính vũ hiên » mà vàng thên nay đã hoen mờ. Hai bên giàn thiên lý, mỗi bên, có một cụm chuối xanh um. Tiếp với hiên, là một nếp nhà bằng gỗ xoan, máy lợp rạ cực dày.

Một người đàn ông bận áo cộc vào trạc ngoài năm mươi, đơn dă chạy ra đón tôi và đưa tôi vào ngồi ở chỗ tràng kỷ, kê giữa nhà.

— Thưa, cháu hỏi thế không phải, có phải cậu là cậu Thái Khanh, không kia ă ?

— Thưa phải tôi về xuân tế...

— Vâng, vâng tôi đã được rõ, chính

tôi, tôi đã đọc hầu cụ nghe bức thư cậu viết về đạo cuối tháng chạp... Ấy, cả ngày hôm qua, cụ luôn luôn nhắc đến cậu...

— Mãi khuya tôi mới về tới đây, nên định sáng nay, tế tồ xong, tôi mới lại hầu cụ...

— Trông cậu khác hẳn ngày còn bé !... Chắc là cậu không nhận ra tôi ?...

— Xin lỗi ông... tôi trông ông có mang máng biết là người quen, nhưng quả thật tình, không sao nhớ ra, là đã gặp ông ở đâu...

— Chết chưa ? Tôi là Nho Trung đây mà, hồi cụ nhà ngồi ở Quảng-An, tôi vẫn giắt cậu và cậu Ngôn ra chơi ngoài bến cầu Ngự mà... cậu nhớ ra chưa ?

— Có, có, tôi nhớ ra rồi, bác Nho Trung, phải rồi !... tại bây giờ bác đề râu ria, thiệt tôi không thể nào nhận ra bác... bây giờ thì tôi nhớ ra rồi...

— Ấy, lúc giắt cậu đi chơi, tôi còn làm nho ở bên ty Niết kia, sau cụ mới cho tôi về bên Phiên hầu cụ. Chính cậu, cậu cũng thay đổi nhiều quá, nếu gặp ở ngoài đường, thật tình, tôi không sao nhận ra cậu... ngày xưa, cậu gầy, còm, chứ có đầu to, lớn, như bây giờ... Không, cậu cháu không nhận ra nhau, cũng là phải, vì, từ hồi ấy tới nay, có thêm ngoại hai mươi năm rồi, còn gì... Sau khi Cụ hồi hưu một ít lâu, tôi mới về đây hầu cụ... rồi tới lúc cụ bị tật, tôi phải luôn luôn ở bên cụ để đọc sách hầu cụ. Ngoài những sách mới, cụ

bắt đọc lại những bộ sách hay, thứ nhất những loại sách do người Tàu và người Nhật dịch của Âu-Tây ra.

— Nếu vậy, ngày nay, chắc hẳn bác cũng giỏi lên nhiều về phần kiến thức đấy nhỉ ?

— Dạ, thưa cậu, giỏi thì chả dám nói giỏi, nhưng quả tình, nhờ sự đọc hàng ngày, trí tuệ của tôi cũng được mở mang hơn... mà tài tình thật, cậu ạ, thì ra đông với tây cũng chẳng sai biệt gì nhau bao nhiêu, bên phía trời Tây, họ cũng có những truyện kiếm hiệp, truyện thần thoại, đọc vui đáo để, như cái bộ « Ái-phàm-hòa » của Săm-Căm-Nam dịch chẳng hạn...

— Bộ gì ? Ái-phàm-hòa ! Truyện của Pháp hay của Anh ? hử Bác ?

— Của Anh cậu ạ, tác giả là Tư Các Thoát, ấy mà...

— Tư - Các - Thoát ? Tư - Các - Thoát ? Thôi phải rồi, tôi đoán ra rồi, có phải Walter Scott, phải không ?

— Khốn nạn, nhà cháu có biết chữ Tây đâu mà trả lời cậu, nhà cháu chỉ biết tên là Ái-phàm-hòa của Tư-các-thoát, Tàu họ dịch âm ra, ấy mà...

— Ái-phàm-hòa, dịch là Ivanhoe rồi ! Có phải ở trong truyện, hai vai chủ động là một đôi thanh niên nam, nữ ; người con gái yêu người con trai, mà người con trai không hiểu, chỉ cứ mê mãi với công danh, phải không ?

— Thưa đúng đấy ! Cậu có rõ ông Săm-căm-Nam dịch như thế nào không ? Ông ấy không biết một tí Anh văn nào cả...

— Thế thì dịch làm sao được.

— Thế mới thần tình chứ, ông ấy nhờ một người thanh niên đã đi du học ở Anh về, dịch truyền khẩu từng câu hay từng đoạn ngắn một cho ông ấy nghe, rồi ông ấy viết ra Trung văn. Thiết là phi thường ! Ấy thế mà Săm tiên sinh đã tung hoành ngọn bút viết được tới mười mấy bộ truyện ra văn ngôn. Hai cụ cháu chúng tôi cứ bị say mê một cách dị thường... Nghe đâu, những bộ sách dịch truyền khẩu đó đã làm cho họ Săm có một thịnh danh trên văn giới hồi đó, vì nó vừa mới, vừa lạ !

— Tôi nghe bác nói, mà tôi thêm cái địa vị của bác, ước gì tôi được đọc sách hầu cụ.

— Cái đó có khó gì, cậu cứ về đây một ít lâu, là được...

— Nhưng khốn một nỗi, tôi có biết chữ Hán đâu.

— Ờ, chết chửa ! Nhà cháu cứ yên trí rằng cậu có học qua chữ Hán, mà...

— Thì bác tính, ngay từ lúc vỡ lòng, tôi đã học chữ quốc-ngữ và chữ Pháp, thì còn lúc nào học được chữ Hán... Bây giờ tôi mới thấy cần, tôi muốn học lắm, nhưng khó quá, bác ạ... tôi đã thử một vài lần, nhưng chẳng được mấy bữa, đã thấy nản !

— Đề chốc nữa, cậu thưa với cụ xem, cụ dạy thế nào ?...

— À này, bác này, trên bức hoành ở ngoài kia, đề ba chữ gì đấy, bác nhỉ ?

— Thưa cậu, đó là ba chữ « thính vũ hiên », tức là chỗ hiên đề ngồi nghe mưa.

— Thính-vũ-hiên ! Nghe mưa ! Tuyệt quá nhỉ ?

— Vâng, nghe mưa... Cậu có nhận thấy những bụi chuối ở chân thềm, bên ngoài, không ? Thưa cậu, những cây chuối đó với những tàu lá sum suê đó, là cả một đội nhạc công, mỗi khi trời vần vũ là họ tấu khúc nhạc « mưa » cho thầy trò chúng tôi hân thưởng đấy !

Bỗng ở lớp nhà trên vẳng xuống mấy tiếng kiếng đồng. Bác Trung liền đứng lên và nói :

— Đấy, thưa cậu, Cọ đã dậy đấy để tôi lên lấy nước cọ rửa mặt và trình cụ cậu đã tới... chắc là cụ mừng lắm, vì từ hôm qua, cụ cứ nhắc tới cậu luôn... Cậu hãy ngồi đây nhá, tôi trở xuống ngay...

Sau khi nhà bác Trung đi rồi, tôi ngồi ôn lại những cảm tưởng của tôi trong vòng mười năm vừa qua, cái thời gian mà ở trong đó, tôi đã theo đòi người âu tây, cạnh tranh để sống một cách ồn ào, tập nập. Lúc nào cũng ghi chăm chăm, chú chú, cố ngoi lên trên cái địa vị hiện tại của mình. Đem cái nếp sống toàn vật lộn đó, đối chiếu với cái nếp sống thanh thản, trầm tĩnh của nho gia, tôi đâm ra phân vân nghĩ ngợi. Đây là sinh lộ ? Một đảng tranh đấu đến « bất cổ thân », một đảng « cô-phương tự thưởng », đảng nào là phải, đảng nào là biết sống ? Nhà văn hào Đức, ông Ca-déc (Goethe), đã chẳng nói : « Cái tác phẩm trác tuyệt nhất của con người, là cái sống trường cửu ». Nhưng, muốn sống lâu, sự sống phải thanh thản, sự sống phải có ích gì, chỉ có sự an dật và bình thản mới có thể đem lại cho tâm hồn ta đủ sự sáng suốt để mưu những việc cho nên việc, trong cuộc sống lâu !

Mãi không thấy bác Trung trở ra, tôi bèn đứng dậy và đi ra lối cửa, nhìn qua

chiếc sân con lên lớp nhà trên. Tôi bỗng sửng sốt cả người, vì tôi thấy một cổ quan-tài kê lù lù, ngay ở giữa nhà ! Tôi đương phân vân tự hỏi, thì bác Trung đã trở xuống.

— Cọ đã rửa mặt xong rồi, xin mời cậu lên, tôi xin đi pha nước để cụ soi

— Nhưng mà, bác Trung này, bác cho tôi hỏi điều này cái đã ; tôi vừa nói, vừa chỉ tay lên nhà trên, bác cho tôi rõ, tại sao lại có cái cổ quan-tài kê ở giữa gian nhà trên, thế kia ?

Bác Trung mỉm cười, đáp :

— Ấy, không những cậu, mà đã có nhiều người khách lạ, cũng đã hỏi tôi.

— Thường thường người ta đem cổ quan-tài gửi ở chùa, hay kê ở nhà từ đường...

— Từ khi cụ bà khừ thế, cụ bắt kê cổ thọ đó, để cụ làm giường nằm. Mùa nực thì kê cao đệm lên, mà mùa đông thì hạ thấp đệm xuống, cho đỡ gió. Đã mấy năm nay, cái cổ thọ đó là chỗ nghỉ ngơi và là chỗ ngả lưng của cụ. Thôi, mời cậu lên, kéo cụ chờ. Tôi xin đi pha nước.

Bác Trung nói xong, quay quả đi xuống nhà ngang. Tôi bèn lững thững đi qua cái sân gạch con. Hình như cậu tôi đã nghe rõ bước chân của tôi, nên khi tôi bước lên thềm, thì cụ hỏi ngay :

— À, Thái Khanh đấy phải không ?

— Dạ, bẩm vâng... Lạy cậu ạ, nhân dịp xuân tế, mẹ con cho con về lễ tổ và thăm cậu.

— Mười mấy năm nay, bây giờ cậu mới lại nghe thấy tiếng nói của con... Con lại gần đây, cậu xem nào !

Tôi chưa hiểu ý cụ muốn gì, tôi cứ tiến lại bên cụ. Cụ giờ tay, rờ cái vùng trán của tôi, rồi cụ lăm lăm, nửa như tự nhủ, nửa như nói với tôi : « Hừ, trán hóp, tiền vận vất vả... chẳng cao, chẳng thấp, trí tuệ trung độ.... » Cụ lại rờ về phía sau đầu tôi, rồi cụ nói tiếp : « Được cái cằm cốt khá cao, rộng. » Cụ lại rờ xuống vai và tay : « vai rộng... tay dài... » Đoạn, cụ rờ tới hàm răng cửa phía trên, cụ bảo : « Răng cửa to... hiểu nghĩa... Thôi, con ra ngồi xuống kia đi... Ngoài mười năm nay, bây giờ cậu mới gặp con, cậu không nhớ rõ tướng mạo của con, nên cậu muốn biết... con chớ lấy làm lạ, từ khi cậu mang tật lòa cậu phải dùng thính giác và xúc giác thay cho đôi mắt... » Cụ mỉm cười.

Tôi bèn nâng chiếc ghế đầu để phía trước mặt cụ, và ngồi xuống. Cụ lại cất giọng sang sảng hỏi tôi :

— Thế nào ? năm nay con đã gần tới cái tuổi « như lập » rồi đấy, vậy chí hướng và nguyện vọng của con ra sao, con nói cho cậu nghe.

— Bầm cậu, hiện nay, con phải thừa kế cái công việc của cha con, nhưng con chỉ thích văn chương thôi. Bầm, con muốn viết văn ạ...

— Hừ, văn chương, thi phú, ở nước ta hiện thời, là một thứ xa xỉ và phù phiếm, con cũng đã rõ đấy chứ gì ?

— Bầm có ạ. Con thấy, ngay ở những nước Âu Tây, mà người ta cũng còn nói : « văn chương không nuôi người ! » Ấy là, ở các nơi đó, văn chương là một thứ cần cho đời sống cũng như thức ăn, thức uống... Tuy vậy, con vẫn thích viết văn...

— Với hai điều kiện này, một là con phải chịu sống trong cảnh thanh bạch, hai là con phải có hẳn một cái nghề cho tính nó khả dĩ chu toàn cho con sự sống về vật chất.

— Con cũng đã sắp định như vậy, nên con can đảm đi về con đường bút mực, vì, bầm cậu, con nhận thấy việc viết đối với con, là do sự thúc đẩy của nội tâm con.

— Nếu vậy hay ! Khi mà con đã nhận thấy sự viết, do nội tâm xúc bách, thì việc viết văn là một sứ mệnh thiêng liêng, nhưng con nên nhớ, nếu người ta không có một tâm hồn cao minh, thanh khiết, người ta không thể nào viết ra được những cái hay, cái đẹp. Ngoài ra, văn chương và thi phú là những thứ nghệ thuật thuần túy, nó không dung nạp những cái tầm thường...

— Bầm cậu, tài năng là một cái gì không thể đo lường được, con chỉ xin hết sức thành thực và con sẽ đem cái « công » ra để đổi lấy cái « quả ».

— Đúng đấy con ạ ! Công bao nhiêu thì quả bấy nhiêu. Thiên tài cũng chỉ là một sự kiện dễ kiên nhẫn, kia mà ! Theo trào lưu hiện đại, văn chương của ta phải là sự dung đoan của ba nguyên tố : Việt, Pháp và Hán. Con cần rèn luyện tiếng Việt cho rành rẽ, việc đó là cốt tử, rồi con phải thông chữ Pháp, để đem cái giản khiết và cái minh liễu của thứ tiếng đó, vào cú pháp của mình ; sau hết, con bắt buộc phải biết chữ Hán, vì, chín phần mười từ vựng mà mình dùng, là chữ Hán. Đó, con xem, hể con kém về mặt nào trong ba mặt đó, là con sẽ gặp rất nhiều trở lực, khi con viết, con nghe ra chưa ?

— Bầm cậu, thế ngộ con không học thêm được chữ Hán, liệu, với cái vốn « chữ mếp » của con, con có thể cầm bút được không, kia ạ ?

— Được, thì vẫn được. Con vẽ một cái vòng tròn, nếu con không vẽ được thực tròn, thì nó sẽ gần tròn... hoặc nó méo mó. Chắc con cũng còn nhớ, trước đây, những bác bồi và những cô vợ tây, họ chỉ biết chừng mấy chục tiếng Pháp thôi, ấy thế mà, họ cũng nói ra được, tất cả những cái gì, họ cần nói cho người Pháp hiểu !... Không, con ạ, làm văn cũng như đi buôn, chỉ người có « trường-lung » mới làm được những việc lớn.

— Quả thiệt tình, con cũng đã nhận ra chữ Hán rất cần cho con.

— Chính thế đấy ! Con có biết không ? Người Trung Hoa, xưa, đã nói : « bắt học thì, vô dĩ ngôn ». Theo ý cậu, câu ấy, ngày nay có thể đem đòi ra : « Bắt học Hán, vô dĩ ngôn » để khuyến mien nhà văn mình. Phải đối với người Tàu, không học thì, không sao nói được sôi, thời, đối với người mình, không học chữ Hán, cũng không sao nói được sôi. Con đã thấy cái diềm quan trọng của chữ Hán trong văn chương ta chưa ?

— Dạ, con nhận ra lắm, nhưng con thấy chữ Hán khó học quá. Con đã thử nhiều lần, mà rút cục lần nào con cũng nản, rồi bỏ.

— Sự nản lòng đó, do tại chỗ con không biết cách học, đấy thôi. Kề ra, học chữ nào cũng đều khó cả, nhưng nếu biết cách học, thì nó sẽ dễ dàng hơn.

— Bầm cậu, mấy ông bạn giỏi chữ Hán của con, đều bảo con đem những cuốn sách giáo khoa của trẻ con Trung Hoa ra học...

— Như thế con nản là phải, vì cái tầm óc của con, có phải là tầm óc của lũ trẻ con đâu...

— Bầm, thế thời, con phải học như thế nào, xin cậu chỉ giáo cho con, để con xin cố một lần nữa.

— Chắc con cũng biết bất cứ đối với một thứ tiếng gì, khi người ta đã biết được chừng ba ngàn tiếng, là người ta đã có thể đọc được hầu hết các báo, chí, truyện, thông thường... Cậu dám doan quyết, một người Việt có một sức học như con, ít nhất con cũng biết được một ngàn rưỡi hay hai ngàn chữ Hán, hơn số ấy nữa, chưa biết chừng, nhưng chỉ biết thanh âm và nghĩa của các chữ đó, thôi ; Vậy, bây giờ con chỉ thêm vào đấy độ một ngàn chữ nữa, là con đã có đủ số vốn cần có.

— Bầm, nếu chỉ biết có thanh âm và nghĩa, bầm đó vẫn chỉ là « chữ mếp » thôi ạ...

— Thì đúng thế. Bây giờ con phải học mặt chữ Hán nữa, mới gọi là biết được.

— Ấy, bầm cậu cái mặt chữ Hán, chính là cái chướng ngại vật, bất khả kháng, mà con đã vấp phải trong việc học chữ Hán, đấy ạ !

— Có một người Pháp, trước đây làm đại sứ ở Trung-Hoa và là một nhà túc nho, đã nói : « Ta phải học chữ Hán với cái quần bút luôn luôn ở trong tay. »

— Bầm cậu, thế là thế nào, kia ạ ?

— Thế, nghĩa là, mỗi chữ con học, con đều viết nó ra. Chỉ khi nào, con viết thuộc

lòng được nó ra, chữ đó mới là chữ con đã thuộc.

— Bầm vâng, thôi phải rồi, vì cái hạch thề của chữ Hán rất đối là phiền toái, cho nên cần phải viết nó ra, mới nhớ được mặt chữ.

— Đúng thế ! Con phải dùng cái hoạch thề và cái « nhân ức » để giúp cho ký ức mà !

— Bầm cậu, thì ra trước đây, con cứ đọc lướt đi thôi, thành thử ra con chỉ thuộc lòng, mà rút cục, con không nhớ được mặt chữ !

— Nếu con không nhớ rành mạch được hoạch thề của mỗi chữ, là không bao giờ con thuộc. Thêm vào cái nỗi khó khăn đó, chữ Hán cứ nhan nhản những chữ đồng âm, dị nghĩa. Cái đó do tại người Tàu ít âm tố quá, mà cách đặt chữ tượng hình của họ, lại quá ư dễ dàng. Nhưng, sở dĩ chữ Hán rất rành rẽ lại là nhờ ở hoạch thề của mỗi chữ. Cùng một chữ mà ngay người Tàu, người ở vùng nào đọc theo âm của vùng đó, miễn là giữ chắc lấy cái ý niệm là được. Bởi vậy chính người mình đã đem việt hóa hầu hết các chữ Hán, và có một cái tài tình là tất cả âm thanh việt hóa, đều có ngữ điệu hòa hài đọc lên nghe êm tai, khoái trí, vô cùng....

— Bầm vâng, nhưng xin cậu chỉ giáo cho, con nên bắt đầu việc học chữ Hán như thế nào, kia ạ ?

— Trước hết, con có thích thơ, yêu hơn không ?

— Bầm có ạ.

— Nếu vậy hay ! Cậu hỏi con thế, để xem, nếu con thích thơ, thì con sẽ học được dễ dàng và mau chóng hơn, bằng không, cũng chẳng quan hệ gì cho lắm. Đây này, bắt đầu con phải học lấy, ít ra là năm, sáu chục bài....

— Bầm, nếu chỉ cần có bấy nhiêu, thôi có lẽ, con cũng đã thuộc đủ số rồi ạ... Chắc cậu cũng còn nhớ, ngay từ khi con còn ẵm ngửa, mẹ con vẫn đã ru con, bằng toàn những thơ Đường...

— Thuộc đây, là thuộc cả âm, cả nghĩa, lẫn mặt chữ kia ; phải viết ám tả được ra mỗi bài, mới gọi là thuộc, con nghe ra chưa ? Đoạn, con mua lấy hai bản bộ Tam quốc... Con đã đọc bản dịch của bộ sách đó chưa ?

— Bầm đã.

— Nếu vậy được. Con nhờ một người bạn thông chữ Hán, hoặc một ông đồ nào đó, giúp con, để đọc bộ sách ấy... Con để ở bên con, một tập giấy và một quản bút, rồi con đưa một bản cho người bạn để người đó cùng đọc với con... Gặp chữ nào con không biết, người ấy sẽ đọc lên giùm con, con lấy bút viết chữ ấy ra... Nếu lại gặp chữ đó một lần thứ hai, mà con vẫn quên âm, con lại viết nó ra... Cậu chắc, chỉ tới lần thứ ba, là con sẽ minh khắc được hoạch thề của chữ đó vào ký ức. Cậu cũng biết, lúc đầu thì hơi phiền phức đấy,

nhưng, lần lần, cái số chữ quên và chữ không biết sẽ giảm đi, và con chỉ đọc ruồi đi, chừng mười mười lăm hồi, là rồi con sẽ đọc lấy một mình được. Sở dĩ, cậu bảo con đọc thơ và đọc truyện, là vì thơ có âm hưởng và nhạc điệu, mà truyện, có một thứ uy lực nó lôi cuốn con, mà cho con quên hẳn sự khó khăn trong khi đọc.

— Bầm đúng thế đấy ạ. Hiện nay, ở Âu-Mỹ, người ta cũng dùng một cách tương tự như thế, để dạy ngoại ngữ... Họ chọn lấy một bộ truyện ly kỳ, có nhiều sức hấp dẫn, rồi họ đem chừa âm, chừa nghĩa trong mỗi đoạn, và họ tước đi lần lần, những chữ, mà người đọc đã quen, để đến gần cuối sách, họ không chừa nữa. Con nghe đâu, cách này đã có kết quả rất khả quan ạ...

— Ấy, chính cậu, cậu đã chỉ cho mấy người bạn vong niên của cậu, thì hành cái cách học mà cậu vừa chỉ cho con : chỉ trong vòng sáu bảy tháng, tới một năm, là các ông ấy đã đọc được các tiểu thuyết Tàu. Và, sau khi đọc xong bộ Tam-quốc, con sẽ có một cái vốn chữ khá rồi ròi, để đọc các báo chí và các truyện Tàu.

— Quả thật tình, nếu con sớm biết được cách giản dị này, thì con không bị vấp vào mấy lần thất bại.

— Nhưng con ạ, điều này cậu cũng cần căn dặn con. Biết chữ Hán không phải là

để dùng nó mà khoe chữ với người đọc, con nghe chưa ? Hiện nay, cậu nhận thấy có hai cái thái cực, là, người thì sợ chữ Hán như sợ cạp, người thì lạm dụng nó. Chữ gì thì chữ, đem dùng nó ở trong văn-chương, ta phải thận trọng, ta phải dùng nó cho thật đúng chỗ. Những tiếng, ta dùng, phải rất « đắt », và, bao giờ cũng vậy, « bất dĩ văn, hại từ ; bất dĩ từ, hại ý ». Cái ý, bất luận ở trường hợp nào, cũng vẫn là chủ chốt, vì ta phải viết làm sao, cho người đọc ta, hiểu ta muốn nói cái gì ? Người ta có hiểu, thì người ta mới cảm, người ta có cảm, văn của ta mới được ưa chuộng, và mới có giá-trị vậy... Sự lạm dụng chữ Hán trong văn Việt, là một việc ta nên tránh đã đành, nhưng, không phải vì thế, mà nghiêm nhiên ta đem khước hẳn nó đi. Chữ không bao giờ có tội. Tất cả là ở cái tài của tác giả. Cậu cứ đan cử hai cuốn truyện : Kiều và Hoa-tiên, chẳng hạn, hai tác giả đều dùng tất cả những tu từ chữ Hán, mà, ở cuốn Kiều, lời văn điêu luyện và mình khiết bao nhiêu thì, trái lại, ở cuốn Hoa-tiên tác giả Nguyễn-huy-Tự đã hành văn một cách vụng về, sống sượng, lòi, bấy nhiêu. Đó, con xem, không cứ tiếng Việt hay chữ Hán, hễ chữ dùng đắt là tự khắc lời văn sẽ có linh-cảm có mị-lực. Con chớ có nên quá thiên.

Và lại, chữ Hán là một cái di sản của bốn, năm ngàn năm văn hóa. Biết bao

hiều thánh hiền, bao nhiêu học giả đã sai bồi cho nó, để nó thành một thứ lợi khí cho chúng ta dùng. Không biết dùng nó là cả một sự thiệt thòi. Còn lạm dụng nó là một sự xuân tuyết sự vô ý thức... Cậu tin chắc rằng, với cái cách hành văn của người Âu và cái kho từ liệu chữ Hán, tiếng Việt của ta sẽ có một địa vị cao quý. Con nên cố gắng học lấy chữ Hán cho thông như chữ Pháp mà con đã học, đó là một sự kiện tất yếu để con trở thành một nhà văn chân chính, có đủ học lực và tài năng... Nếu quả thực con có một khuynh hướng vững chắc về văn chương, con nên tôn trọng ngòi bút của con, vì văn chương là vật « vô giá » ! Phải, dục mại, bắt cô ; dục cô, bắt mại ; thế

gian vô giá thị văn chương ! Muốn bán, không ai mua ; muốn mua không ai bán ; trên đời, văn chương không thể đánh giá được... Ngoài ra, muốn trở nên một nhà văn chân chính, con còn phải « sống », sống để từng trải, sống để biết thế nào là đau khổ, là lo âu, là thất vọng, để cho nghệ thuật của mình có cơ phát triển về phần mãnh lực, cũng như về phần cao thâm, mà đạt tới sự bác thức và sự đơn thuần. Bất cứ trong trường hợp nào, cây bút của nhà văn phải có một quyền uy, cái quyền uy của bốn chữ « bút hạ hóa công », con đã hiểu chưa ?

Trà-Hoa-Trang, ngày 5-12-1957

VI-HUYỀN-ĐẮC

★ Cây chi cây lan mọc chỗ rừng vắng mà hoa vẫn thơm ; người quân tử, theo lẽ phải, làm điều hay, tuy phải khổn cùng, tiết hạnh vẫn không thay đổi.

GIA-NGŨ

★ Người quân tử hòa thuận mà không a dua ; kẻ tiểu nhân a dua mà không hòa thuận.

LUẬN-NGŨ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**
— **Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour souder oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

NHƠN DỊP TẾT NGUYÊN-ĐÁN NĂM MẬU-TUẤT

HÀNG PHIM

WARNER BROS

TRÂN TRỌNG TRÌNH BÀY CHO QUÝ NGÀI NHƠN DỊP
ĐẦU NĂM MỘT CHƯƠNG TRÌNH KHÔNG TIỀN KHOÁNG
HẬU TẠI HAI RẠP **KHẢI-HOÀN VÀ CASINO**

Từ 16-2-58 đến 26-2-58: **HELENE DE TROIE**, một sản phẩm vô giá của WARNER BROS đã tốn 6,000,000 Mỹ-kim để quay xong cuốn phim lớn nhất từ xưa đến nay, với cô đào Ý mà quý Ngài ưa mến là ROSSANA PODESTA, một sắc nước khuynh thành của thành TROIE.

Từ 27-2-58 đến 5-3-58: **HIS MAJESTY O'KEEFE**, một đặc phẩm của WARNER BROS sẽ đem lại cho qui ngài cuộc sống thần tiên trên đảo Thái-Bình-Dương với BURT LANCASTER một dị khách hiện ngang đây nhạ sống.

ĐÊM TOKYO

Mến gửi PHAN-LẠC-TUYÊN



Đêm Tokyo mùa trăng chưa về
Màu sắc chen nhau trập trùng đê mê
Chang chót, nghẹn ngào Đông-Á
Ôi kinh kỳ, máu đỏ ngập tràn mộng tàn khuya.

Ngõ lạnh thoáng bóng kymono cò kính
Lang thang hồn xưa vô định
Nghềng má anh đào, rung môi cười
Từng dãy nhà cao chót vót
Từng đáy hầm sâu, sắt nghiêng rạn tròng gương
Đường về Tachikawa heo hút
Hồ vầy Hoàng-Thành nhốt kín mây trời
Tchinzuku đàng điếm
Gái Ghetsa là lời
Trà thất không còn thơm gió

U uất một Tokyo không trăng, lấp lánh hàng mi
lệ nhỏ

Thương Tokyo kiếm bốn ngàn xưa lay động hoàng hôn

Thương Tokyo còn mãi trầm hương nghi ngút

Lối mòn ngoai ô heo hút
Trùng dương nhàu nát tâm tư
Muôn đời loạn triều thời đại
Và xé, Tokyo đã chết tự bao giờ !

Gió bụi thời gian biến cải
Chỉ còn đây suốt mắt huyền nhung giữa vũng đàn
đêm quần quai...

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

VỀ MỘT XÓM QUÊ



VẬY là yên phần của chị hai tôi. Còn mười đám ruộng nữa thì tôi về đến nhà. Và tôi sẽ thuật lại với ông tôi những giờ phút cuối cùng của chị. Có lẽ tôi sẽ phải kể lại tất cả những điều tôi đã viết trong các lá thư gửi về nhà. Tôi sẽ kể lại rằng suốt hai tháng nay, từ khi vào đến bệnh viện, chị tôi nằm liệt trên giường, mặt chị càng ngày càng teo lại và da mặt vàng quá lắm đến nỗi trông như xóa nghệ. Chị trông vào đèn thấy ánh sáng vàng sẫm lại. Gần đây, ba bốn lần trong

một ngày chị ngất đi, khi tỉnh dậy chị mân mê sờ thử các ngón tay mình, và cảm thấy mỗi ngón tay lớn lẫn lên, lớn bằng mỗi lóng mía tây. Chắc ông tôi cũng sẽ bảo tôi kể lại những cơn ho của chị.

Như thế cái chết của chị cũng có nhiều điều dễ nhắc nhở hơn là cái chết của anh hai tôi. Khi anh tôi đi chuyển dân công cuối cùng, anh không cho giặt chiếc chiếu vắn lốt cho đứa cháu trai đầu lòng mới mười ba tháng, anh muốn mang theo cả

mùi nước tiêu của con đề những đêm nằm trên núi bớt nhớ con. Người con trai quê mùa đó ít đi xa nhà lắm. Nhưng khi ra đi lại không gặp may. Trong một quyền sách ngoại ngữ nào đó có câu :

La Victoire, un jour, les cherchant,
Les trouvera trois pieds sous terre,...

Câu đó nói đến những người tốt số. Còn anh hai tôi thì dầu kháng chiến thắng lợi, Vinh quang có muốn cũng không biết tìm ở đâu cho thấy hài cốt. Anh hai tôi chết không có mồ. Và cũng không chắc được vùi sâu đến ba tấc đất.

Còn mười tám ruộng nữa thì tôi về đến nhà, gặp ông tôi và đứa cháu vừa mất mẹ. Tôi không thấy có gì buồn thảm lắm, mà chỉ thấy một cảm giác đã dưng. Trước cảnh chiều, lòng còn thản nhiên, nguội lạnh như trước một cảnh điêu tàn đã quen thuộc. Tôi bước băng qua một giồng suối. Lòng suối khô, cát dưới chân kêu rào rào, còn giữ hơi nóng âm ỉm. Một đường nước con, không ngập khỏi mắt cá chân, chảy ngoằn ngoèo giữa suối. Trước khi tôi trào lên khỏi bờ suối bên kia, một con mèo từ trong bụi bước ra cách tôi vài mươi thước tây. Nó nghèo đói lại nhìn một lát bằng cặp mắt buồn rầu, rồi như thấy rằng tôi không phải là một nhân vật đáng quan tâm, nó tiếp tục đi thẳng.

Phải rồi. Cả tôi và nó đều là những người và vật rất tầm thường, không có gì tuần kiệt, cùng sinh trưởng ở một vùng quê không có gì đáng gọi là linh địa cả. Xóm tôi ở sát mép một khu đồi. Ngày xưa có nhiều gia đình rải rác ở sườn đồi và tận trên đỉnh đồi. Dần dà những gia đình ấy điêu tàn, suy sụp và lần lượt dời nhà xuống dưới chân đồi. Bây giờ trên ấy thành

ra gò hoang, còn lại mấy mươi cây dừa còi và ba cái giếng cạn mà trẻ chăn bò thường thì nhau đứng từ xa ném đá xuống như thả tiền vào lỗ đất.

Một lượt di cư ấy cũng chưa khiến cho vùng chúng tôi phát đạt. Toàn xóm gồm năm mươi ba gia đình, mà tính ra đã ngót mười gia đình có kẻ chết vì bệnh lao. Tôi cứ e ngại, không biết lời nói ấy có làm méch lòng các nhà chuyên môn về y học trong nước chẳng. Về một mặt khác, đối với người đồng hương thì tôi đành phải nói lên lút vụng trộm, chứ thực ra sự kiện này từ trước đến nay chưa hề được đồng thanh xác nhận ở xóm tôi lần nào. Ông ba Hề thuở sinh thời vẫn khẳng khái quả quyết rằng chứng bệnh của ông cần phải gọi chính danh nó là ho tòn. Kẻ nào bảo là ho lao đều là sai cả. Hai Nhiên từ khi phát bệnh cho đến khi chết chỉ có sáu tháng, cho nên cứ theo lời y thánh quy định rằng « cứu khái thành lao » thì bệnh ho ấy dứt khoát chưa có đủ thời gian để thành bệnh lao chính thức. Do đó hai Nhiên chỉ được uống các thứ thuốc ho gió, ho cảm : ban đầu là vài thứ hoa chưng với mật ong, vỏ chanh và gừng, sau đó anh dùng đến đại trường heo nướng với nghệ, đến cua bể ướp nghệ, rồi đến bún xào nghệ. Vào thời kỳ cuối cùng anh uống đến thuốc ho hiệu Con Cua. Điều trị đến thế mà không khỏi thì đành chịu số trời. Còn ông Tám Linh, ban đầu ai cũng cho rằng mắc đúng bệnh lao. Mãi cho đến tháng bảy năm ngoái, một đêm nóng bức, ông rón rén mở cửa ra đi, xách theo một đoạn giấy dừa, mở sáng hôm sau người ta tìm thấy xác ông treo lủng lẳng trên một cành cây rù rì trước miếu mới hay rằng ông ta mắc phải chứng tà. Bà năm Tốt

thì họ đã năm năm. Nhưng bà có tìm tòi mời đến một ông y tá là tượng trưng cho y học thái tây. Sau khi nhà y học thái tây khám bệnh theo phương pháp tối tân xong, bà theo sát bên cạnh hỏi năm bảy lượt, nhà y học tuyên bố rằng chỉ cần tiêm năm hộp thuốc là có thể khỏi bệnh. Bệnh có thể chữa dễ dàng như thế thì đâu có thể gọi được là thuốc về « tứ chứng nan y » mà dám cho là lao ? Bởi vậy cho đến khi bà

năm chết thì vấn đề bệnh danh của bà vẫn còn là một vấn đề chưa được giải quyết. Các trường hợp khác cũng không đơn giản hơn chút nào, cho nên tôi có cho rằng tất cả mười người đều chết về bệnh lao, chẳng qua là một lối nói hồ đồ theo đa số, trong lòng riêng lấy làm áy náy.

Trừ mười nhà bệnh tật kia ra, còn lại hơn bốn mươi gia đình dễ sống với đời thì cũng chưa có kẻ nào làm được điều gì hiển hách về vang. Họ chẳng có thể kể đến tên một kẻ hào hoa là Bái-Công và một kẻ có chút công danh là phó lý Biên.



Bái-Công đã già lắm và gầy nhom, đen thui thui, râu tóc thưa thưa xơ xác. Chính tên thật là Bái, đáng lẽ nên gọi là ông Bái. Ông Bái dịch ra là Bái-Công cũng không sai nghĩa, và lại người trong xóm đều đồng ý để cho ông ta chia một chút vinh quang của nhà Hán nên đều gọi ông là Bái-Công. Bái Công sống không vợ không con đến

già trong một túp nhà chật hẹp. Thuở bé Bái Công thích gánh pháo tre đi bán chợ Tết, đứng giữa hai bầu pháo, rao ba hoa năm bảy câu, bóc miếng giấy ngũ sắc dán trên ngòi, châm lửa, ném vào giữa đám trẻ con xúm xít, đợi pháo nổ đánh bùng rồi cười ha hả. Lớn lên Bái Công thích đánh võ, đã từng rước thầy Tàu về nhà học hai năm. Tiếng đồn rằng ông ta có thể đứng trên cái hộp quẹt múa xong một ngọn thảo

mà hộp quẹt không vỡ. Khi đã đứng tuổi Bái Công mới thích cờ và rượu. Nhiều lần, đêm khuya đi uống rượu về, Bái Công bị hai chân bắt lực bỏ giữa đường. Người ta gặp ông nằm sấp úp mặt xuống bờ ruộng hát nghêu ngao, mặc cho lũ sao trời nhấp nháy sau lưng thâu đêm. Về già con người hào hoa đó sống chật vật, và lui hui trong bếp núc từng bữa cháo cho heo như một người đàn bà rất tầm thường.

Còn phó lý Biên trong thời kỳ năm quyền hành cũng không để lại được một tiếng thơm. Một đêm khuya nào đó có người dân làng mở cửa vào phòng bất ngờ trông thấy phó lý Biên nằm chung giường với vợ mình. Trước sự phát kiến không hợp thời, ông phó lý phi thân qua cửa sổ rất nhẹ nhàng, tưởng rằng thế là đã tìm được một cách giải quyết công việc ổn thỏa nhất. Không ngờ việc đến tai viên chánh tổng. Viên này dấy này lên kêu rằng đêm hôm đó phó lý Biên đã dấy xéo lên hạnh phúc của mình. Người dân làng đau đớn thêm một

lần nữa. Vợ y thẹn thùng, sợ hãi thêm. Còn phó lý Biên thì gặp ngay một trở ngại trên bước đường công danh.

Sau những nhân vật như đã kể vừa rồi, tôi tưởng đã đến lúc có thể bắt đầu nói ít nhiều về gia đình mình. Khi tôi lớn lên thì các cô tôi đã đi lấy chồng, ba tôi đi làm ăn xa trong Nam, chú tôi lang bang. Ở nhà chỉ có ông bà già, má tôi và hai anh em tôi. Ba tôi thấy cảnh nhà cơ cực, bỏ ra đi bảy tám năm mất dạng, không có một lá thư gởi về. Gia đình biết rằng ba tôi không phải là người bạc bẽo, phóng dăng, nhưng lệ thường ở quê tôi những kẻ bỏ nhà ra đi mà chưa dành dụm gây dựng nên cơ nghiệp gì thì chưa chịu trở về và chưa lộ tung tích với bà con, vì tự lấy đó làm một điều xấu hổ. Chú tôi có chút học thức, nhưng lại thích sống tự do, lang bạt khắp nơi, không biết cày ruộng mà cũng không chịu đeo đuổi một nghề nghiệp gì, khiến bà tôi rất lúng túng mỗi khi phải trả lời với bà con xóm giềng về chức vị của chú. May sao, không biết tự đâu, dân làng nảy ra cái ý gọi chú tôi là thầy ký. Đó thực là một sáng kiến hay ho, vẻ vang của quần chúng. Gia đình tôi liền xác nhận chức vị của chú ký, mặc dù chú không từng làm thông ngôn ký lục cho chính phủ bao giờ.

Thuở bé tôi mến chú. Chú thường nay đây mai đó, ghé về nhà không có định kỳ. Mỗi lần chú về thực là một việc quan trọng trong gia đình, và thú vị đối với tôi. Trong va li của chú lần nào cũng có những món là lạ, xinh xắn : những tấm hình thực đẹp, những con voi, con khỉ tiện bằng ngà, bằng sừng, những cái nhẫn làm bằng vỏ ốc, bằng xà cừ, những cái khăn tay nhỏ

xấu, những con bướm bằng bìa chỉ cần gác một đầu lên ngón tay là có thể đứng lơ lửng chấp chới v.v.. Thường thường về đến nhà chú Ký quay ra ngủ ngày để bù lại những đêm trước thức chơi bời hay đi xe đi tàu. Tôi lân la đến nằm bên cạnh, ngắm nghía những cái nhíp, cái dao con thật xinh dính vào xâu chìa khoá tre ra ngoài túi, và tôi nằm hít mùi nước hoa thơm thoang thoang bên mình chú Ký, trí mơ tưởng đến cái thế giới thị thành kỳ lạ ở đâu đó, cách xa xóm dỗi chúng tôi.

Phần nhiều mỗi lần chú Ký về, ông bà tôi im lặng trong một vài ngày để cho chú nghỉ ngơi. Sự im lặng tôi thấy có phảng phất những cái gì khó hiểu. Rồi sau đó khởi lên một cuộc rầy rà to. Bà tôi mắng nhiếc, có khi lấy cây đập lên lưng chú tôi. Không khí trong gia đình căng thẳng mấy hôm, cho đến khi bà tôi dụ lại thì chú Ký lại nêu lên qua quýt một lý do vu vơ rồi xách va li ra đi. Có tôi cắt nghĩa rằng ông bà tôi bất bình vì chú tôi đã ngót ba mươi tuổi đầu rồi mà vẫn chơi bời, không chịu cưới vợ, không chịu nghĩ đến tương lai. Những khi bị chất vấn đến kỳ cùng, chú tôi vẫn khẳng khái bảo rằng chú chưa tìm ra một người đàn bà đủ đức hạnh để làm bạn trăm năm. Có lẽ chú Ký tôi đã chọn qua độ vài ba trăm người con gái, trong số đó có nhiều kẻ trước khi gặp chú tôi thì vẫn hầy còn đứng đắn. Thế mà vẫn chưa tìm thấy đức hạnh. Cho hay việc tìm kiếm đức hạnh cũng kham khổ như việc ngâm ngải tìm trầm. Cả nhà tôi đành thúc thủ, để mặc chú tôi một thân băng mình vào giới phụ nữ bốn phương, xông pha mạo hiểm một cách tuyệt vọng.

May sao, cuối cùng rồi chú Ký cũng gặp gỡ được thím Ký. Lê cố nhiên thím Ký là hiện thân của đức hạnh. Nhưng tiếc thay, hiện thân của đức hạnh lần này lại có cặp mắt quá lộ ra và một dáng mặt thường hay cau có. Điềm sau này là nguyên do của nhiều mối bất hòa đáng tiếc trong gia đình về sau.

Trong những năm mà ba với chú tôi còn lang thang xiêu bạt thì cả gia đình trồng cây vào ông tôi. Ông tôi là một nhà nho thất thời, đã từng hồng một lần ở trường thi hương. Thuở nhỏ ông đã nghe tiếng súng của ông cử Mai-Xuân Thường bắn xạch xạch như tát nước gầu sòng làm cho sĩ tử khắp tỉnh bừng lên nao nức, nhưng rồi tiếng súng ông cử Mai im bật, ông cử Mai bị xử tử. Ông cũng từng theo đám người lao nhao vác rựa đi làm giặc. Trước cổng thành Bình định, nhưng rồi Pháp lại giải tán Giặc Rựa. Sau khi đánh bạc một thời gian sau đó, nguội ngoai thế sự, ông tôi ra làm hương bản trong làng. Cứ thế suốt hai mươi năm trời ông tôi vừa phục vụ một chính phủ đặt dưới quyền người Pháp vừa nguyên rủa người Pháp thậm tệ. Và năm này qua năm khác, cả nhà tôi đau đầu nhớ trông ba tôi biệt tích, chú tôi phiêu lãng.

Vào những buổi trưa vắng vẻ, tôi lúc thức ở nhà dưới, quanh quần chơi bên cạnh bà và má tôi, bỗng nghe ông tôi đang nằm một mình ở nhà trên, cất tiếng thét lên :

« Quan hầu nhập yết, ái ái... Tăm như hỏa liệt hỏa liệt! Nhĩ tợ lời oanh lời oanh! Quan Văn Trường bội ngó huynh trưởng, hàng Tào lập công, Phi

hỏi cho: Hà sự đảo ngũ thành tốt kỳ trung hữu trá. Chư tướng! Truyền chính tu binh mã, mau bố liệt can qua. Ấu là, huy xà mâu sát phá oan gia! Trăm lạy đại ca ngàn lạy đại ca, xin chiếu giám cho Phi, phen này Phi nói thiệt, huyền thủ cấp báo ngô ca trưởng... » (1)

Giọng thét dần dần đầy nộ khí vang lên trong ngôi nhà vắng lặng, bỗng dừng phát lên rồi bỗng dừng dứt hẳn, làm cho chung quanh tung hừng sững sờ. Chúng tôi lại càng thấy cảnh nhà vắng vẻ và trống trải thêm. Có khi một lát sau nghe tiếng guốc lẹp kẹt của ông tôi bước xuống. Tôi rụt rè ngẩng đầu lên thì thấy nét mặt ông tôi lại bình thản, đôi khi có một vẻ lạnh tanh ngao ngán, chẳng còn dấu là dấu vết của cái nộ khí bừng lên trong giọng hát vừa rồi. Bà tôi không ngừng công việc, liếc nhanh về phía ông, ái ngại. Không ai nói gì, nhưng trên tất cả mọi người tôi cảm thấy rõ ràng đè nặng một mối buồn chung về cảnh nhà ly tán.

Đến năm tôi lên bảy, ba tôi mới trở về làng với hai chiếc va li to tướng làm cho cả xóm vây quanh nhà tôi suốt một buổi chiều đề trầm trồ khen ngợi về cái điềm hưng thịnh của gia đình. Tuy thế mà ba tôi cũng không thể ở nhà được quá hai năm : ở xóm quê tôi sinh kế quả thực là quẩn bách. Lần này ra đi ba tôi đem cả má tôi và đứa em trai mới sinh ra, vào Nam lo làm ăn. Cảnh nhà lại càng xác xơ. Những buổi trưa — lại vẫn những buổi trưa — tôi nằm

(1) Tuồng Tam Quốc (tứ Thận)

ngủ lơ mơ bỗng giật mình thức giấc, nheo mắt lại nhìn ra đám chuối sau vườn đứng dưới ánh nắng chói chang, vài đám mây trắng chết trân trên đầu, nghe vang lên tiếng con chim khách lãnh lết như tát vào tai, tôi thấy tất cả cái trống trải vắng vẻ của không gian trưa hè hắt lợt vào lòng. Và tôi thấm thía nỗi buồn của ông tôi khi người nhìn thẳng vào cái quạnh vắng của cảnh nhà mà thét lên như cổ xưa đâu :
 « *Ái ái, quan hầu nhập yết nhập yết !* »
 Tôi thấm thía tất cả ý xót xa, ái ngại, chán nản trong cái liếc nhìn của bà tôi.

Chứ tôi thỉnh thoảng ghé về một ngày, bà tôi thỉnh thoảng gửi về một lá thư. Anh hai tôi tập nắm chuối cây. Và tôi thì may mắn được cấp sách đi học. Cuộc đời của chúng tôi đang diễn ra như thế thì chiến tranh nổ ra giữa Pháp với Đức. Cái kết quả đầu tiên của cuộc chiến tranh ấy có những chỗ tốt đẹp không ngờ. Ông tôi đang sống uể oải, buồn nản bỗng nhiệt thành hoan hỉ lạ kỳ. Thì ra đã bao nhiêu năm giữ một chức vụ nhỏ dưới chế độ bảo hộ, ông vẫn ôm giữ mối thù hận nhứt nhục rất kín rất nhũn của lớp nhà nho đối với quyền hành người Pháp ở xứ này, lớp nhà nho mà lịch sử đã dần dà thu hết sinh lực. May đâu dân tộc Đức lại đập ngay vào nước Pháp để cho Ông tôi hề hả biểu lộ một hình thức đặc biệt của tinh thần phản đế.

Chiều chiều tôi đi học về, cắp theo một tờ báo. Hai Ông cháu xúm lại hăng hái nghiên cứu những vấn đề mà có lẽ bộ tham mưu của Hitler cũng ngại ngần. Chúng tôi tính xem trong bao lâu thì quân Đức

chọc thủng chiến lũy Maginot, tính xem cần xua quân tràn qua Bỉ và Hòa-lan không. Trong lúc đó thì cả hai Ông cháu đều mù mờ về vị trí các nước ấy. Ông tôi bảo tôi mang cái bản đồ trong quyền địa lý lớp nhất ra, rồi người mang mực kính lên. Tôi dò dẫm hồi lâu, chỉ cho người đầu là nước Đức, đầu là nước Pháp. Người khoan khoái ngẫm nghĩ :

— Ở ! Nước Đức đấy hả ? Nước Đức thật đấy à ? Ở cái chỗ trông đặc địa quá.

Sau khi ngẫm đi ngẫm lại kỹ lưỡng những cái ô đỏ ô xanh trên bản đồ ấy như hai nhà tướng số xem nốt ruồi để luận về hậu vận, lần nào chúng tôi cũng đi đến kết luận là nhất định Đức sẽ tiêu diệt Pháp. Và chúng tôi còn định cả một thời hạn tối đa cho quân đội quốc xã phải tiến đến Ba-lê.

Những điều tính toán của chúng tôi tiếc thay lại không được công bố để bổ túc cho quyền Mein Kamp. Dù sao đó cũng là phương tiện cách mạng phản đế hợp lý nhất mà một ông hương bản với một cậu học sinh có thể phối hợp sử dụng.

Được chúng tôi ủng hộ như thế ít lâu, quả nhiên Đức đánh bại Pháp. Ông tôi và tôi cùng sung sướng và kiêu hãnh như chính mình đã dự một phần cam go trong chiến cuộc. Tôi thầm mong cho chiến tranh cứ tiếp diễn và sẵn sàng vui lòng tiếp tục điều khiển nhiều trận đánh như trận Pháp Đức nữa.

Sau đó thì ông cháu tôi cùng nhau ủng hộ nước Nga. Cái nguyên do đầu

tiên nào đã khiến chúng tôi muốn đứng bên cạnh thống soái Staline, bây giờ khó bề nhớ lại cho rành mạch. Chỉ nhớ chính vào lúc ấy chúng tôi bắt đầu nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản. Chuyện ấy xem ra cũng chẳng tốn mấy công sức. Ông tôi suy diễn hai chữ cộng sản ra đến nơi đến chốn, rồi đối chiếu với những lời đồn đại tàn mác lâu nay trong quần chúng làng Thanh Bình về chủ nghĩa cộng sản ở nước Nga, lại cẩn thận đem ra đối chiếu với kiến thức của các vị lý hương các làng kế cận có dịp giao du. Thế là hai ông cháu đủ am tường về chủ nghĩa nước Nga. Ông tôi thường tiếc thắm rằng nếu cả Không tử cùng Lão tử ra đời chậm đi hai mươi lăm thế kỷ thì Các Mác đã kết nạp được thêm hai đồng chí đặc lực, có thể mới giữ chức cố vấn. Những hôm nhà có ngày kỵ, các cô và dượng tôi về đông đủ, ông tôi khoe với mọi người rằng Các Mác sắp sửa diễn lại trên thế giới cuộc sống của đời vua Nghiêu đúng như lời sách thánh hiền đã nói ngày xưa. « Sắp sửa rồi đấy ! Chỉ còn trận đánh nhau với Đức này nữa là xong. Rồi thì là thế giới đại đồng : đêm ngủ không cần đóng cửa, đồ vật rớt ngoài đường không ai thèm lấy ; mọi người đều đủ thóc mà ăn, đủ vải mà mặc, kẻ già người yếu có chỗ nuôi dưỡng. »

Bà tôi vừa hỏi dò vừa giả vờ khiêm tốn từ chối một hạnh phúc quá lớn lao : « Còn lâu chứ để gì đã cộng sản ngay được ? Lớp tuổi mình chắc gì được hưởng, sợ e chết rụi trước khi cộng sản tới ! »

Hai ông cháu tôi cùng quả quyết cam đoan :



— Cũng chẳng mấy chốc nữa đâu ! Sắp sửa rồi ! Sắp sửa rồi ! Thắng một trận này là xong.

Rồi bỏ rơi các người đàn bà, chúng tôi xoay ra bàn với nhau về chiến sự ở Nga. Từ ngày xảy ra chiến tranh ở Âu châu, nhờ được theo học chữ Tây, tôi được ông tôi nâng lên một địa vị quan trọng. Những khi bàn luận như thế, điều làm cho chúng tôi an tâm nhất là cái diện tích mênh mông của nước Nga. Lối hành quân của các tướng lãnh Đức thật là bạo tàn mãnh liệt, nhưng chúng tôi đã quyết tâm rồi. Chúng tôi nhất định không bỏ rơi nước Nga-Sô-Viết. Ông cháu tôi tính toán với nhau, quyết định đem thí một nửa nước Nga để làm kiệt quệ sinh lực của Đức, rồi sau này sẽ liệu thế mà tấn công. Kế hoạch ấy được đem ra phổ biến rộng rãi khắp làng Thanh bình. Do đó mà trong những ngày nguy nan nhất ở Stalingrad cả ba Hề, hai Nhiên, cả Bái Công cũng xúm nhau góp ý kiến với chúng tôi. Rồi cộng sản mon men lần lần đến nước ta, rồi khi cuộc cách mạng hô khẩu hiệu ngay trước công nhà chúng tôi, thì ai nấy đều tươi tỉnh như vừa đánh thắng cá ngựa !

Chú tôi cũng vừa về làng đem theo thêm Ký tôi hiện thân của đức hạnh và một đứa con trai. Sự tình cờ đã cho chú gặp ngay cuộc cách mạng thì chú cũng chẳng có ý tỏ ra ghê lạnh. Chú nhận một chức ủy viên lao động trong ủy ban xã. Từ đó người trong làng gọi chú tôi là ông lao động. Cố nhiên thêm tôi phải được gọi là bà lao động. Các cô tôi đều cùng một quan niệm cho rằng chức tước của cách mạng thật là ngộ nghĩnh. Ông thì đã từng nghiên cứu chủ

nghĩa cộng sản từ trước nên hiểu rằng chú tôi đã chọn một danh hiệu vinh dự. Còn bà tôi thì người bằng lòng dỗi trợn cả cuộc cách mạng mùa thu để cho chú tôi được thiên hạ gọi là thầy ký như cũ. Thế nhưng lịch sử cứ đi thẳng con đường định mệnh của nó, và chú thêm tôi cứ nghiêm nhiên thành ra ông lao động và bà lao động, không có cách gì sửa đổi được, mặc cho những ý kiến dị đồng xôn xao trong gia đình.

Dần dà người ta lại được biết thêm rằng cách mạng còn lắm điều mới lạ nữa. Cô Bốn tôi chạy về mách với bà tôi nửa kiêu hãnh nửa ngược ngùng rằng cô đã hóa thành bà quân sự rồi. Chao ôi ! Thực là mầu nhiệm ! Nếu không có cách mạng đồ ai biết được dưỡng Bốn tôi có tài thao lược để đảm nhiệm chức ủy viên quân sự xã ? Và Bái Công cũng đứng ra nhận chức ủy viên ngoại giao. Cứ thế mỗi làng đều có đủ ủy viên văn hóa, ủy viên xã hội v.v... Bao nhiêu là người trong làng Thanh bình bỗng nhiên thấy mới vì cách mạng. Thế mà cách mạng chưa chịu ngừng lại ở các ông bà ủy viên. Nó cứ nhất định tiến sát xuống quảng đại quần chúng. Hầu như mọi người đều có danh hiệu, rồi xóm có vô số bác lãnh đạo, gọi là tổ trưởng, đoàn trưởng, đội trưởng, xóm trưởng, liên gia trưởng, vùng trưởng...

Đã từng nghiên cứu về chủ nghĩa của Nga-xô như ông tôi rồi cũng đến phải ngần-ngờ. Người không ngờ rằng đề tiến về cảnh thái bình thịnh trị của thời Nghiêu Thuấn lại cần phải ghép người ta vào trong những tổ chức chặt chẽ như thế,

đặt ra nhiều kẻ cầm đầu như thế. Tuy vậy không vì lẽ gì mà nhất dân người có thể dễ dàng rời bỏ chủ nghĩa nước Nga. Người vui vẻ giơ nắm tay lên ngang đầu chào hết các đồng chí già trẻ trong làng Thanh-bình.

Từ đó về sau suốt chín năm, xóm đồi của chúng tôi đã làm cách mạng như thế nào thực là ngồn ngàng trăm nói không tài nào kể hết. Chỉ biết khi chuyển tàu cuối cùng chở quân đội tập kết ra Bắc rời khỏi quân cảng Qui-nhon thì xóm làng như cảm thấy giạt mình ngơ ngác tung hùnh, tựa hồ một con đồng đang lao đảo múa men chột tinh mùi nhang, sức nhìn lơ lảo. Và cũng tựa hồ một con bệnh kiệt quệ, hết sinh lực. Gần hết những kẻ trai tráng không còn ở xóm làng nữa.

Riêng trong gia đình tôi thì trong những năm quần bách người thím đức hạnh mà chú tôi đã dày công tìm kiếm cũng không tìm đâu ra điều kiện thích hợp để phát huy đạo đức của mình. Cho đến nỗi trong cuộc sống thiên thốn đôi khi thím còn tỏ ra một ý thức cạnh tranh quyền lợi với anh chị hai tôi, làm cho bà tôi rất khổ tâm. Nhưng tốt cuộc, sau mọi gian khổ, thì bà tôi chẳng còn, chú tôi cũng mất, anh và chị hai tôi cũng qua đời. Và thím tôi thì thật đã vô cùng cơ cực.

Riêng ông tôi vẫn còn ôm những hoài bão to lớn. Ngày ngày ông ngồi mơ ước sự sụp đổ của đế quốc Nga-Sô.

Cuộc đời dừng lại gần ngơ chẳng bao lâu, rồi cuộc đời lại ro-ro tiếp diễn. Chính quyền mới thiết lập. Và phó lý Biên trở ra tham chính, quản trị cả thôn. Thời kỳ nghiêm trọng chưa qua cho nên ông thôn trưởng cần được võ trang : ông võ trang

bằng một con roi mây. Bà con xóm gò quần quít xung quanh phó lý Biên bờ ngõ như con đồng vừa tỉnh mùi nhang khói, và ngơ ngác ngàng tìm một hướng tin. Thì chẳng biết từ cội hư vô nào phát ra cái dư luận vô danh cho rằng phải quì xuống sụp lại trước một đảng chỉ tôn mới ra con người lương thiện, rằng không tín ngưỡng không thể gọi là đứng đắn. Trước khi ông thôn trưởng kịp ra tay tìm xét lại lịch của dư luận kia thì dân xóm gò đã rối rít lên, kẻ chạy vào nhà thờ, người chạy vào nhà chùa. Hai đảng cứu thế cơ hồ không kịp chĩa tay ra để ôm lấy chúng sinh uà ngã vào lòng...

Tôi đứng cách xa mười đám ruộng trông vào xóm tôi trong buổi chiều vắng vẻ. Ở phương tây có một đám mây đậm màu lạng lẽ nhìn một đám mây đậm màu lạng lẽ ở phương đông. Cuối xóm, lại một đám mây đỏ bầm đứng im lặng bên cạnh năm cái tàu dừa cũng im lặng, không phe phẩy một lá nhỏ. Hai bên đình đương đầu nhau hàng giờ. Nhưng rồi đám mây buồn bã xụ màu xuống, tái dợt dần chuyển ra xanh lợt, rồi xanh đậm. Trên đầu dãy núi tím, mây vầy tề tề, màu xám. Dần dần bao nhiêu vầy tề tề đều hóa ra lông chim phơi phới, mà mà trở màu thâm đen...

Tôi gần ngơ, lạc lõng. Ra chiều chiều, những buổi chiều, những buổi chiều long trọng như thế, xung quanh xóm tôi vẫn hằng bố trí một cuộc mây núi bốn bề thi nhau, đùa nhau, vầy nhau, biến hóa đòi màu thay sắc lạng lẽ bao la trong một trò chơi lớn mà trong xóm gò chẳng ai hay biết đến!

Nhìn một ánh lửa đỏ loe ở nhà Bái Công, nhảy chấp chới trong bếp, tôi tự

nhiên cảm thấy tất cả cảnh côi cút bé mọn ở cái sinh hoạt của dân cư xóm gò. Qua bao nhiêu thời gian rồi! Bao nhiêu lần gió thổi cờ bay phấp phới trên cao... Đến bây giờ đêm đêm phó lý Biên vút vút con roi kỷ luật, giữ yên tĩnh cho xóm làng. Và ông Bái Công hào hoa lại lui cui nhen một ánh lửa chấp chới trong buổi hoàng-hôn...

Tôi tiếp tục đi về xóm. Về đề kể lại cho ông tôi nghe cái lúc chị tôi mất ở nhà thương, và đề nói với ông rằng những dò hỏi tìm kiếm về tin tức của gia đình ba má tôi ở trong Nam đều không có kết quả.



Tôi muốn kể chuyện dẫu bề của xóm tôi. Nhưng quả rằng xóm quê tôi tầm thường chẳng phải là nơi linh địa. Cho đến những điều dẫu bề cũng tầm thường nhạt nhẽo, chẳng thành chuyện ra hồn. Chỉ nghe một cái gì buồn rả rích như từng giọt từng giọt của trận mưa dai dẳng kéo dài, kéo dài qua... qua cái gì? Qua suốt mười mấy năm dài chưa dứt sao?

Tháng 1 năm 1958
VÕ-PHIÊN

« Trung thứ » trong đạo của Không-Tử.

Không-tử bảo Tăng-tử rằng :

— Sâm ! Đạo ta sở dĩ suốt thông tất cả là do một mối.

Tăng-tử đáp :

— Dạ.

Khi Không-tử ra rồi, môn đệ của ngài bèn hỏi Tăng-tử :

— Thầy dạy như vậy là nghĩa làm sao ?

Tăng-tử đáp :

— Đạo của thầy chỉ gồm có « trung thứ » mà thôi !

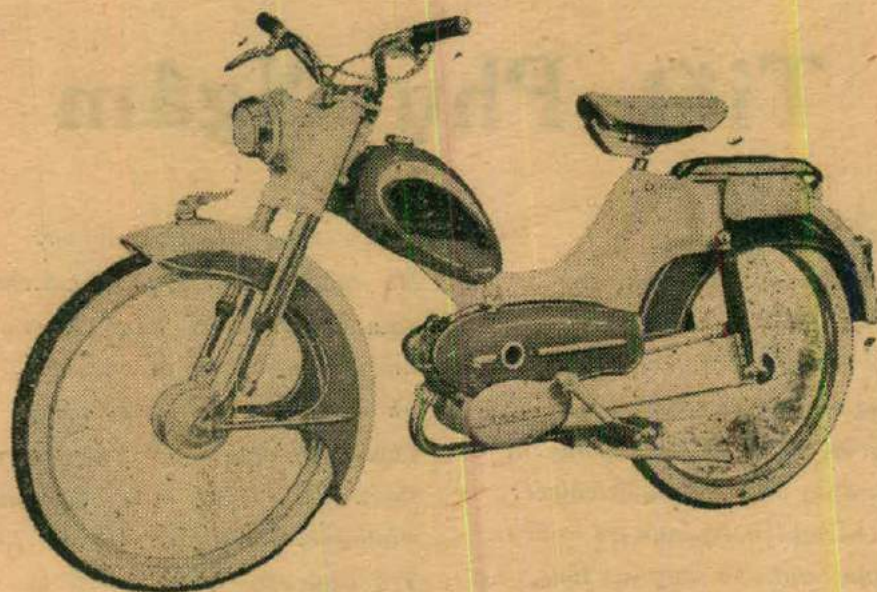
Bàn về đoạn này trong *Luận-ngữ* có người viết : *Trung* là hết lòng hết dạ, thành tâm thật ý. — *Thứ* là suy lòng ta ra lòng người, thương người như thương mình, việc gì mình không muốn chớ gia cho người — Không-tử đem phương pháp tổng quát truyền cho Tăng-tử, vì ông có bản lãnh cao trội hơn các môn đệ : muốn suốt thông tất cả, từ nhân tính thế sự cho tới thiên lý, nên bắt một mối mà phân ra cho đến cùng — Tăng-tử lại đem phương pháp tuần tự chỉ cho các bạn : trước nên hết lòng hết dạ, rồi suy lòng ta ra lòng người — Được hai đức tính ấy rồi, mới học được phép *nhất quán*, tức là bắt từ một mối gần mà hiểu thấu các mối xa.

NAM-VIỆT - CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập cảng

Văn-phòng : 37, Thái - Lập - Thành
(Amiral Dupré) SAIGON

Điện-thoại : 22.992



Đại - lý độc - quyền :

Xe gắn máy NAVICO

Xưởng ráp :

Tại đường Trương - minh - Giảng (Tân - sơn - nhứt)

Chi-nghánh tại Nam-vang :

179/7, đường Vithei Youkangthor

Tiết Phụ Ngâm

Quán tri thiệp hữu phu,
Tặng thiệp song minh chu.
Cầm quán triển miên i
Hệ tại hồng la nhu.

Thiếp gia cao lâu liên uyển khỉ,
Lương nhân chấp kích Minh-quang li.
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt;
Sự phu thế nghĩ đồng sanh tử (= tử).
Hoàn quán minh chu song luy thủy,
Hạn bất tương phùng vị giá thi.

Trương-Tịch

Em có chồng rồi, chàng đã biết,
Mà chàng còn tặng cặp minh châu.
Cầm lòng yêu mến khăng khăng ấy,
Em giấu đeo trong yếm lụa đào.
Khốn nỗi nhà em kẻ ngự uyển,
Chồng em cầm kích ở hoàng cung.
Lòng chàng trong sạch như băng tuyết,
Nhưng đạo từng phu phải thử chung.
Trủ ngọc cho chàng, em ứa lệ...
Phải chi gặp gỡ lúc chưa chồng.

Ys-Hạc Nguyễn-Vân-Trung dịch (1943)



Trương-Tịch, tự Văn-Xương, người đất Tô-châu, thi gia thời Trung-Đường, đầu tẩn sĩ dưới triều vua Đức-Tổng, năm 799, được Hàn-Dũ tiến cử làm Quốc tử bác sĩ, cuối cùng lên đến chức Quốc tử tư nghiệp.

Trương-Tịch kết giao với Hàn-Dũ (768 — 824) rất lâu, nhưng làm thi thi phong cách khác hẳn Hàn-Dũ, rất giỏi nhạc-phủ, thường đề cập những vấn đề của xã hội.

*Lời giải kiếm lời bình của Tùng-Vân
Nguyễn-Đôn-Phục*

« Thơ này là tả ra một người đàn bà tuyệt đích hữu tình, tuyệt đích thủ nghĩa, đề ví vào sự tình sự thế của mình, mà dài cho người nghe, thuộc về mối tự hưởng tự trần.

« Ông Trương-Tịch là người danh sĩ đời Trung-Đường, bấy giờ hiện có cái cuộc phiêu-trấn, mỗi ông vũ tướng chuyên chế mỗi phương, bình chính, tài chính, dân chính, đều ở trong tay ; trấn nào quan chức còn bầm mệnh với triều-dinh, thì đời cho là thuận đảng ; trấn nào quan chức không bầm mệnh với triều đình, mà đem binh lực thực hành đối kháng lại, thì đời cho là nghịch đảng ; trong cuộc rối loạn, kẻ có hơn một trăm năm ; xét ra chẳng khác gì các cuộc đọ phương đồ đốc ở bên dân quốc nước Tàu ngày nay. Ông Trương-Tịch bấy giờ hiện đã làm một vị tân khách ở trong mạc phủ một ông vũ tướng thuộc về thuận đảng, cũng muốn giúp triều đình, đề mong lấy cuộc thống nhất ; hay đâu trong nghịch đảng bấy giờ có anh Lý-Sư-Đạo hiện làm vận sứ, là tay quật cường ; họ biết ông là người tài, họ cũng ân cần viết thư đem lễ đến đón ông, thật là lễ nhiều nói ngọt, khiến cho lòng người cũng dễ xiêu ; và lại tình thế bấy giờ thì ngập ngập lắm, nếu đón không được ông, thì hai trấn không khỏi tức khắc sinh ra chiến họa ; kỳ thì ông phải giả cách cảm ơn nhận lễ, hình như có ý hối hận và hoan nghênh ; rồi ông sẽ dần dần tìm cơ khước đi ; khi khước lễ, ông có làm một bài « *Tiết-phụ-ngâm* » này, đưa cho Lý, đề tự hưởng và tự trấn với Lý ; may sao Lý cũng nghe ra, không sinh ra sự gì cả.

« Ông Trương-Tịch ở đời bấy giờ, khác nào như một người con gái đẹp ; sơ tầm cũng muốn trao tơ cho phải lứa, gieo cầu cho đúng nơi ; có lẽ đâu thất thân với những kẻ đông dài, cho thân nghìn vàng đề ô danh má đào vậy. Hưởng chỉ

duyên Đấng đã thuận nẻo gió đưa, cùng chàng tri kỷ đã kết tóc xe tơ những ngày đó rồi ; cái kẻ kia dù có sở cầu chẳng nữa, chỉ quyết với nhau một lời từ tạ là xong ; lại có lẽ đâu một lòng thì chứa hai tình. mà toan bắt chước những thói sớm muộn rồi đào hay sao ? Nhưng khốn thay ! Kẻ quyến anh rủ yến kia lại là kẻ nọc rắn miệng hùm ; cái bước đó, thật là một cái bước mang kiếp má đào, mà phải e dè sóng gió. Nếu mình khôn ngoan không được cho đến mực, nói năng không được cho phải lời, thì dây rút đứt đứt, sự này là sự tày trời đó, không phải là sự nhỏ đâu ; cho nên trông thấy đồ châu báu của kẻ kia đem tặng mình, mình phải nung tay cắt lấy, bọc vào trong áo, làm điều như là cảm cái ân ý triền miên lắm, cho họ khỏi nổi tam bành họ lên ; rồi sẽ dần dần kể ra cái thân mình là con nhà khuê các, không phải là con nhà tầm thường, cho khỏi mất thể diện mình ; kể ra ông chồng mình là ông chồng hân hoi, không phải là thằng chồng vợ váo, cho khỏi mất giá trị mình. Song lại phải phỉnh kẻ kia rằng : Tôi vườn biết bụng chàng sáng suốt như đôi vầng nhật nguyệt ở trên đầu, lẽ gì là chàng chẳng soi xét ; cái đạo tông phụ phải lấy chữ trinh làm đầu, chắc chàng đã từng soi xét đến cho cả rồi ; bây giờ xuân không thể rồi được Tước dài, châu lại xin hoàn về Hợp-phố, hai hàng lệ tôi thật là lã chã khôn cầm. Tôi chỉ giận rằng duyên tôi là duyên hãm, phận tôi là phận bạc, đương thừa đào tơ sen ngó, không gặp được chàng mà trăm thế quạt ước, hải thệ minh sơn, vân vân...

« Xem vậy, kẻ tiết phụ ấy, thật là khôn tâm, người danh sĩ này thật là khổ tứ, kết cục lại nghĩa vụ vườn thắm được ái tình, tuy có mắc điều tình ái, nhưng mà khỏi điều tả dâm ; thế mà đời sau còn có kẻ mắng rằng : « Gái vì của báu mà động lòng, trai vì lễ nhiều mà uốn nết ». Than ôi ! Đi cầu nào sẽ biết cầu ấy, mắng thế, chẳng là khe khát làm ru ! »

(Tập-chí Nam-phong, số 67, tháng 1-1923)

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

- SAIGON -

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whisk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »



TRUNG-HOA TÌNH SỬ

HƯ-CHU *tình dịch*

Nhắc đến cổ giai phẩm của Trung-Hoa, dù có thiên về mấy bộ Tam-Quốc Tây-Sương, mà xưa nay ai đã đành quên Tình-Sử? Và đọc hết một pho này, có ai chẳng nhận rằng trong ấy thật đã chứa đựng biết bao nhiêu điển cố thường gặp ở những thi phẩm của Phạm-Thái, Nguyễn-Dư...? Bớt vậy, dịch Tình-Sử ra Việt ngữ, công đó tất không thể không làm; và tuy vài chục năm trước đã có mấy bản dịch của mấy bậc chuyên nho, chúng tôi thiết tưởng bây giờ ta vẫn còn nên mong gặp lại.

Vậy đây, bản dịch Tình-Sử của Hư-Chu. Hư-Chu, một cây bút có cái kỹ thuật tình ngữ rất đặc biệt của Liêu-Trại, chắc cũng không dám đề phụ lòng những bạn đọc nào đang muốn tìm một phong vị cổ.

L.T.S.

V. — NGÔ NỮ

ĐỜI Đại-dức, viên lại ân họ Thôi từng sự ở Dương-châu, rất cận giao với nhà Ngô viên ngoại. Thôi-ông có một trai nhỏ mà thấy Ngô-ông có hai ấu-nữ, nên muốn thân gia. Rồi nhân được thuận gả cô chị tên Hưng, liền nộp chiếc kim trâm để làm tin mai mai hậu.

Cách nửa năm, Thôi-ông đòi đi viên-trấn. Sau đó, nhiều lần thuyền chèo, mười lăm năm dòng dã cũng chưa tiện tin về. Cho đến một hôm bệnh nặng mười ngày, mới trao cho con một bức

tâm thư mà dặn hãy tìm ngay người cũ. Thôi-sinh bấy giờ mồ côi cả mẹ, liền một mình trở lại Dương-châu. Nhưng đến nơi trình bức thư cha thì nào hay kẻ hứa hôn vừa mới chết. Tuy nhiên châu chìm ngọc nát mà vẫn được tiếp ân cần. Chẳng những vậy lại thấy dọn cho một phòng riêng để làm nơi lưu học.

Thôi ở nhà họ Ngô hai tháng, thì tiết Thanh minh. Bữa đó đi tảo mộ, tới đến ra sân bỗng bắt được một chiếc kim trâm chạm hình con phượng. Nhân đem cất tạm vào phòng thì chợt thấy một nữ lang theo vào chào nói :

— Thiếp là em chị Hưng nhà. Bấy lâu tị hiềm nên không dễ dám tự ra chào nhận.

Thôi chưa gặp mặt nhưng vẫn biết nhạc gia có một thứ nữ tên là Khánh. Lúc đó, nhân vừa đáp lễ thì nghe Khánh cười rằng :

— Hồi nãy đi qua, có đề mất một chiếc kim trâm. Vậy nếu may gặp tay quen thì chắc cũng thấy châu về Hợp-phố ?

Thôi thấy nói, vội trả chiếc trâm vàng. Nhưng Khánh nhận mà không lui, lại lưỡng lự hỏi :

— Chị Hưng vì mong chàng mà yểu mệnh. Cái tình đó, biết có được thấu cho chăng ?

Thôi nghe giọng trắng hoa, giật mình mà thảng thốt. Thì Khánh chợt đã diễm nhiên ngồi xuống ghế. Thôi hoảng kinh mà bảo :

— Dầu là qua cát nhưng cũng hiềm nghi. Và giữa đêm hôm, sao không giữ tiếng ?

Nói đoạn, giục Khánh nên kịp ra phòng. Nhưng Khánh vẫn ngồi yên, cười nói :

— Thấy tình dang dở, thiếp rất lòng thương. Bời vậy liệu đã đến thăm mà hoặc có thay người mệnh bạc.

Thôi kinh sợ đáp :

— Việc hôn nhân tùy nơi cha mẹ. Nay bỗng tìm đến, nào bực dầu mà dám riêng tư !

Khánh thấy Thôi một mực kháng kháng thì đỏ mặt. Rồi đột nhiên lại tím tím mà rằng :

— Dây cung đã kéo, không thể không buông. Bỗng lại còn ngần thì xin cứ mặc tình mà hô hoán !

Nói xong, phất áo tay vào cây bạch lập. Thôi thấy vậy, hốt hoảng không cùng. Mà lắng tai nghe thì cảm như Khánh đã lại bên giường phủi đệm. Bấy giờ lòng tuy vẫn chính nhưng thể khó không tả. Nhân suy nghĩ hồi lâu rồi đành mà tắc lưỡi.

Đêm đó, gần sáng Khánh mới ra về. Nhưng về mà cứ đêm đêm lại đến. Như thế hai tháng, một tối bỗng tỏ lòng lo. Đoạn bàn rằng :

— Việc này còn kín, nhưng chắc đâu chẳng có lúc dấy túi đầu kim. Vậy thì này Trắc-Văn quân, sao chàng chẳng Thành-dô Tư-mã ?

Thôi nghe nói, cho là phải, tán thành ngay. Bèn mà đêm sau dắt Khánh lẻm trốn ra sông, rồi đáp thuyền đến Lã-thành nương nấu ở nhà người nghĩa bộc. Từ đây đất lạ, tha hồ mà mây sớm mưa chiều. Nào những đâu chén rượu cuộc cờ, biết mấy thuở vờn xoay tuế nguyệt.

Như vậy hơn năm, bỗng một hôm Thôi thấy Khánh sầu nhan. Nhân gắng hỏi vì đâu thì đáp nói :

— Công án cú dục, hồi đã không đến. Nay chỉ mong việc cũ người ngoại mà phụ tử tình thâm biết đâu chẳng mở lòng đại xá ?

Nói đoạn, giục Thôi nên liệu tội mà về. Thôi vốn không nỡ phụ Ngô ông, cũng muốn tùy ân uy xá kết. Đó rồi từ biệt

người nghĩa bộc mà thuê một chiếc khinh châu. Sau đó buổi xuôi chỉ ba ngày đã ghé về bến cũ.

Thuyền cập bến, Thôi nhân thấy Khánh tự nhiên thất sắc, liền một mình khăn gói vào tạ tội trước với Ngô ông. Nhưng vào đối mặt mà Ngô ông thật lạ, đã không tỏ giận lại còn vồn vã mừng rằng :

— Năm trước ra đi, tất là lỗi ta sơ xuất. Vậy hãy quên chuyện cũ, đừng để tâm mà giảm nghĩa hai nhà.

Thôi lúc đó quì ở bên chân, liền chấp tay vái nói :

— Phòng riêng giấu diếm, trót việc tư giao. Đến nay hối tội, dẫn lệnh ái về hầu, cúi xin có nói tay rìu búa !

Ngô ông nghe nói, như ngọc nhiên mà không hiểu ý. Thôi cho là nhạc gia không muốn nhắc chi điều xấu, bèn nhỏ giọng mà thuật chuyện sau xưa. Nhưng ai ngờ Ngô ông lại cau mặt bảo :

— Thứ nữ hơn một năm nay bệnh nằm liệt chiếu. Và hiện giờ phòng khuê vẫn đó, sao loạn ngôn m chuyện lạ đời kia ?

Thôi thấy Ngô ông vã chối khiến khó kêu xin, nhân nghĩ đến li kim trâm, liền mở gói khăn lấy ra dâng nộp. Thôi nào hay, vừa thoát trình t, đã thấy kinh nghi mà sững nói :

Vật này là tín sớ của nhà con, song lúc tang ma đã liệm theo trường nữ !

Thôi nghe nói chưa kịp ngờ, chợt đã thoảng phòng trong có tiếng ai như tiếng Khánh. Nhân ngoảnh đầu ngó thì quả Khánh đang tiến ra giữa một bọn tùy nhi.

Khánh bấy giờ bước lại lạy phục trước Ngô ông rồi khóc nói :

— Tội nữ là Hưng, bấy lâu đã mượn xác em con để trốn đi trả xong tình trái. Ngày nay dương kỳ thật tuyệt, xin ngửa trông tha tội, mà cũng xin đừng nỡ bỏ Thôi lang !

Ngô ông lúc đó vừa giận vừa thương, nhân ngắm nghĩ giây lâu rồi bồng sa lệ bảo :

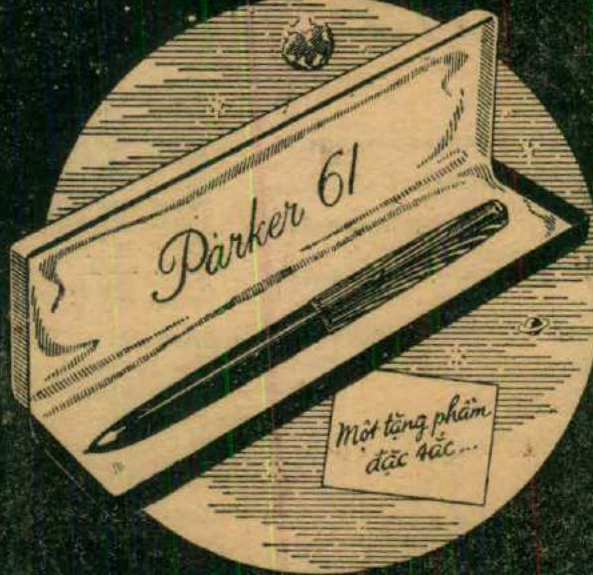
— Vì con tác quái, khiến em con đã liệt bệnh mà cũng lại thất thân. Tuy nhiên nghĩa tận âm dương, thôi thì năm năm cũng vẫn nhớ cho ngày kỳ giỗ.

Hồn Hưng lại nói :

— Lấy em thay chị, việc ấy thường tình. Vậy nhân đã chung chạ bấy lâu, cũng dám mong đừng ngại sự di hoa tiếp mộc.

Ngô ông khen phải, nhận sớ gả Khánh cho Thôi, Hồn Hưng được lời, lạy mà bái biệt. Sau đó, quay chào mọi người có mặt cùng chúc Thôi đẹp với duyên sau. Rồi hốt nhiên vùng khóc òa lên mà ngã ra chết ngắt. Bấy giờ hồn Hưng vừa rã, từ nữ vị ẩm đặt lên giường. Nhân đồ uống sâm thang thì lại dần hồi tỉnh. Nhưng tình mà bao việc cũ đều ngầy. Kịp khi đứng dậy bước đi thì bệnh liệt tiêu tan mà cử chi hiển nhiên là Khánh.

Cách nửa tháng sau ngày tốt, Ngô ông nhớ hứa, tức thì làm lễ thành hôn. Khách xa đến dự, nghe thuật nguyên do, đều nghi là câu chuyện đặt.



Parker 61

Bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker
nhà chế.

Bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61 là một chiếc bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61. Chiếc bút này được chế tạo bằng thép không gỉ và có một chiếc bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61. Chiếc bút này được chế tạo bằng thép không gỉ và có một chiếc bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61.



Quà tặng lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61 là một chiếc bút máy lễ nhất bán mục tự động thông của M. Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐAI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CH. 11



Thuốc thơm
hào hăng

Clat Sking

91000000

AIR LAOS

SIÈGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedi
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedi

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOANG VILLE

Quotidien

— PHONG SAVANH

Quotidien

— LUANG PRABANG Tous les Lundis, Mercredis,
Jeudis, Vendredis

— LUANG NAMTHA MUONG SING

Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis

— MUONG SAI Tous les Lundis, Mercredis,
Vendredis

— THAKHET

Tous les Lundis, Vendredis

— SAMNEUA

Tous les Mercredis, Jeudis,
Samedis



Vespa

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

KHÔI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-doãn, tức Quyền-phỉ, mà ông Điều-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyền về quê nhà ở Hoàng-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dùi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Điều-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Điều-gia rõ.

Sau một thời gian, Điều-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Điều-tiên-sinh bắt cô con lạy ông bà Tăng-Văn Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Điều, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tở-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyền họ Điều lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tụ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Điều, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bông lăm trọng bệnh. Theo một tục lệ cố hữu và nhân Bán-A đã đính hôn với Man-Ny, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lại Kinh, làm lễ cưới « Xung Hi », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bán A và Man Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngọa bệnh.

Khi Tăng-phủ ở Kinh nhận được điện báo nói rằng hai mẹ con Man-Ny đã lên đường, thì nhảm tính, ít ra phải mười hôm, hai người mới tới nơi được.

Lúc đó, bệnh tình của Bán-A đã vào thời kỳ trầm trọng và nguy kịch. Cậu gầy nhom, chỉ còn cái

da, bọc cái xương. Nhiệt độ vẫn cao, mạch yếu ớt, mỏng manh, thỉnh thoảng cậu lại nồn ọc, chân tay cậu thì lạnh giá. Cậu lại kêu bụng vừa lạnh, vừa đau, mà lúc nào cũng vẫn đầy trướng lên.

Cứ xem các hiện tượng đó thì dương tạng của cậu đã bị nội hãm

và bệnh chứng đương chuyển sang âm tạng. Toàn thân thể của cậu như bị khô hao đi, cổ họng ráo như bị cháy, và hai mắt thì đỏ dần mất cả tinh thần.

Vị ngự y đại phu thời không dùng quế chi, cam thảo nữa và thế vào đó bằng những vị có tính ôn, để hòa hoãn, âm tạng, vì ngài đã nhận thấy rõ rằng bệnh chứng của cậu là loại âm hàn; tất cả khi quan có cái công dụng phân tiết đều bị ngưng trệ, mất hẳn chính thường. Bởi vậy, phải thay phương, đổi vị, phải làm cho bụng ấm lại, nên ngài cho uống cần khương, hành bạch và mật lợn. Nếu bệnh không chuyển, ngài sẽ tấn công bằng những vị mạnh hơn, như đại hoàng, mang tiêu.

Thuốc men thì như vậy, nên cả nhà chỉ còn phần vọng một cách nhiệt liệt vào Man-Ni, và toan liệu ngay việc bố trí để cho hai cô cậu tương kiến.

Sở dĩ cả Tăng-gia, ai cũng ngóng ngóng mong nàng, là vì hiện thời, nàng, vừa là ông thầy thuốc cuối cùng, vừa là một vị cứu tinh. Đã nhiều lần, cậu có hỏi thăm mẫu cậu, Man-Ni đã ra tới nơi chưa, và bao giờ mới tới nơi? Trong những khi nhiệt độ lên cao, cậu sốt mê man và luôn mồm gọi tên nàng. Lại có một lần, Quế-Cô đương săn sóc cậu và có một mình ở trong phòng, bỗng nghe thấy cậu nói một cách minh bạch :

« Muội-muội ơi ! sao em không đi theo anh, đi, có được không ? »

« Chúng ta còn cả một đời của chúng ta, kia mà. »

Quế-Cô nghe rõ mồn một như vậy, liền đem hai câu đó nói với Tăng-phu-nhân, nên Tăng-phu-nhân lại càng tin chắc rằng : hễ Man-Ni đến là cậu sẽ đỡ ngay.

Tuy nhiên, có một việc nó làm cho cả Tăng-phu-nhân, Quế-Cô lẫn Tăng-tiên-sinh rất khó nghĩ. Nguyên do, cái lúc đánh điện gọi Man-Ni ra thì bệnh trạng của Bàn-A cũng chưa đến nổi nào ; nhưng nay, cậu đã tới cái lúc mười phần chết, cả mười; mệnh hệ của cậu như treo lên một sợi tơ mảnh. Đã biết thế mà lại đi bắt ép Man-Ni cử hành hôn lễ thì liệu có đành tâm không ? Thế còn cái tương lai của Man-Ni thì sao ?

Tăng-phu-nhân nói : « Bệnh tình của con mình như vậy thì liệu mình ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ ? »

Chẳng qua, bà chỉ muốn cho hai trẻ gặp mặt nhau để cho Bàn-A mừng mà đỡ đi; còn việc xung hỉ, chỉ khi nào cần lắm mới nghĩ tới thôi, vì đó là sự vãn cứu tối hậu. Ấy cũng chỉ vì quan ngự y đã cho biết, ngài đã dùng hết cả phương pháp để chữa cho cậu rồi nên bà mới vụt nghĩ ra cái kế sách trên đây. Nhưng giả sử thân mẫu của Man-Ni tự nói ra thì có phải công việc sẽ dễ dàng đi biết chừng nào. Khi mà bà đã cho mời cả bà mẹ nàng lai Kinh nữa thì nhất định bà cũng dự

đoán rằng cơ sự phải đến như vậy ; chắc chẳng cần phải bực bực rõ chân tình đâu. Vả lại, Man-Ni đã chính thức là sẽ đính hôn với Bàn-A rồi kia mà ; dấu sao, cũng không dễ dàng mà đem nàng gả cho ai được nữa. Không biết thân mẫu nàng có biểu đồng tình với bà ngay không ? Việc xung hỉ, xưa nay, vẫn là một tục lệ rất thông thường ; tuy vậy, cũng cần có sự thỏa thuận của bên nhà gái, mới xong. Hôn sự nào mà chẳng cần sự đồng ý của khờn gia, riêng, đối với xung hỉ, lại còn cần sự ưng thuận của cô dâu nữa.

Đem một cô nương làm lễ thành hôn với một người con trai nằm trên giường bệnh, hoặc một người đương hấp hối, là một việc hoàn toàn dựa vào tấm lòng hi sinh tuyệt đối, chứ không khi nào lại dùng tiền nong, của cải được.

Khi làm lễ xung hỉ, người ta hi vọng rằng bệnh nhân sẽ khỏi và sẽ lành mạnh ; nhưng, nếu bất hạnh, người ốm có mệnh hệ nào, thì cái người vợ góa kia, đối với gia đình, cũng như đối với xã hội, được coi như một vị thánh khiết, cho nên, không thể cử hành nó một cách khinh dị được. Đến như đối với những quả phụ bình thường còn không thể cưỡng bách được, nữa là cái hạng quả phụ của một đám cưới xung hỉ.

Sự ở góa thông thường gọi là giữ « tiết », nhưng, trong trường hợp xung hỉ, thì phải gọi là giữ « trinh » vì đã có việc thành hôn đâu. Nếu

một người đàn bà không ưng « thủ tiết » hoặc « thủ trinh », không ai có thể cưỡng bách được. Còn như những cô con gái « đồng trinh » là ngay từ khi còn nhỏ, đã lập thệ để chung thân đi tu, cái đó là do những người đó tự chủ, mà làm như vậy.

Ở trong cái cảnh tình này, nếu Man-Ni cam chịu hy sinh thì nàng cũng sẽ như các cô nương, vì người yêu mệnh một mà thề suốt đời không chịu gả nghĩa với người khác nữa.

Hai mẹ con Man-Ni, tới ngày hai mươi hai tháng năm, hồi ba giờ chiều, đến Bắc-kính. Hòm đó lại có bao cát, một thứ bao riêng của miền bắc. Ở sát đất không có gì nhưng, ở lưng chừng không trung, có một thứ bụi màu vàng ba động và che kín, làm cho vàng ủa cả bầu trời, vùng thái dương bị khuất và tới khi lộ ra thì trông thành một cái nĩa tròn, màu lam. Cả kính thành có một vẻ u tĩnh kỳ dị, không khác gì một buổi hoàng hôn quá sớm và y như cứ thế kéo dài, liên miên bất tận.

Man-Ni hết đôi húng phấn vì đây là cái nơi, mà trong bao nhiêu lâu nay, nàng hằng mơ tưởng, cái nơi mà ở đó có Bàn-A của nàng. Thực ra, nàng cũng chưa rõ bệnh tình của vi hôn phu ra sao, cho nên nàng thấy trong lòng bồn chồn, nóng nẩy một cách khác thường.

Dọc đường phố, Man-Ni nhìn không chán mắt nhà cửa, và cửa

hàng, cửa hiệu ; nào người di, kẻ lại, nào người Mãn, người Hán cũng là cách ăn bận, của phụ nữ ở đây. Trừ anh đầy tớ trai ra, cả bà mẹ nàng, lẫn con a-hoàn Tiều-Lạc, và người vú già, ai cũng bị vô cùng kích động vì lạ tai, lạ mắt ; thì họ mới tới đất để dò, lần này là lần đầu tiên mà lại.

Man-Ni lại liên tưởng tới Mộc-Lan ; chắc Mộc-Lan đã được tin nàng lại Kinh ; hai người xa nhau, thăm thoắt thế mà đã đầy bốn năm rồi, không biết hiện thời, cô bạn Kim-Lan đó đã lớn lên ngần nào và hình dáng lúc này ra sao ? Nàng lại lan man nghĩ tới cái tình cảnh của chính nàng ; nàng là một người biều thân, thì cho dầu có đến ở nhà, nhà họ Tăng trong một thời kỳ cũng không có gì lấy làm trở ngại ; có đôi chút khó khăn, là hiện nay cả nàng lẫn các biều huynh, biều đệ, đều đã trưởng thành ; vậy thì, sự đối đãi với nhau sẽ ra sao ? Nhất định không như lúc còn trẻ con nữa. Tân-A bây giờ cũng đã mười lăm rồi, không biết lúc gặp mặt sẽ nói năng với nhau ra thế nào ? Nàng lại nghĩ tới việc nàng là một người vợ chưa cưới của Bán-A ; theo lục lệ, vợ, chồng, chưa cưới, không được phép giáp mặt nhau ; ấy thế mà, nàng thì từ Sơn-Đông, đường xa, dặm thẳng, lên đây, mà lại không cùng nhau tương kiến thì nàng lên đây làm gì ; mà nếu giáp mặt nhau, rồi để cho người ngoài, người ta bàn tán, người ta chế người ta cười, thì làm thế nào bây

giờ ? Ở Tăng phủ có ít ỏi người đâu, cho nó cam ; nhà, thì đầy một nhà người, nào trẻ con, người lớn, người nhà, đầy tớ, bao nhiêu người, là người !

— Nàng còn đương suy nghĩ đến ngần ấy vấn đề nan giải thì xe đã dừng bánh, đỗ lại ở trước một tòa công quán đồ sộ.

Một dãy tường trắng toát, dài đằng dặc bao vây lấy hai bên cái cổng, nguy nga, cao, rộng. Bước qua cổng, thì tới một cái thềm rộng linh hai chục thước, có tường hoa vây nhiều và dẫn thẳng đến bậc cửa chính mà hai cái cánh lớn, sơn son đỏ chói ; mỗi bên cánh cửa lại có một cái vòng đồng đỏ ối. Ở phía trên cửa, có treo một bức hoành phi sơn thên, đen lẩy, trên có bốn chữ vàng « Hòa khí trình tường ». Một bên cửa, có dính một cái biển, mặt sơn trắng có rẩy kim sa và trên đề một dòng chữ màu xanh lục : « Điện báo cục, phó tổng giám, Tăng-công-quán ». Hai bên cửa, một đôi sư tử đá, dương nhe nanh, chia vuốt, châu phục. Thế rồi, ở chính giữa, một bức ngự bình đứng sừng sững, chia đường đi ra hai ngã ; trước bức ngự bình có một khoảng đất rộng để cho xe cộ có thể quay lượn một cách dễ dàng. Quả tình, ở Sơn-Đông, Man-Ni chưa hề trông thấy một trường sở, dinh thự nào, to tát, lộng lẫy đến như vậy.

(Còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LẤN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG MINH TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Trên vĩa hè Saigon** » của Triều-Đầu do tác giả gửi tặng

Và « **Nguyên tắc hợp tác** » của The Times publishing company xuất bản do nhà xuất bản gởi tặng.

Xin cảm ơn tác giả cùng nhà xuất bản và trân trọng giới thiệu cùng các bạn đọc,

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eaux de Cologne et Lotions de PREMIÈRE QUALITÉ

* Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hóa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đắn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dự trả lại), do nơi Văn Phòng Công Ty
135, Pasteur — SAIGON

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại-diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

HÃNG



Giấy nôi : 305

Giấy thép : KOL CHOLON

51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON

SẢN XUẤT :

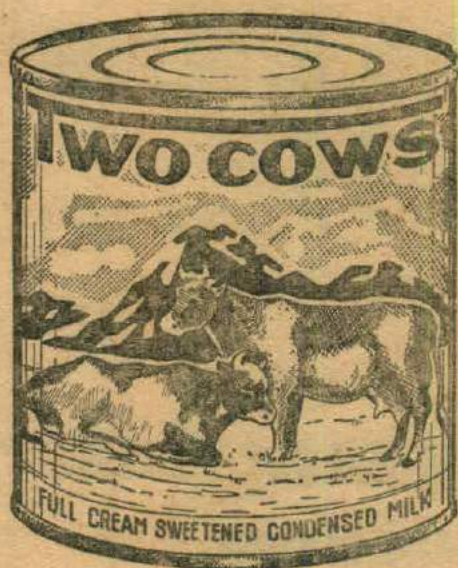
- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyéthylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

SỮA ((HAI CON BÒ))

Được

Viện PASTEUR

SAIGON



chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bò cho trẻ em dùng

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-si nên
Kính-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Card 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

EXPORTATION

Ceoutchouc, Crêpe samalla
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

Công-ty kỹ-thuật và thương-mại Việt-Nam

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIÊT-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON



IMPORT - EXPORT

XUẤT - NHẬP - CẢNG



Quincaillerie — Métallurgie — Technique

Miroiterie — Produits chimiques

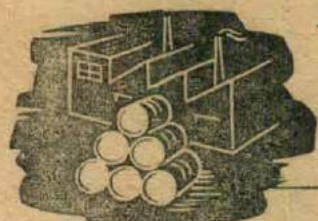
CÁC LOẠI ĐỒ KIM - KHÍ VÀ DỤNG - CỤ KỸ - NGHỆ HÓA - PHẨM



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra .



→ Chất dễ pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

Dove



15⁸

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA
BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00